

Phan-xuân-Hòa



LỊCH SỬ VIỆT-NAM

Quyển II

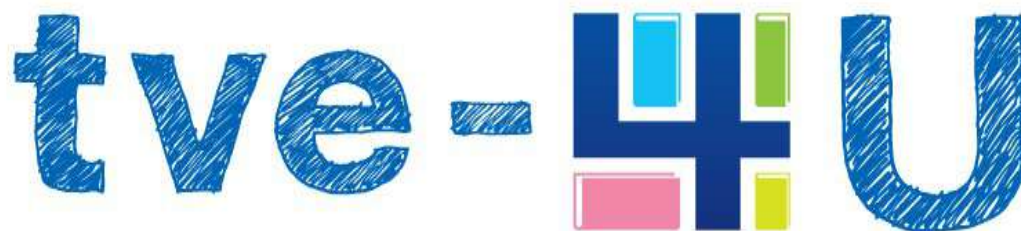
TỪ LÊ-LỢI KHỞI NGHĨA
ĐẾN NGUYỄN SUY VONG

SOẠN THEO CHƯƠNG TRÌNH BỘ Q.G.G.D.
DÙNG CHO BẬC ĐẲNG TRUNG-HỌC.



Đã được Bộ Quốc Gia
Giáo Dục duyệt y
làm sách Giáo-Khoa

Nhà xuất-bản Vĩnh-Thịnh



CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Tên sách : LỊCH SỬ VIỆT-NAM Q.II
TỪ LÊ-LỢI KHỞI NGHĨA ĐẾN NGUYỄN SUY VONG

Tác giả : PHAN XUÂN HÒA

Nhà xuất bản : VĨNH THỊNH

Năm xuất bản : 1952

Nguồn sách : scmn-vietnam.blogspot.com

Đánh máy : Nguyễn T. Kiều Tiên

Kiểm tra chính tả : Thế Ninh, anfat3, Hoàng Thị Xoan

Biên tập ebook : Thư Võ

Ngày hoàn thành : 29/10/2018

**Ebook này được thực hiện theo dự án phi lợi nhuận « SỐ HÓA 1000
QUYỂN SÁCH VIỆT MỘT THỜI VANG BÓNG » của diễn đàn TVE-
4U.ORG**

**Cảm ơn tác giả PHAN XUÂN HÒA và nhà xuất bản VĨNH THỊNH đã
chia sẻ với bạn đọc những kiến thức quý giá.**

MỤC LỤC

CHƯƠNG I : KỶ PHỤC HƯNG

Bài 1 : LÊ LỢI KHỞI NGHĨA

BÀI 2 : NHỮNG CHIẾN CÔNG ANH DŨNG CỦA LÊ LỢI

**A) TỪ LAM-SƠN XUỐNG LẤY NGHỆ-AN, THANH-HOÁ,
TÂN-BÌNH VÀ THUẬN-HOÁ**

B) TỪ TRUNG RA CHIẾM BẮC

BÀI 3 : LỜI BÌNH VỀ LÊ LỢI

CHƯƠNG II : THỜI KỶ THỐNG NHẤT

BÀI 4 : DÒNG LÊ PHỤC HƯNG

**A) THỜI KỶ CƯỜNG THỊNH : TỪ LÊ THÁI-TỔ ĐẾN LÊ
HIỂN-TÔNG (1428-1504)**

BÀI 5 : DÒNG LÊ PHỤC HƯNG (NỐI THEO)

**B) THỜI KỶ SUY NHƯỢC : TỪ LÊ TÚC-TÔNG ĐẾN LÊ
CUNG-HOÀNG (1505-1527)**

BÀI 6 : LÊ THÁNH TÔNG MỘT ĐỨNG ANH-QUÂN

BÀI 7 : NƯỚC CHIÊM-THÀNH SUY VONG

CHƯƠNG III : NHÀ MẠC

BÀI 8 : NHÀ MẠC CƯỚP NGÔI NHÀ LÊ

BÀI ĐỌC THÊM : GƯƠNG TRUNG NGHĨA

CHƯƠNG IV : LÊ TRUNG HƯNG

BÀI 9 : NAM TRIỀU VÀ BẮC TRIỀU

BÀI 10 : NHÀ MẠC MẤT NGÔI

BÀI 11 : HẬU-LÊ GIAO THIỆP VỚI NHÀ MINH

BÀI 12 : NHÀ MẠC Ở CAO-BẰNG

CHƯƠNG V : TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

BÀI 13 : HỌ TRỊNH CHUYÊN QUYỀN

BÀI 14 : HỌ TRỊNH XUNG CHÚA Ở BẮC VÀ HỌ NGUYỄN XUNG CHÚA Ở NAM

A) TRỊNH Ở BẮC

B) NGUYỄN Ở NAM

BÀI 15 : NGUYỄN TRỊNH CHIẾN TRANH

BÀI 16 : CÔNG NGHIỆP HỌ TRỊNH Ở BẮC

BÀI 17 : CÔNG NGHIỆP HỌ TRỊNH Ở BẮC (NỐI THEO)

BÀI 18 : CÔNG NGHIỆP HỌ NGUYỄN Ở NAM

BÀI 19 : CUỘC NAM TIẾN

CHƯƠNG VI : NGƯỜI TÂY PHƯƠNG VÀ CÁC GIÁO-SĨ ĐẠO GIA-TÔ ĐẾN ĐẠI-VIỆT

BÀI 20 : NGƯỜI TÂY PHƯƠNG ĐẾN ĐẠI-VIỆT

BÀI 21 : CÁC GIÁO-SĨ VỚI SỰ TRUYỀN GIÁO

BÀI 22 : NGƯỜI TÂY PHƯƠNG VỚI VĂN-HÓA ĐẠI-VIỆT

BÀI ĐỌC THÊM : TIỂU SỬ CỔ ALEXANDRE DE RHODES VÀ PIGNEAU DE BÉHAINE

a) ALEXANDRE DE RHODES

B) PIGNEAU DE BÉHAINE

CHƯƠNG VII : CHÚA NGUYỄN SUY VONG

BÀI 23 : TRƯỞNG PHÚC-LOAN CHUYÊN QUYỀN

BÀI 24 : NGUỒN GỐC TÂY-SƠN

BÀI 25 : TÂY-SƠN LẤY QUI-NHÂN, QUẢNG-NGHĨA, BÌNH-THUẬN VÀ QUẢNG-NAM

BÀI 26 : HỌ TRỊNH LẤY PHÚ-XUÂN

BÀI 27 : TÂY-SƠN GẶP TRỊNH, TÂY-SƠN HOÀ VỚI TRỊNH ĐỂ
DIỆT NGUYỄN

BÀI 28 : NGUYỄN ÁNH ĐÁNH TÂY-SƠN

BÀI 29 : NGUYỄN VƯƠNG CẦU CỨU VỚI PHÁP

BÀI 30 : NGUYỄN HUỆ PHÁ QUÂN TIÊM LA

TÓM TẮT

BẢNG THỐNG KÊ CÁC THỜI ĐẠI TỪ HÙNG VƯƠNG ĐẾN NGUYỄN SUY VONG

THỜI SƠ KHAI

BẮC THUỘC LẦN THỨ 1

THỜI KỲ TỰ CHỦ 1

BẮC THUỘC LẦN THỨ 2

THỜI KỲ TỰ CHỦ 2

BẮC THUỘC LẦN THỨ 3

THỜI KỲ TỰ CHỦ 3

BẮC THUỘC LẦN THỨ 4

THỜI KỲ TỰ CHỦ 4

PHỤ TRƯỞNG

I. BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO (MỘT ÁNG VĂN KIỆT-TÁC CỦA
NGUYỄN TRÃI)

II. 24 ĐIỀU RĂN DÂN CỦA LÊ THÁNH-TÔNG

III. ĐỆ NHẤT KHAI-QUỐC CÔNG-THẦN CỦA NHÀ TIỀN LÊ

A) KHAI QUỐC CÔNG THẦN

B) MÃI QUỐC CẦU VINH

IV. LÒNG HY SINH CAO CẢ CỦA NGUYỄN TRÃI

Phan-xuân-Hòa

LỊCH SỬ VIỆT-NAM

Quyển II

*TỪ LÊ-LỢI KHỞI NGHĨA
ĐẾN NGUYỄN SUY VONG*

Soạn đúng theo chương-trình lớp ĐỆ-LỤC
ban Trung Học của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục

**Đã được Bộ Quốc Gia Giáo Dục duyệt y
làm sách Giáo-Khoa**

Nhà xuất-bản Vĩnh-Thịnh

63, Lò Sứ, 63

HANOI

CHƯƠNG I : KỶ PHỤC HƯNG

BÀI 1 : LÊ LỢI KHỞI NGHĨA

Nhà Minh, sau khi diệt nhà Hồ, thắng Hậu-Trần, lấy được Thuận-hoá (năm 1407), đặt quan cai trị An-nam, nào Hoàng-Phúc, nào Trương-Phụ... áp dụng một chính sách tàn-khốc, mưu đồng hoá dân An-nam theo giống Tàu. Dân An-nam phẫn uất vô cùng : Nhiều nơi nổi dậy kháng Minh.

Trịnh Công-Chừng, Lê-Hành ở Hạ-hồng (thuộc Hải-dương), Phạm-Thiện ở Tân-ninh (thuộc Kiến-an), Nguyễn-Tri ở Khoái-châu (thuộc Hưng-yên), Nguyễn Đa-Cấu, Trần-Nhuế ở Hoàng-giang (thuộc Nam-định) ò ạt kéo quân ngược sông Lô đánh vào Phù-kiều (một bên sông Nhị) trong lúc nhiều nơi khác cũng lẻ tẻ nổi lên. Nhưng đâu đấy đều thất bại !

Hồi này, trong đất Lam-sơn (thuộc huyện Thụy-nguyên, phủ Thiệu-hoá, tỉnh Thanh-hoá) có một nông-gia tính khí khảng khái, nuôi chí diệt giặc Minh, rửa hờn cho dân tộc. Nông-gia ấy là **Lê Lợi**.

Nguyên tăng-tổ Lê Lợi là Lê Hối, ở thôn Như-áng, huyện Lương-giang (Thanh-hoá) đi chơi thấy đất quanh núi Lam-sơn vừa rộng vừa tốt, mới dời nhà vào đấy. Lê Hối chăm non dọn gai góc, mở ruộng nương để cày cấy. Ba năm sau gây thành sự nghiệp. Con cháu một ngày một đông, tô-tớ một ngày một nhiều.

Đời sau, Lê Đình (Hoàng-tổ Lê Lợi) nối nghiệp cha, hiền hoà khoan-nhân, gần xa đều mến phục. Dân cư tùy phục đã có tới hơn nghìn.

Đến đời thứ 3 (Hoàng-khảo Lê-Lợi) Lê Khoáng cũng hiền lành, vui vẻ, chiêu đãi khách khứa, yêu thương dân chúng. Thế là đã 3 đời lập nghiệp tại Lam-sơn, làm chúa một phương.

Khoáng sinh được 3 con, Lê-Lợi là út. Anh mất sớm, Lê Lợi nối nghiệp cha anh, hậu đãi các tân khách, chiêu nạp hạng lưu vong. Ngoài ra Lê-Lợi ham mê kinh-sử, chuyên tâm về thao lược.

Tuy nhiên quân Minh định ra danh mục, hãm hại hạng mưu trí, Lê-Lợi giữ được bền lòng, mong đồ nghĩa cả.

Lê-Lợi thường nói : « Sinh ở đời, làm trai nên cứu nạn lớn, lập công to, để tiếng thơm muôn thừa. Há bo bo chịu kiếp nô-lệ sao đang ! »

Song thấy thế giặc còn mạnh, Lê-Lợi thường hậu lễ nhún lờ, đem vàng bạc của báu đút lót cho các tướng Minh là bọn Trương-Phụ, Trần Trí, Sơn Thọ, Mã Kỳ, mong chúng thư tâm hãm hại, để đợi thời hành động.

Đảng của giặc là Lương-Nhữ-Hốt đã có lần bàn với giặc : « Chúa Lam-sơn chiêu vong nạp bạn, chí nó chẳng nhỏ. Nếu thường-luồng gặp được mây mưa, tất không phải là vật ở ao đâu ».

Quả lời Lương Nhữ-Hốt nói không sai. Năm 1418 (đời vua Thánh-tổ nhà Minh) Lê Lợi (được 33 tuổi) thấy thời cơ đã thuận tiện, bèn một mặt truyền hịch khắp nơi, kể tội giặc Minh và kêu gọi lòng ái quốc của muôn dân hãy đoàn-kết diệt kẻ thù chung, một mặt xưng Bình-Định-vương, từ Lam-sơn phát cờ khởi nghĩa.¹

Bắt đầu tướng sĩ còn ít, mới có 200 quân thiết đột, 200 dũng-sĩ, và 300 nghĩa-sĩ, sức Bình-Định-vương địch với giặc Minh, không khác trứng chọi với đá. Nhưng với lòng kiên nhẫn, với mưu sâu chí cả, Bình-Định-vương đã lập được những chiến công anh dũng, (mà bài II dưới đây sẽ thuật), để sau 10 năm, quét sạch giặc Minh ra ngoài bờ cõi, đưa nền tự chủ giở về cho tổ quốc.

BÀI 2 : NHỮNG CHIẾN CÔNG ANH DŨNG CỦA LÊ LỢI

A) TỪ LAM-SƠN XUỐNG LẤY NGHỆ-AN, THANH-HOÁ, TÂN-BÌNH VÀ THUẬN-HOÁ

Năm 1418, nghe tin Bình-Định-vương (Lê-Lợi) khởi nghĩa ở Lam-sơn, tướng Minh là Mã Kỳ từ Tây-dô (Thanh-hoá) đem quân đánh. Bình-Định-vương lui quân mai-phục ở Lạc-thủy (Cấm-thủy – Quảng-hoá), quân Minh bị đánh úp chết tới 3.000, binh lương khí giới mất rất nhiều. Vài tháng sau,

quân Minh do Lý Bân chỉ huy, cũng bị tập kích ở gần Lam-sơn. Nhưng quân còn quá ít, lại bị nội phản, Bình-Định-vương phải bỏ vợ con và người nhà bị bắt, rút lên núi Chí-linh, ước thúc lại cơ đồ.

Năm sau, từ Chí-linh, Bình-Định-vương dẫn quân đánh đến Nga-lạc (Nga-sơn, Thanh-hoá) bắt được tướng địch là Nguyễn-Sao, xong lại rút về Chí-linh.

Giặc Minh vây Chí-linh, tình thế Bình-Định-vương trở nên nguy-ngập, vào giữa năm 1419. May có Lê-Lai² đổi áo mà Bình-Định-vương trốn thoát, về ẩn trong Lư-sơn (thuộc Quảng hoá).

Năm 1420, Bình-Định-vương đánh xứ Thị-lang và Quan-du. Rồi đem quân đóng Ba-lậm (thuộc Lôi-giang). Tại đây Bình-Định-vương được Nguyễn-Trãi³ ra mắt, hiến kế « bình Ngô ».

Năm 1421, nhân lúc quân Minh vừa ở xa kéo đến Ba-lậm, còn nhọc mệt, Bình-Định-vương sai quân phá trại Minh giữa lúc đêm khuya, giết được binh-sĩ vô kể. Trần Trí bỏ chạy.

Hồi này tên Lỗ Bá-Luật, làm quan với giặc, sang dư thuyết bên Ai-lao để Ai-lao hiềm khích với An-nam : 30.000 quân Lào có trăm voi nửa đêm đến phá trại An-nam, song quân Bình-Định-vương đánh lui được ngay, đoạt voi 14 thớt và nhiều quân nhu. Duy tướng Lê Thạch xông theo đuổi giặc, giẫm phải chông, chết.

Sang năm 1422, Bình-Định-vương từ Ba-lậm đánh đồn Da-quan chém được tướng Phùng-Quý ; Mã Kỳ chạy thoát. Sau khi bị quân Minh Lào hai mặt vây đánh tại Khôi-sách, Bình-Định-vương phải rút lên Chí-linh, một lần nữa là 3.

Về Chí-linh lần này, lương thực không còn, phải đào củ hái rau, giết cả voi ngựa để nuôi quân. Bất đắc dĩ, Bình-Định-vương giả vờ hoà với tướng giặc Sơn-Thọ, Mã-Kỳ để dựng lại cơ đồ.

Năm 1424, Bình-Định-vương xuống đánh vùng Nghệ-an. Bắt đầu đánh đồn Đa-căng, sau tiến vào địa hạt Trà-long (thuộc Tương-dương). Chém

tướng Trần Trung ở núi Bô-liệp (thuộc Qui-châu) ; tri-phủ Cầm-Bành ra hàng.

Bọn Trần Trí, Phương-Chính đem cả thủy lục quân đánh. Bình-Định-vương sai tướng sĩ lên mạn khả-lưu (bắc ngạn sông Lâm-giang, thuộc Lương-sơn) đánh trống đốt lửa bên này sông mà quân lại phục nơi hiểm yếu bên kia. Mặc kế nghi binh, bọn Trần Trí thua, về giữ thành Nghệ-an. Bình-Định-vương bắt sống được tướng Chu-Kiệt, chém được Hoàng-Thành.

Qua năm 1425, Bình-Định-vương cử quân vây thành Nghệ-an. Rồi dụ quân Minh đến cửa sông Đổ-gia, dùng phục binh đánh phá. Giặc tan phần chạy ra Đông-quan, phần rút vào cố thủ trong thành Nghệ-an.

Đồng thời vây thành Nghệ-an và Tây-đô, quân Bình-Định vương vào hạ được hai thành Tân-bình và Thuận-hoá.

Thế là từ Thanh-hoá giở vào, quân Minh bị vây hãm trong mấy thành, Bình-Định-vương đoạt hết đất đai bên ngoài, tổ chức chính-trị an dân. Các tướng tôn Bình-Định-vương lên làm *Đại Thiên Hành Hoá* (thay giới làm mọi việc).

B) TỪ TRUNG RA CHIẾM BẮC

Năm 1426, Bình-Định-vương chia quân các ngả, chặn mối liên-lạc giữa các đồn Minh, và cản đường tiếp viện của Vân-nam và lương Quảng, một đạo thì tiến ra Đông-quan, phá quân địch ở Ninh-kiều (phía tây phủ Giao-châu), ở Ứng-thiên rồi ở Ninh-giang (khúc trên sông Đáy). Tướng Trần Trí chạy trốn, tướng Vị-Lang bị bắt sống, hơn 1.000 binh bị chém tại làng Nhân-mục.

Viện binh Vân-nam sang, bị tấn công, ở cầu Xa-luộc, chạy vào thành Tam-giang (thuộc Bạch-hạc, Vĩnh-yên).

Minh-đế cách hết chức lữ bại tướng Trần-Trí, rồi cử Vương Thông với Mã-Anh đem 5 vạn quân sang cứu Đông-quan. Bọn này bị phục binh ở Cổ-lam và Tam-la phá vỡ. Tại Tuy-động (thuộc huyện Chương-mỹ) thượng-thư

Trần-Hạp và nội-quan Lý-Lương bị giết, Vương Thông thu quân chạy vào thủ thế ở Đông-quan. Bình-Định-vương răn quân vây thành Đông-quan.

Quân Minh bị hãm vào thế cô trong mấy thành, vào cuối năm 1426, Vương Thông sai người nói với Bình-Định-vương tìm giòng họ Trần lập lên làm vua để bãi binh.

Nghĩ đánh mãi, dân tình khổ sở, Bình-Định-vương theo lời Vương-Thông, cho đón Hồ-Ông ở Ngọc-ma, đổi tên là Trần Cao ⁴ lập lên làm vua, Bình-Định-vương xưng là Vệ-Quốc-công, cầu phong với nhà Minh. Song vì bọn An-nam theo Minh là Trần Phong, Lương Nhữ-Hốt, Trần An-Vinh, sợ khi quân Minh về Tàu sẽ bị giết, thuật lại chuyện Ô-Mã-Nhi làm gương ⁵. Vương Thông nghe lời, cho nên ngoài mặt nói hoà, bên trong cho người đưa thư về Minh triều cầu cứu. Bắt được người mang thư, Bình-Định-vương cả giận, lại cất quân đánh Minh. Không bao lâu, hạ được Thị-kiều (thuộc Bắc-ninh), Tam-giang (thuộc Bạch-hạc), Xương-giang (thuộc Phủ-lạng-thương) và Ký-ôn.

Năm 1427, Bình-Định-vương kéo quân đóng ở Bồ-đề, uy hiếp thành Đông-quan. Hồi này tướng nhà Minh là Thái-Phúc, Tiết Tụ giữ thành Nghệ-an và Diễn-châu kéo nhau đến hàng.

Cuối năm 1427, Minh-đế sai Liễu Thăng đem 10 vạn binh, 2 vạn ngựa, đi đường Quảng-tây sang đánh cửa Phả-luy (Nam-quan), lại sai Mộc Thạnh dẫn một toán quân khác theo đường Vân-nam đánh cửa Lê-hoa.

Quân Liễu Thăng hạ được Phả-luy, hạ luôn Ải-truy. Nhưng khi đi đến gần Chi-lăng (thuộc châu Ôn, tỉnh Lạng-sơn) bị đột kích rất hăng. Liễu Thăng bị chém ở núi Đảo-mã-pha cùng hơn vạn binh sĩ. Tướng Lương Minh cũng bị giết, Lý Khánh thì tự tử. Tướng Hoàng Phúc và Thôi Tụ, chạy đến Xương-giang, bị bắt sống. Còn Mộc Thạnh ở Lê-hoa – thấy mấy tên tỳ tướng mà Bình-Định-vương bắt được lại thả ra, đem giấy má ấn tín của Liễu Thăng đến – hoảng sợ, rút chạy, bỏ quân bị giết hại rất nhiều.

Thấy viện binh đã thua to, Vương Thông lại viết thư xin hoà.

Xét nên bãi binh sớm để bớt sự thiệt hại cho dân, Bình-Định-vương thuận cho hoà. Và hơn 86.000 tướng sĩ nhà Minh được Bình-Định-vương cho hồi hương, vào cuối năm 1427.

Lê Lợi đã thành công, sau 10 năm chiến đấu một cách gian-lao mà dững cảm.⁶

BÀI 3 : LỜI BÌNH VỀ LÊ LỢI

Người Minh nhân nhíp hai họ Hồ Trần phân tranh, đem quân sang lấn, ngoài mặt làm quân nhân nghĩa, bên trong ngấm ngấm tính việc xâm lăng, tàn hại nhân dân, cướp lấy của báu ! Rồi gồm nuốt đất đai, chia đặt quận huyện, thay đổi phong tục, hiếp trao quan tước. Dân ta đau khổ trăm đường.

Trong lúc ấy, những hạng quyền biến trí-thức đều náu hình lẫn bóng, tránh tiếng trốn đời, cốt giữ mình sao cho khỏi hại. Riêng Lê Lợi, không để quan tước dụ nổi, không để oai thế hiếp nổi, gặp lúc nhiễu nhương mà lòng càng vững, trải cơn cùng quẫn mà chí càng hăng, quyết thu lại đám dân tan-tác cứu cho vận nước khỏi long đong. Lê Lợi quả là một bậc thông minh trí dững, rất xứng là Chúa tể của muôn dân.

Đi ngược dòng lịch-sử, xét qua trường hợp sáng nghiệp của tiền Triều, ta thấy Tiên-Hoàng nhà Đinh đánh tan 12 Sứ-quân, thống nhất bản đồ, dựng nên nước ta, thật đã anh hùng !

Thế nhưng lỡ vì không cẩn thận đề phòng việc nhỏ, gây ra sự chẳng lành, nước cũng mất theo. Vua Thái-tổ nhà Lý, nhân vua Ngọa-Triều thất đức, bèn có thiên hạ ; về nghĩa Vua Tôì, sai, trái, danh, phận, không thể không mang thẹn ở trong trời đất. Vua Thái-tông nhà Trần, núp bóng Trần thủ-Độ, nhân vua Chiêu-Hoàng quá yếu, tiếm đoạt ngôi báu ; về trong buồng the, ở lỗi đạo hăng, không thể không để cười cho hậu thế.

Chí như Lê Lợi thì tự núi Lam-sơn khởi nghĩa, giận giặc Tàu mà cất quân, lấy nhân giết lũ bất nhân, lấy chính đánh phường bất chính ; khôi phục thiên-hạ ở trong tay Minh ; lên ngôi vua như thế, thật là danh xứng với đức tài vậy.

Cân nhắc riêng về các võ-công oanh liệt ghi trong sử xanh từ cổ lai, ta thấy Lê Lợi đã là anh-hùng bậc nhất của giang sơn.

Trưng Trắc đuổi giặc Hán, lập quốc xưng Vương. Cũng không phải không đáng được muôn đời thờ phụng. Nhưng Trưng Trắc, tuy cũng nặng lòng vì nước, còn mang tiếng vì thù chồng mà dấy quân, để dựng nền tự-chủ có ba năm.

Triệu-Ấu chống Ngô, lưu danh thiên cổ. Tiếc rằng khởi binh chưa đầy nửa năm đã thất bại mà tự tử.

Ngô Quyền diệt Nam Hán, cởi mở ách đô-hộ, dựng nền tự-chủ. Anh-hùng lắm thay ! Song Ngô Quyền là chủ tướng Ái-Châu, có quân sĩ quanh mình, lại kích thích bởi lòng tàn-nhẫn của Kiều Công-Tiện mới dấy binh để rửa hờn mà được nước.

Lý thường-Kiệt bình Chiêm phạt Tống, mở rộng thêm bờ cõi ², lại Trần Quốc-Tuấn đại phá quân Nguyên, bảo tồn lãnh thổ. 2 vị đều là anh-hùng quán thế. Nhưng đương thời quốc-gia tự-chủ, kỷ cương rõ rệt, quân-đội đường hoàng, được sẵn sàng chiến đấu chống xâm lăng : nổi khó khăn hẳn nhẹ phần hơn Lê Lợi !

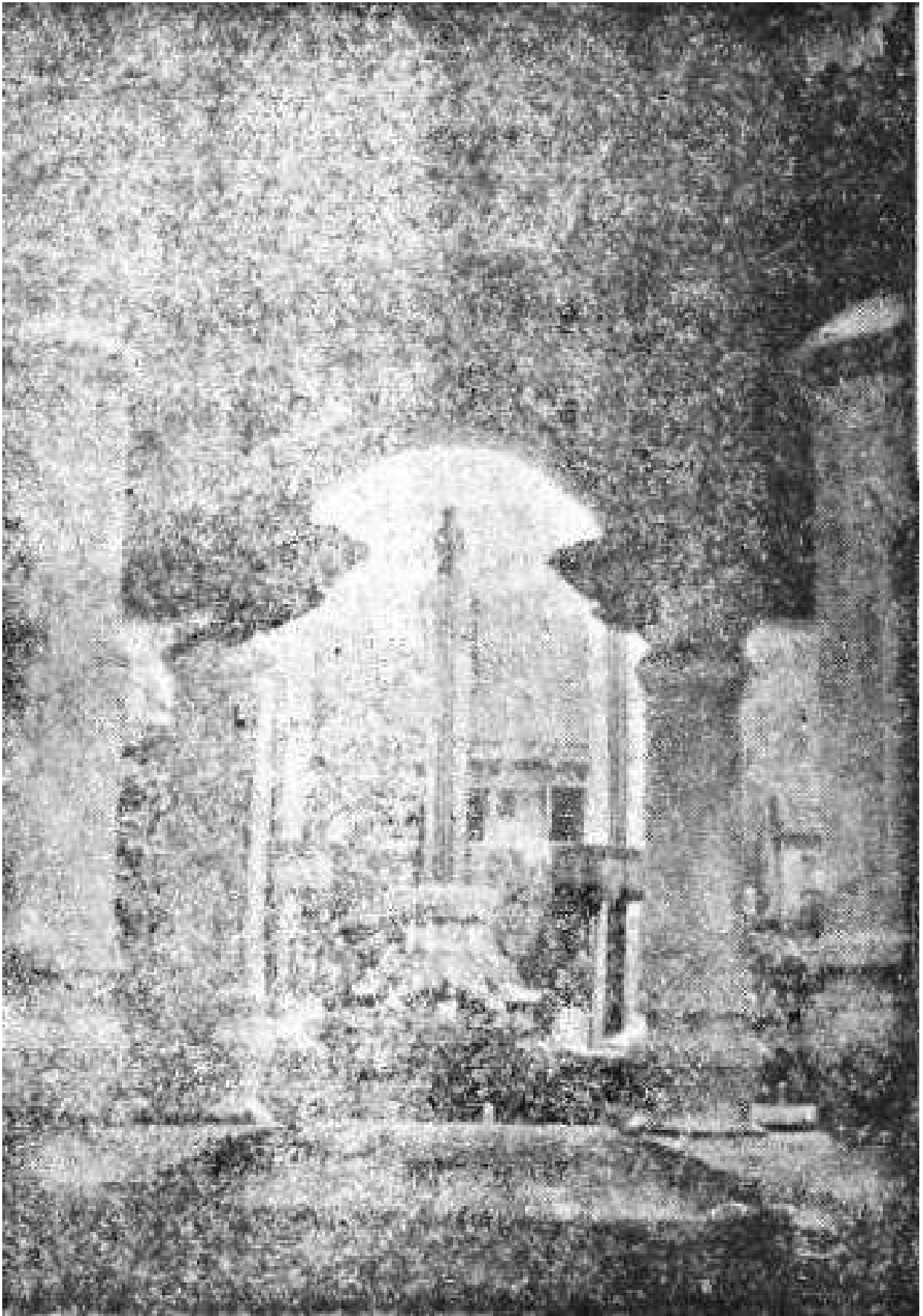
Còn Lê Lợi khởi nghĩa trong lúc non sông bị Minh chiếm. Khắp đó đây, giặc xây thành đắp lũy, tổ chức chính trị, dùng đủ phương-tiện kiềm hãm sức quật cường của dân chúng. Ngoài ra, đưa danh lợi cám dỗ sĩ-phu, cám dỗ không được bắt buộc cho bằng được, nếu không hãm hại. Mỗi cử chỉ trái ý giặc, là mỗi mối nguy cơ đến tính mệnh. Dân trí lúc bấy giờ bị lung lạc xiết bao ! Vậy mà Lê Lợi, tránh được mọi nỗi hiểm nguy, ngấm ngấm gây sự nghiệp, khẳng khẳng lòng trừ địch cứu dân.

Từ sắt không có một thanh gậy nên khí giới hàng kho, từ lính không một tên, dựng nên quân đội hùng cường. Một lòng vì nghĩa cả, chiến đấu trong 10 năm liên tiếp, thua không chán nản, được chẳng kiêu căng.

Đi từ lúc thế cô quân ít, đặt mai phục, dùng kỳ binh, tiêu hao lực địch, đến lúc có binh hùng tướng mạnh, xuất trận như chẻ cây nứa, phá lũ giặc như bẻ cành khô.

*Chạy địch biết bao phen, mất cả vợ con tôi tớ, mà rồi giặc hùng-hổ như
Liễu Thăng, Lương Minh, cũng thua trận đều mất đầu, mưu trí như Thôi Tụ,
Hoàng Phúc, cũng hết kế mà dương mắt.*

*Thiệt là một lòng vì nước vì dân, gian lao bao quản, Lê Lợi đã lập
những kỳ công, chưa đời nào sánh kịp.*



Đền thờ vua LÊ THÁI-TỔ (LÊ LỢI) ở bờ hồ Hoàn-kiểm.

Trong tận cùng là Đền, thờ ở trên gác. Trước cửa đền có một cột trụ đá xây cao chừng 10 thước tây. Trên đầu trụ, tượng vua Lê đứng cầm kiếm. Trước cột trụ, giữa sân, một nếp nhà đại-bái. (Ảnh chụp ngày lễ kỷ-niệm 22 tháng tám Tân Mão (1951) cho nên trước cửa đền và dọc theo cột trụ có treo Quốc kỳ và đề 1428, năm vua Lê lên ngôi hoàng-đế).

CHƯƠNG II : THỜI KỲ THỐNG NHẤT

BÀI 4 : DÒNG LÊ PHỤC HƯNG

A) THỜI KỲ CƯỜNG THỊNH : TỪ LÊ THÁI-TỔ ĐẾN LÊ HIẾN-TÔNG (1428-1504)

Lê Thái-tổ : Để hoà với nhà Minh, Bình-Định-vương (Lê-Lợi) tôn Trần-Cao lên làm vua, lấy hiệu là Thiên-khánh. Khi chiến tranh chấm dứt, Trần Cao bỏ trốn vào châu Ngọc-ma (thuộc phủ Trấn-ninh) nhưng bị quan quân bắt về, phải tự thắt cổ mà chết.

Trần-Cao chết rồi, Bình-Định-vương lên ngôi hoàng-đế, tức *Lê Thái-tổ*, niên hiệu Thuận-thiên, quốc hiệu là Đại-Việt⁸ đóng đô ở Đông-kinh (Hà-nội).

Khi đầu, nhà Minh không phong cho Lê Thái-tổ, bắt tìm con cháu nhà Trần. Vua Thái-tổ bảo các quan viên và phụ lão trong nước làm tờ khai « con cháu nhà Trần không còn ai ». Nhà Minh mới chịu phong Vương cho Ngài. Từ đấy cứ 3 năm, một lần Đại-Việt phải cống nhà Minh hai người vàng gọi là « Đại thân kim nhân »⁹. Xử trí như vậy chỉ vì Bình-Định-vương muốn ôn hoà, tránh họa chiến tranh. Chứ thực ra người Tàu vẫn không xâm phạm vào chủ quyền Đại-Việt.

Sau khi thăng thưởng cho các công thần, Lê Thái-tổ sửa sang mọi việc :

Việc học : Đặt trường Quốc-tử-giám ở Kinh-đô ; đặt thầy dạy học ở các Phủ lộ. Mở khoa thi « Minh kinh » chọn nhân tài giúp nước.

Tôn giáo : Những người theo đạo Phật, đạo Lão, phải thi Kinh Điển của đạo ấy. Ai thi trúng mới được phép làm tăng, đạo-sĩ... Thi hỏng phải về tục làm ăn.

Pháp luật : Hình luật trong nước được sửa lại theo nhà Đường : đặt tội *xuy*, tội *trượng*, tội *đồ*, tội *lưu*, tội *tử*¹⁰. Những người thuộc hạng *Bát nghị*¹¹, những người già từ 70 trở lên, trẻ từ 15 tuổi trở xuống, khi có tội được xét

lại để tùy theo nặng nhẹ mà giảm bớt, tha bổng hoặc chuộc tiền. Đánh đố bác, bắt được, phải chặt ngón tay mất ba phân ; đánh cờ phải chặt ngón tay mất 1 phân. Không có việc gì quần tụ lại rượu chè, phải phạt đánh 100 trượng ; những người dung chứa hạng này cũng phải phạt giảm xuống một bậc.

Cai trị : Khi trước Đông-đô chia làm 4 đạo ¹², nay đặt thêm đạo Hải-tây, gồm những hạt Thanh-hoá, Tân-bình và Thuận-hoá. Mỗi đạo có quan Hành-khiển giữ sổ sách về quân dân. Dưới đặt Xã-quan coi việc các xã.

Đặt phép « *quân điền* » ¹³ để lấy công điền công thổ chia cho mọi người từ quan đại-thần đến người già yếu cô quả. Còn tư điền, quân phân mỗi xuất đinh một phần.

Vũ bị : Khi còn chiến tranh có cả thấy 25 vạn binh. Nay rút xuống 10 vạn, chia làm 5 phiên : 1 phiên ở lại thì 4 phiên khác được về làm ruộng cứ lần lượt thay nhau như thế.

Lê Thái-tổ mất năm 1433, trị vì được 5 năm, thọ 49 tuổi.

Lê Thái-tông : lên nối ngôi năm 1434, mới có 11 tuổi. Mọi việc đều giao cho quan Phụ-chính Lê Sát quyết định. Lê Sát cậy quyền làm nhiều điều trái phép. Sau Thái-tông giết bỏ Lê Sát, nhưng Thái-tông không người phò tá, lại ít tuổi, chẳng bao lâu say mê tửu sắc.

Về đời này, dân tình đói khổ vì đại-hạn, nước lụt, lại hoàng-trùng. Đồi ba nơi nổi loạn, may giẹp yên ngay. Tiêm-la, Ai-lao, Chiêm-thành vẫn giữ sứ-thần đi lại, cống tiến.

Thái-tông chinh đốn lại thi cử : 5 năm một lần thi *Hương*, 6 năm một kỳ thi *Hội*. Phép thi kỳ đệ nhất làm 1 kinh-nghĩa. 4 bài Tứ-thư nghĩa, mỗi bài 300 chữ trở lên ; kỳ đề nhị làm Chiếu, Chế, Biểu ; kỳ đệ tam làm thi phú ; kỳ đệ tứ làm 1 bài văn sách 1.000 chữ trở lên. Năm 1442, mở khoa thi *Tiến-sĩ*. Những người thi đỗ được khắc tên vào bia đá để trong Văn-miếu.

Cuối năm 1442, Lê Thái-tông mất đã gây ra cái án Thị-Lộ làm hại gia-đình vị Khai-quốc công-thần Nguyễn-Trãi. ¹⁴

Thái-tông làm vua được 9 năm, thọ 20 tuổi.

Thái-tông mất, thái-tử Bãng-Cơ lên nối ngôi, tức **Lê Nhân-tông** mới có 2 tuổi. Bà Hoàng-thái-hậu ra cầm quyền.

Hồi này đặt ra 14 Điều Hộ Luật và việc tư điền.

Về cách thi cử, bỏ ám-tả và kinh nghĩa, chỉ thi viết và tính. Về giao-thông, đào sông Bình-Lỗ từ Thái-nguyên đến Phú-thọ.

Năm 1446, Lê Thụ và Lê Khả giẹp yên được giặc Chiêm-thành ¹⁵. Năm 1448, Xứ Bồn-man xin nội thuộc Đại-Việt, gọi là châu Qui-hợp. ¹⁶

Thái-hậu nghe lời gièm pha, giết mất Lê Khả, Lê khắc Phục là những công-thần, làm nhiều người không phục.

Năm 1453, **Nhân-tông** mới bắt đầu thân chính. Ngài cấp ruộng cho con cháu những công-thần bị giết. Sai Phan phù-Tiên viết Quốc-sử từ vua Trần Thái-tông đến thời kỳ thuộc Minh, cả thấy 10 quyển.

Các vương hầu và các quan, ngoài số thuế được thu, tùy theo phẩm hàm, được lĩnh thêm tiền tuế-bổng.

Năm 1459, anh Lê Nhân-tông là Lạng-Sơn-vương Nghi-Dân trước đã làm thái-tử, sau vì mẹ có tội mà bị truất, mưu với bọn Phạm Đồn và Phan Ban nửa đêm trèo thành vào giết Nhân-tông và Hoàng thái-hậu, tự xưng làm vua.

Nhân-tông làm vua 17 năm, thọ 19 tuổi.

Lên ngôi **Nghi-Dân** nghe lời dùa nịnh, chém giết cựu thần, cho nên mới được 8 tháng, các quan đại thần Nguyễn Xí, Hinh Liệt, giết bỏ Nghi-Dân, Phạm Bồn và Phan Ban. Rước con thứ 3 vua Thái-tông là Bình-Nguyên-vương Tư-Thành lên ngôi, tức Lê Thánh-tông.

Lê Thánh-tông : lên ngôi năm 1460, niên hiệu Quang-Thuận. Đến năm 1470 lại đổi niên hiệu là Hồng-Đức. Mất năm 1497, thọ 56 tuổi, làm vua 38 năm.

Lê Thánh-tông rất thông minh, làm nhiều việc khiến cơ-nghiệp của Lê Thái-tổ để lại được thịnh-vượng (mà bài 6 sẽ nói riêng).

Lê Thánh-tông mất thì thái-tử **Tăng** lên nối ngôi, tức **Lê Hiến-tông** (năm 1497). **Hiến-tông** thông minh, hoà hiếu thường nói chuyện với các quan : « Vua Thái-tổ đã gây dựng cơ đồ. Vua Thánh-tông đã sửa sang mọi việc. Ta nay chỉ lo gìn giữ nếp cũ mà mở mang sự nhân chính ra cho sáng rõ các công đức của ông cha trước ». Mất năm 1504, Hiến-tông làm vua được 7 năm, thọ 44 tuổi.

BÀI 5 : DÒNG LÊ PHỤC HƯNG (NỐI THEO)

B) THỜI KỲ SUY NHƯỢC : TỪ LÊ TÚC-TÔNG ĐẾN LÊ CUNG-HOÀNG (1505-1527)

Lê Hiến-tông mất năm 1504, con thứ 3 tên Thuần lên nối ngôi, tức **Lê Túc-tông**.

Túc-tông làm vua được 6 tháng thì mất, triều-đình tôn anh thứ 2 tên là **Tuấn** lên ngôi, tức **Lê Uy-Mục**.

Uy-Mục rất táo bạo, giết tổ-mẫu là bà Thái-hoàng thái-hậu, giết Lẽ bộ thượng-thư Đàm văn-Lễ và Đô-ngự-sứ Nguyễn quang Bật, vì 3 vị này không chịu lập Uy-Mục lên ngôi, lúc Hiến-tông mất.

Đã bạo-ngược, lại say đắm tửu sắc, đêm nào Uy-Mục cũng cùng cung nhân uống rượu, đến khi say thì giết bỏ. Có khi bắt quân sĩ đánh nhau làm trò chơi. Sứ Tàu sang làm thơ gọi Uy-Mục là Quý-vương.

Uy-Mục tìm những người có sức mạnh làm túc-vệ ; bởi thế Mạc Đăng-Dung thi đỗ đô-lực-sĩ được làm chức Đô-chỉ-huy-sứ. Còn những tôn-thất công-thần thì bị đánh đuổi, triều thần chán nản, nhiều người bỏ quan trốn đi. Cơ nghiệp nhà Lê từ đây mỗi ngày mỗi suy nhược, để rồi mất vì nhà Mạc.

Năm 1509, Giản-tu-Công tên là Oánh, cháu vua Thánh-tông về Tây-đô hội với các quan cựu thần, đem binh bắt Uy-Mục và hoàng-hậu Trần-thị giết đi, rồi tự lập làm vua.

Giản-tu-Công lên ngôi năm 1510, tức **Lê Tương-Dực**.

Tương-Dực hay chơi cờ xa-xỉ. Làm điện 100 nóc, xây cửu-trùng đài, đóng chiến-thuyền bắt đàn bà chèo chơi. Lại tư thông với cung nhân tiên Triều. Sứ Tàu bảo Tương-Dực có tướng lợn, loạn sắp tới.

Đời này có quan Binh-bộ thượng-thư là Vũ Quyền viết bộ Đại-Việt thông-giám, 26 quyển cả thầy.

Trong nước giặc nổi khắp nơi. Trần Duy-Nhạc, Ngô văn-Tổng làm loạn ở huyện Đông-ngạn và Gia-lâm ; đất Sơn-tây có Trần Tuân đánh phá ; tên Phùng Chương làm giặc ở núi Tam-đảo ; Trần công-Ninh ở huyện An-lãng ; Lê Hy, Trịnh Hưng, Lê văn-Triệt ở đất Nghệ-an ; hung hăng nhất là Trần Cao ở huyện Thụy-dương (Hải-dương) tự xưng là Đế Thích giáng sinh, đem quân đóng ở Bồ-đề chực sang lấy Kinh-đô.

Giặc giã như thế mà vua không chịu sửa sang việc gì. Nguyên Quận-công Trịnh duy-Sản, vì hay can vua mà phải đánh. Trịnh duy-Sản bèn mưu cùng Lê Quang-Độ, Trịnh Chí-Sấm giết Tương-Dực, hội triều-đình lại, lập con Mục-Y vương là Quang-Trị, mới 8 tuổi. Võ-Tá hầu là Phùng Mại muốn lập cháu 3 đời vua Thánh-tông là con Cấm-Giang vương tên Ý đã 14 tuổi. Trịnh duy-Sản bắt chém Phùng Mại. Lên ngôi 3 ngày, Quang-Trị bị anh Trịnh duy-Sản là Trịnh duy-Đại đem vào Tây-đô rồi bị giết. Bọn Trịnh duy-Sản lại phải lập Ý lên làm vua tức Lê Chiêu-tông.

Lê Chiêu-tông lên ngôi (1516) trong lúc Nguyễn Hoàng-Dụ ở bến Bồ-đề được tin Trịnh duy-Sản đã giết Tương-Dực, kéo quân về đốt phá kinh-thành, bắt giết tên Vũ như-Tô là người đốc việc làm đèn đài cho Tương-Dực. Trịnh duy-Sản phải rước Chiêu-tông vào Tây kinh.

Giặc Trần Cao thấy triều-đình bỏ trống kinh-đô, kéo quân vào chiếm, tiếm hiệu làm vua. Nguyễn Hoàng-Dụ và Trịnh Tuy, sau khi đánh tan giặc Trần Cao, giở giáo chống nhau. Trần Chân bênh Trịnh Tuy đánh Nguyễn Hoàng-Dụ phải chạy vào Thanh-hoá. Rồi Chân cũng bị nghi làm phản mà bị giết. Bộ tướng của Chân đem quân phá kinh-đô. Để trị loạn, Chiêu-tông phải mời Mạc Đăng-Dung, lúc bấy giờ ở Hải-dương về giúp. ¹⁷

Giệp yên các nơi hỗn loạn, Mạc Đăng-Dung thu cả quyền binh vào tay, ra vào hống hách.

Chiêu-tông thấy vậy chạy lên Sơn-tây thu xếp binh mã đánh Mạc Đăng-Dung. Không xong, chạy vào Thanh-hoá, Chiêu-tông bị Mạc Đăng-Dung bắt được, giết đi. Mạc Đăng-Dung lập Hoàng-đệ là **Xuân** lên thay Chiêu-tông tức **Cung-hoàng**, niên hiệu Thống-nguyên.

Chiêu-tông làm vua được 11 năm, thọ 26 tuổi.

Năm 1527, Mạc Đăng-Dung giết bỏ Lê Cung-hoàng và bà Hoàng thái-hậu, bắt các quan nhà Lê thảo bài chiếu truyền ngôi cho nhà Mạc.

Cơ-nghiệp nhà Lê do Lê Lợi dựng nên từ năm 1427 đến đây, vừa được 100 năm thì sụp đổ bởi những người kế nghiệp về sau, không đủ tài đức. Mãi đến năm 1532 mới lại trung-hưng lên được (Xem Lê trung hưng ở Chương IV).

BÀI 6 : LÊ THÁNH TÔNG MỘT ĐỨNG ANH-QUÂN

Niên-hiệu Quang-Thuận : 1460-1469

Niên-hiệu Hồng-Đức : 1470-1497

Vua Lê Thánh-tông rất thông minh, thờ mẹ có hiếu¹⁸, ở với bề tôi dãi lầy lòng thành. Làm được nhiều việc ích quốc lợi dân.

Văn trị : Từ trước Triều-đình vẫn theo nhà Trần : trên có Tả Hữu tướng-quốc, rồi đến Lễ Bộ, Lại Bộ, Nội Các viện, Trung-thư, Hoàng-môn, và 3 sở môn-hạ, lại có ngũ Đạo Hành-khiển để coi sổ sách quân dân các Đạo. Đến khi Nghi-Dân cướp ngôi (1459) đặt ra Lục bộ và Lục khoa (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Công, Hình). Mỗi bộ có quan thượng-thư đứng đầu, rồi đến Tả Hữu Thị-lang, Lang-trung, Viên-ngoại lang, Tư-vụ. Nay Thánh-tông đặt thêm lục Tự : Đại-lý-tự, Thái-thường-tự, Quang-lộc-tự, Thái-bộc-tự, Hồng-lô-tự, Thượng-bảo-tự ; Quan-lục-tự thì có Tự-khanh, Thiếu-khanh và Tự-thừa.

Định lệ tri-sĩ cho các quan. Ai làm đến 65 tuổi được xin về tri-sĩ. Nha lại làm đến 60 tuổi cũng được về tri-sĩ.

Thánh-tông chia nước ra làm 12 Đạo : Thanh-hoá, Nghệ-an, Thuận-hoá, Thiên-trường, Nam-sách, Quốc-oai, Bắc-giang, An-bang, Hưng-hoá, Tuyên-quang, Thái-nguyên, Lạng-sơn. Mỗi Đạo có tòa Đô, tòa Thừa, và tòa Hiến. Tòa Đô có chánh Phó-Đô. Tổng-binh coi việc binh ; toà Thừa có Thừa-chính chánh phó-sứ coi việc Chính ; tòa Hiến có Hiến-Sát chánh phó-sứ coi việc hình. Đặt ra chức thám-sát-ngự-sứ để xem xét công việc các Đạo cho khỏi sự nhũng lạm.¹⁹

Sau nhân lấy đất Quảng-nam (1470) của Chiêm-thành²⁰ Thánh-Tông chia đất làm 13 xứ : Thanh-hoá, Nghệ-an, Sơn-nam (trước là Thiên-trường), Sơn-tây (trước là Quốc-oai), Kinh-bắc (trước là Bắc-giang), Hải-dương (trước là Nam-sách), Thái-nguyên, Tuyên-quang, Hưng-hoá, Lạng-sơn, An-bang, Thuận-hoá, Quảng-nam. Ở những xứ hiểm yếu như Nghệ-an, Thanh hoá, Tuyên-quang, Hưng-hoá, Thái-nguyên, Lạng-sơn, Quảng-nam, đặt chức Thứ-ngự-kinh-lược-sứ để phòng giữ. Các xứ chia ra phủ, huyện, châu, rồi đơn-vị ở dưới là hương, phường, xã, thôn, trang, sách, động, nguyên, trưởng, cả thấy có 8.006 đơn-vị.

Thuế lệ : mỗi người đóng 8 tiền một năm. Ruộng, đất, bãi trồng dâu, mỗi thứ chia làm 3 hạng, theo mẫu đánh thuế.

Pháp luật : Sửa lại luật năm 1460, rồi đổi niên-hiệu là Hồng-Đức. Bởi thế Luật của Thánh-tông gọi là Luật Hồng-Đức.

Canh nông : Vua Thánh-tông thường-thường sắc cho phủ, huyện hết sức khuyến dân cày ruộng trồng dâu. Đặt quan Hà-đê và Khuyến-nông coi việc cày cấy trong nước. Đốc dân phu khai khẩn những đất bỏ hoang. Lập ra 42 sở đồn-điền, đặt quan trông nom khai khẩn.

Y-tế : Thánh-tông lập tế sinh, nuôi người đau yếu già nua ; khi có dịch tễ, sai quan đem thuốc đi chữa.

Phong tục : Thánh-tông không cho làm chùa mới, để tiền của làm việc có ích cho đời thực-tế. Cấm những nhà có lễ tang, bày-cuộc hát xướng. Việc

hôn, đã nhận lễ hỏi, phải chọn ngày cho rước dâu, không được để lâu 3, 4 năm. Ngoài ra Thánh-tông đặt 24 điều, sức dân xã thường thường giảng đọc để giữ lấy thói tốt.²¹

Địa-dư : Thánh-tông sai quan các Đạo vẽ địa-đồ sông núi và ghi chép sự tích, rồi gửi về bộ Hộ để soạn *Địa-dư* nước ta.

Sử-ký : Thánh-tông sai Ngô sĩ-Liên viết bộ Đại-việt sử-ký chia làm 2 bản : Một bản kể từ Hồng-bàng đến Thập-nhị-sứ-quân (có 5 quyển) ; một bản từ Đinh tiên-hoàng đến Lê Thái-tổ (10 quyển).

Văn học : Thánh-tông thường ra làm chủ các kỳ thi Đình, lập ra lệ *Xướng danh* tiến-sĩ, và lệ *Vinh quy*. Mở rộng nhà Thái-học, phía trước làm văn-miếu, phía sau làm nhà Thái-học, có cả phòng ốc để sinh-viên ở học.

Thánh-tông thích ngâm vịnh, cùng 28 văn-thần thành lập hội Tao-đàn, soạn ra nhiều tác-phẩm bằng văn nôm²². Lúc Thánh-tông đi đánh Chiêm-thành, Lão-qua và các Mường về, viết ra quyển « *Thân chinh ký sự* ».

Võ công : Thánh-tông nói : phàm một nước cường thịnh phải có vũ bị. Ngài bắt các quan tổng-binh chăm tập trận đồ, luyện sĩ tốt. Ngài đổi 5 vệ quân ra làm sáu Sở, mỗi Sở độ 400 quân. Cả thủy chừng 70.000 người : một phần giữ trật tự trong nước, một phần phòng bị dọc biên cương.

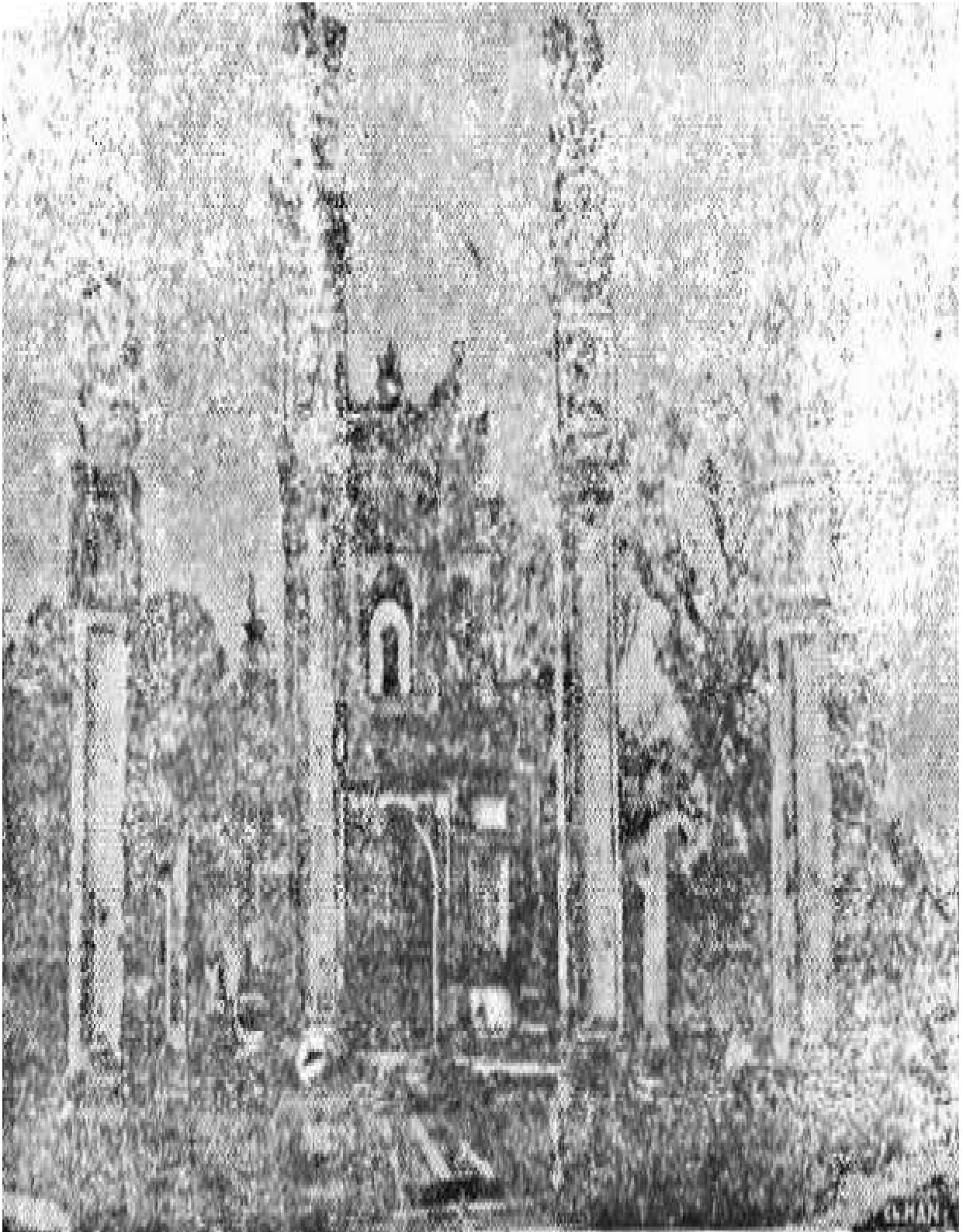
Thánh-tông đặt ra quân lính để tập thủy bộ trận (thủy có 31 Điều, bộ 42 Điều). 3 năm một kỳ thi võ. Tướng sĩ thi hỏng phải phạt.

Năm 1470, Thánh-tông vào đánh Chiêm-thành lấy một phần đất sát nhập vào Đại-việt, lập ra Đạo Quảng-nam.²³

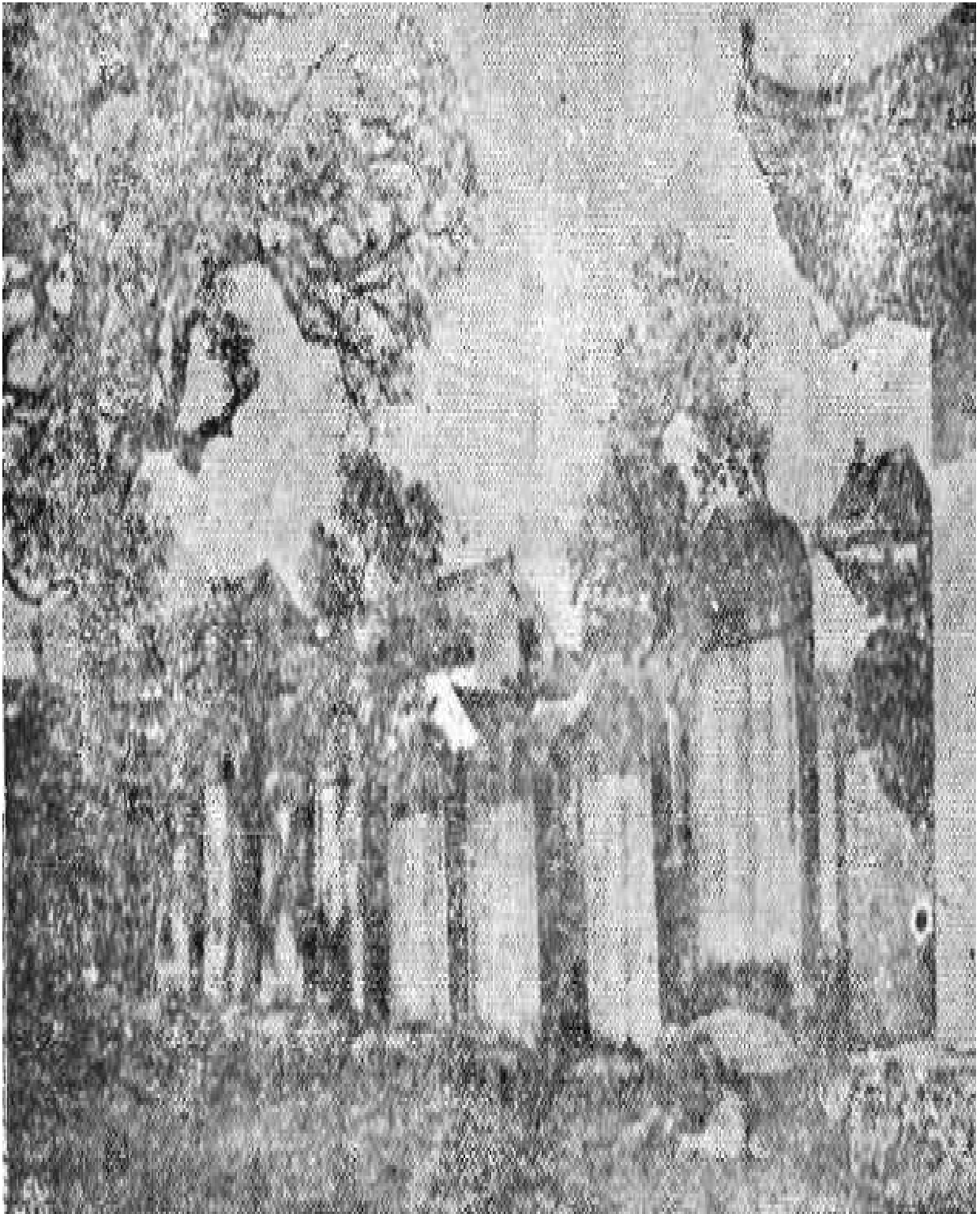
Năm 1479, Tù-trưởng xứ Bồn-man là Cầm-Nông xui người Lão-qua (Luang-Prabang) đem binh quấy nhiễu miền tây nước ta. Thánh-tông sai thiếu-úy Lê thọ-Vực cùng các tướng Trịnh Công-Lộ, Lê đình-Ngạn, Lê Lộng và Lê Nhân-Hiếu đem quân đuổi vua Lão-qua chạy ngược sông Cửu-long lên giáp nước Diến-điện. Một mặt cử Lê Niêm đánh Bồn-man. Nguyên xứ Bồn-man, về đời Lê Nhân-tông, năm 1448, đã xin nội thuộc Đại-việt đổi tên gọi là Châu Quy-hợp, sau là Trấn-ninh phủ. Triều-đình Đại-việt vẫn để cho Tù-trưởng họ Cầm được đời đời làm phụ-đạo. Nay Cầm-Nông cậy có

Lão-qua giúp, làm phán. Nhưng Cầm-Nông chết trận ngay, dân Bồn-man lại xin đầu hàng. Thánh-tông phong cho người họ Cầm-Nông là Cầm-Đông làm Tuyên-úy đại-sứ và đặt quan cai-trị Bồn-man.

Vua Thánh-tông đã mở rộng thêm bờ cõi và gây cho nước ta một thời kỳ đại thịnh vượng nhất từ cổ lai.



Cảnh « Tam Quan » trước Văn Miếu thờ Đức Khổng-Tử do Vua Lý Thánh Tông lập tại Hà-nội năm 1054.



Những bia đá khắc tên những người thi đỗ Tiến-sĩ dựng trong sân Văn Miếu Hà-nội. Các Tiến-sĩ được khắc tên vào bia đá khởi đầu từ năm 1442 đời Vua Lê Thái Tông. Bên kia bia đá, phía sau Văn Miếu Vua Lê Thánh Tông (1460-1497) cho dựng nhà Thái Học làm ra các phòng ốc cho những

ký sinh viên ở học. Có cả kho bí thư. (tức như bây giờ có Thư viện và ký túc xá)

BÀI 7 : NƯỚC CHIÊM-THÀNH SUY VONG

Khi Lê Thái-tổ trị vì, nước Chiêm-thành vẫn sai sứ qua lại. Sau Lê Thái-tổ băng hà, Thái-tông lên nối ngôi mới có 11 tuổi, việc nước phó thác cho quan Phụ-chính Lê Sát, làm nhiều điều bất chính, dân tình không phục. Vua Chiêm-thành là Bí-Cai nhân cơ-hội muốn mở lại biên cương, thu về đất cũ, bèn cất binh đánh mạn Quảng-nam. Nhưng bị quân Đại-việt vào giúp yên ngay. Bí-Cai thua, xin triều cống như cũ.

Tuy nhiên Bí-Cai vẫn chưa tâm phục Đại-việt, thường cho quân quấy nhiễu đất Hóa-châu. Đã nhiều lần triều-đình Đại-việt sai binh đàn-áp, Bí-Cai không chừa. Năm 1446, triều-đình cử bọn Lê Thụ, Lê Khả dẫn binh đánh Chiêm-thành, chiếm được Đồ-bàn, bắt Bí-Cai và phi-tàn đem về Đông-kinh. Rồi lập cháu vua Bô-Đề là Ma-Ha-Quy-Lai lên làm vua. Tạm yên được vài chục năm.

Đến năm 1470, vua Chiêm-thành là Trà-Toàn lại đem lòng giở-giáo, cho người sang cầu cứu với nhà Minh, đồng thời đem quân đánh phá đất Hóa-châu.

Vua Lê Thánh-tông liền sai sứ sang Tàu kể tội Trà-Toàn quấy nhiễu. Rồi Ngài thân dẫn hơn 20 vạn binh cả thủy bộ vào đánh Chiêm-thành. Thánh-tông diệt được đại binh của Trà-Toàn ở cửa Thi-Nại (Qui-nhơn bây giờ). Trà-Toàn xin hàng. Thánh-tông không cho, tiến quân lên chiếm thành Đồ-bàn, bắt được Trà-Toàn giải về Đông-kinh. Nhưng mới đi được nửa đường thì Trà-Toàn chết.

Chiêm-thành bao phen gây chiến-tranh với Đại-việt, để rồi bị thất bại, vẫn không chịu thành-thực phục tòng, còn quấy-nhiều cướp phá luôn luôn. Thánh-tông bèn định tâm làm cho Chiêm-thành yếu thế, để tránh họa về sau : Thánh-tông lấy đất Đồ-bàn, Đại-chiêm và Cổ-lũy sáp nhập vào Đại-việt, lập thành đạo Quảng-nam (hiện là 3 tỉnh Quảng-nam, Quảng-nghĩa và Bình-định), đặt quan cai-trị. Còn khoảng đất Chiêm-thành, lấy giải núi chạy từ Hoàn-sơn ra bể làm giới hạn, giở vào phía Nam, Thánh-tông chia làm 3

nước : một nước gọi là Chiêm-thành, một nước gọi là Hoá-anh, và một nước nữa gọi là Nam-phan.

Sau khi Trà-Toàn bị bắt, em Trà-Toàn là Trà-Toại trốn vào núi, sai người sang cầu cứu với nhà Minh. Nhà Minh sai sứ sang Đại-việt bảo phải trả đất Chiêm-thành, nhưng Thánh-tông không chịu, và bắt Trà-Toại giam ở Kinh-sư.

Nước Chiêm-thành đã phải cắt đất cho nhà Lý năm 1069 : Vua Chiêm-thành là Chế-Củ thua trận, dâng Lý Thánh-tông ba châu Địa-lý, Ma-linh và Bồ-chính (thuộc địa-hạt Quảng-bình và Quảng-trị bây giờ) : năm 1103, vua Chiêm-thành là Chế-ma-na do Lý Giác (làm phản ở Đại-việt) xui-giục đòi lại 3 châu vừa nói, nhưng Lý thường-Kiệt sang năm 1104 lại thu hồi được cho Đại-việt.

Năm 1306, vua Chiêm-thành là Chế-Mân dâng vua Trần Anh-tông châu Ô và châu Ri, sau đổi tên là Thuận-châu và Hoá-châu, làm sính-lễ để lấy Huyền-Trân công-chúa.

Rồi năm 1402, Chiêm-thành lại cắt đất cho nhà Hồ một lần nữa. Nguyên Hồ Quý-Ly sai tướng Đỗ-Mân đem binh đánh Chiêm-thành. Vua Chiêm-thành là Ba-Đích-Lai thua trận, chịu cắt đất Chiêm-đông (phủ Thăng-bình, tỉnh Quảng-nam) và đất Cổ-luỹ (tỉnh Quảng-nghĩa). Hồ Quý-Ly chia đất ấy ra làm 4 châu : châu Thăng, châu Hoá, châu Tự, châu Nghĩa.

Ngày nay Chiêm-thành lại chịu mất đất cho nhà Lê, như trên đã nói, chỉ còn vền-vện một khoảng đất về phía Nam, lại bị chia xẻ làm 3 nước, có 3 vua.

Trước sức bành-trướng của dân Đại-việt, giống Chiêm-thành đã suy nhược dần trong vòng 400 năm, để sau này, bị tiêu-diệt hoàn-toàn, dưới triều Nguyễn (năm 1697).

CHƯƠNG III : NHÀ MẠC

BÀI 8 : NHÀ MẠC CƯỚP NGÔI NHÀ LÊ

Năm 1527, Mạc đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê, lên làm vua, đặt niên-hiệu là Minh-Đức.

Sợ lòng người còn nhớ nhà Lê, nên việc gì trong nước cũng làm theo nhà Lê, lại tặng phong cho những người đã vì nhà Lê mà tuấn-tiết, lục dụng những con cháu cưu thân nhà Lê. Tuy nhiên phần đông quan nhà Lê vẫn không phục, kẻ trốn tránh lên sơn lâm, tụ tập những người nghĩa khí nổi lên đánh phá, như Lê công-Uyên, Nguyễn Ngã, Nguyễn thọ-Trường ở Thanh-hoá. Lê Ý ở Mã-giang ; có kẻ mắng chửi Đăng-Dung mà chịu chết chứ không chịu luồn cúi quân phản bội (xem bài *GUƠNG TRUNG NGHĨA*).

Làm vua được ba năm, bắt chước lối nhà Trần, Mạc đăng-Dung truyền ngôi cho con là Mạc đăng-Doanh, rồi về ở Cổ-traai làm Thái-thượng-hoàng, nhưng vẫn giữ quyền quyết đoán mọi việc.

Đăng-Doanh lên ngôi đặt niên-hiệu là Đại-Chính, năm 1530. Đăng-Doanh làm vua được 7 năm, thì nhà Minh sửa soạn qua đánh.

Nguyên lúc Mạc đăng-Dung lên ngôi, có người qua Tàu kể với nhà Minh sự thoán nghịch của họ Mạc. Cũng muốn vin vào cơ giúp Lê diệt Mạc để xâm chiếm Đại-Việt như thời nhà Hồ, vua nhà Minh sai Cừ-Loan làm đô-đốc, Mao-Bá Ôn làm Tán-lý-quân-vụ đem quân đến đóng ở gần cửa Nam quan ; rồi truyền hịch các nơi : « Hễ ai bắt được cha con Mạc đăng-Dung thì thưởng cho quan tước và hai vạn bạc » ; lại sai người đưa thư cho Mạc-đăng-Dung bảo đưa sổ ruộng đất nhân dân sang nộp và chịu tội. Mạc đăng-Dung liền cho bọn Nguyễn văn-Thái sang sứ nhà Minh để xin hàng.

Năm 1540, Mạc đăng-Doanh mất, truyền ngôi cho con là Mạc phúc-Hải, đổi hiệu là Quang-Hoa. Hồi này thấy nhà Minh sửa soạn qua đánh, Mạc đăng-Dung sợ hãi quá, giao việc nước cho Mạc phúc-Hải, rồi cùng bọn Vũ như-Quế, cả thầy hơn 40 người cỡi trần trối mình lên chịu tội với nhà Minh

ở cửa Nam-quan, lạy phục xuống đất nộp số điền thổ dân đinh ; lại cắt đất 5 động (động Tê-phù, Kim-lạc, Cỗ-xung, Liễu-cát, La-phù) và đất Khâm-châu dâng nhà Minh. Được tiền của họ Mạc, quan nhà Minh tâu Minh triều tha cho Đăng-Dung và phong chức Đô-thống-sứ.

Giết Lê Cung-Hoàng để cướp ngôi, cỡi trần trối mình, lạy xin chịu tội với nhà Minh, lại còn cắt đất dâng và đút lót vàng bạc, Mạc đăng-Dung là một kẻ bất nghĩa, hèn nhát, phản quyền lợi quốc-gia, rất có tội với nòi giống. Thế cho nên không giữ được ngôi phú quý mà nhà Lê lại trung hưng lên được.

BÀI ĐỌC THÊM : GƯƠNG TRUNG NGHĨA

Khi Mạc đăng-Dung giết Lê cung-Hoàng và Hoàng thái hậu lên ngôi, trong triều thần, cũng có một số cúi đầu vâng lệnh kẻ tiếm quyền, đây là những hạng tui áo giá cơm bất cố liêm sỉ, thấy danh lợi là hoa mắt, không hiểu thế nào là chính là nghịch. Nhưng cũng có một số nhất định không chịu cúi luồn quân phản bội, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng. Sử còn chép :

« Vũ công-Duệ, người làng Trịnh-xá, huyện Sơn-vi, tỉnh Sơn-tây, đỗ trạng-nguyên năm Hồng-đức thứ 23, làm quan Đô-ngự-sử rồi thăng lên chức Lại-bộ-thượng-thư, chửi mắng Mạc đăng-Dung, rồi ôm quả ấn của mình nhảy xuống cửa bể Thần-phù mà chết ;

« Nguyễn thiệu-Trí, người làng Xuân-lôi, huyện Lập-thạch, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây, đỗ đệ-tam-giáp tiến-sĩ năm 1478 làm quan đến Hộ-bộ-thượng-thư, đã về trí-sĩ, khi Mạc đăng-Dung cướp ngôi nhà Lê, ông đã 92 tuổi, nghe thấy con trưởng đưa theo nghịch-thần, liền từ bỏ, lập con thứ lên làm thừa-tự. Đoạn ông ngoảnh mặt về Lam-sơn khóc lạy, rồi tự vẫn ;

« Lê tuấn-Mậu, người xã Xuân-lôi, huyện Yên-phong, đỗ tiến-sĩ đời vua Thánh-tông làm quan hàn-lâm, đi sứ Minh, được thăng đô-ngự-sử, sau làm Lễ-bộ-thượng-thư. Khi Đăng-Dung bắt vào châu, ông thu trong tay áo một viên đá, nhắm mặt Đăng-Dung mà ném, nhưng không trúng, ông bị giết ngay ;

« Nguyễn thái-Bạt, người xã Bình-lang, xứ Cấm-giàng, đỗ tiến-sĩ đời vua Chiêu-tông, làm quan Hàn-lâm-hiệu-ly ; thấy Đãng-Dung tiếm ngôi, ông liền giả đui mù, xin lại gần Đãng-Dung để bàn chuyện. Đến lúc đã đứng gần kẻ thoán-đạt, ông nhổ vào mặt hấn cho hả cơn giận. Lẽ tất nhiên Thái-Bạt bị giết liền ;

« Đàm thận-Huy, hiệu Mặc-trai, người xã Ông-mặc, huyện Đông-ngân, đỗ tiến-sĩ đời Hồng-Đức, làm quan Hàn-lâm-hiệu-thảo, là một ngôi trong 28 vị sao của Tao-đàn. Đời vua Tương-Dực, đi sứ Minh về được thăng Lại-bộ-thượng-thư. Khi vua Chiêu-tông xuất hạnh, ông được mật chiếu về Bắc-giang khởi binh. Ông đem hơn năm vạn người về cự nhau với quân Mặc ở sông Tây-kiều (thuộc Đông-ngân). Sau vì thế cô, không địch nổi quân Mặc, ông uống thuốc tự tử. Khi Thận-Huy chết, vị tướng đồng chí với ông là Nguyễn hữu-Nghiêm vẫn còn cầm-cự ít lâu với quân Mặc ;

« Hữu-Nghiêm là người làng Phúc-khê, huyện Đông-ngân, đỗ Thám-hoa đời Lê Uy-Mục. Hồi đó mới có 18 tuổi. Làm quan Hàn-lâm-thị-thư, rồi được thăng thượng-thư kiêm chưởng-viện-sự, vua Chiêu-tông xuất hạnh, cùng với Đàm thận-Huy, ông cử binh đánh Mặc ; Thận-Huy tự tử được ít lâu, ông quay về quê nhà thăm mẹ. Kịp khi quân Mặc đuổi tới nơi, ông lạy mẹ, rồi bị giặc bắt đi. Đãng-Dung nhấn tâm cho xe xé thây Hữu-Nghiêm ;

« Lê tuấn-Kiệt, người xã Tân-minh (Thanh-hoá) cũng đương làm quan, thấy Mặc đãng-Dung thoán-đạt, liền bỏ quan về Thanh-hoá, tụ tập binh mã, đợi ngày đánh Mặc. Đãng-Dung cho người đem vàng lụa vào dụ hàng và hứa phong tước vương. Tuấn-Kiệt tức giận mắng rằng : « thằng Đãng-Dung là kẻ nghịch thần, tội nó rất lớn, trời đất không dung, quỷ thần đều tức. Ta chỉ muốn ăn thịt nó mà thôi, lẽ nào ta còn nhìn mặt nó ». Nói xong, sai chém người đến dụ, rồi kéo cờ dẫn quân đánh Mặc, sau chết tại sa trường.

« Ngoài ra còn nhiều vị khác trong hàng khoa-giáp, như Ngô Hoán (thượng-thư), Nguyễn văn-Vân (đô-ngự-sử), Nguyễn duy-Tường (tham-chính-sứ), Nguyễn tự-Cường (quan-sát-sứ), Nghiêm bá-Ký (bình-lữ-bá), Lại kim-Bảng (đô-ngự-sử), Lê vô-Cương (phó-đô-ngự-sử)... không chịu theo

Mạc, bỏ quan tước trốn đi, hoặc tuần-tiết, để ngàn thu gương TRUNG NGHĨA còn chói lợi ».

CHƯƠNG IV : LÊ TRUNG HƯNG

BÀI 9 : NAM TRIỀU VÀ BẮC TRIỀU

Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm, những người đã giúp Lê trung hưng.

Nhà Lê tuy mất ngôi cho nhà Mạc, năm 1527 nhưng lòng người còn tưởng nhớ đến công đức vua Thái-tổ và Thánh-tông, cho nên, năm năm sau, lại trung hưng lên được.

Khi Mạc đấng-Dung giết Lê Cung-Hoàng tiếm ngôi, Nguyễn Kim là quan Trấn-thủ Nghệ-an, không chịu hàng Mạc, trốn sang Ai-lao, ở xứ Sầm-neua (thuộc Trấn-nam-phủ Thanh-hoá).

Nguyễn-Kim là con Nguyễn hoàng-Dụ tức An-Hoà-hầu, một công-thần của nhà Lê. Về đời Lê tương-Dực, giặc giã nổi khắp nơi, Nguyễn hoàng-Dụ từng cầm quân đánh giặc, giữ Bồ-đề, bảo hộ lấy kinh-đô. Lúc trong triều rối loạn, các quan hiềm khích lẫn nhau, ông bị bọn Trần Chân, Trịnh Tuy đánh, phải chạy vào Thanh-hoá. Nguyễn hoàng-Dụ lại là cháu Nguyễn văn-Lang cũng làm quan với nhà Lê. Thế nghĩa là Nguyễn Kim thuộc dòng dõi đã từng đem công lực ra giúp Lê, nay thấy Lê sụp-đổ, không nở ngồi yên.

Năm 1532, Nguyễn Kim tìm được con rớt vua Chiêu-tông là Duy-Ninh, lập lên làm vua, tức *Trang-tông* và chiêu tập quân sĩ ở Sầm-châu, đợi ngày đánh Mạc.

Nguyễn Kim nghe tin **Trịnh-Kiểm** ở làng Sóc-sơn, huyện Vĩnh-lộc, phủ Quảng-hoá, tỉnh Thanh-hoá, là một tướng có tài, liền mời Trịnh Kiểm ra giúp. Nguyễn Kim lại gả con gái là Ngọc Bảo cho Trịnh Kiểm.

Trịnh Kiểm nguyên là mã-phu cho một viên tướng của nhà Mạc. Không phục Mạc, Trịnh Kiểm lấy ngựa của chủ chạy về sinh quán, rèn luyện binh mã, đợi ngày gây nghĩa cả. Được Nguyễn Kim tin dùng, Trịnh Kiểm ra cùng Nguyễn Kim hiệp lực phò Lê.

Năm 1540, Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm tiến quân đánh Nghệ-an. Thu phục được hạt Nghệ-an rồi, năm 1542 đánh Thanh-hoá. Qua năm 1543, chiếm đoạt được đất Tây-đô. Quan Tổng-trấn nhà Mạc là Dương thập-Nhất ra hàng.

Năm 1545, Nguyễn Kim dẫn quân đánh Sơn-nam, lúc đi đến huyện Yên-mô, bị Dương thập-Nhất đánh thuốc độc mà chết. Binh quyền từ đấy giao cả lại cho con rể, tức Trịnh Kiểm vậy.

Trịnh Kiểm rút quân về Thanh-hoá, lập hành-điện ở đồn Vạn-lai (thuộc huyện Thụy-Nguyên Thanh-hoá) để vua ở, rồi chiêu mộ hào kiệt, luyện tập quân sĩ và trữ lương thực, lo việc đánh Mạc.

Những danh-sĩ Phùng khắc-Khoan (tức trạng Bùng), Lương Hữu-Khánh đều vào giúp nhà Lê lúc bấy giờ. Lực lượng đã khá, nhà Lê giữ hẳn được đất từ Thanh-hoá giở vào gọi là *Nam Triều*, họ Mạc chỉ riêng giữ từ Sơn-nam giở ra, gọi là *Bắc Triều*.

Nhà Lê và Nhà Mạc cầm cự nhau mãi đến năm 1592 (đời vua Lê Thế-tông) sau khi Mạc Mậu-Hợp bị Trịnh Tùng bắt được, nhà Mạc mới mất ngôi, và nhà Lê mới lại làm vua cả Nam lẫn Bắc.

BÀI 10 : NHÀ MẠC MẤT NGÔI

Trong 3 năm (1540-1542), nhà Lê, do Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm phò tá, thu được Tây-đô làm căn cứ. Từ đấy, Đại-việt, chia ra làm Nam triều và Bắc triều như bài trên vừa nói. Nam Bắc hai bên ngày nào đầy đủ binh lực là ngày ấy không đội trời chung.

Từ năm 1573, đến năm 1583, 10 năm luôn, quân nhà Mạc do Mạc kính-Điển, Nguyễn Quyền, Mạc ngọc-Liễn chỉ huy, khi vào đánh Thanh-hoá, khi đánh cả Thanh-hoá lẫn Nghệ-an.

Nhưng lần nào cũng bị hao binh tổn tướng, lại rút về. Khi Mạc kính-Điển mất, Mạc đôn-Nhượng lại vào đánh, cũng thua. Đến năm 1583, nhà Lê đã mạnh, đổi thế thủ ra thế công, cất binh ra đánh Mạc, thắng Mạc ở Sơn-

nam, lấy được thóc gạo đem về. Sau, năm nào cũng ra đánh Mạc ; đánh trận nào được trận ấy, rồi quyết cử đại binh đánh Thăng-long.

Năm 1591, Trịnh Tùng đặt quân giữ các cửa bể, sai Thọ-quận công Lê Hoà giữ Thanh-hoá, tự dẫn 5 vạn quân chia làm 5 đạo, tiến ra ngã Ninh-bình, Yên-mã và Tân-phong, Vua nhà Mạc là Mạc mậ-Hợp (Mạc phúc-Hải chết năm 1546, Mạc phúc-Nguyên lên thay, Phúc-Nguyên chết năm 1561, con lên ngôi tức là Mạc mậ-Hợp) điều động tất cả lực lượng được hơn 10 vạn đón đánh quân nhà Lê. Trịnh Tùng đánh quá hăng, quân Mạc đương đầu không nổi, rút về Thăng-long. Trịnh Tùng kéo quân đuổi theo, đến gần Thăng-long thì vừa hết năm. Cho tướng sĩ nghỉ ăn Tết. Qua giêng tế Trời Đất xong Trịnh Tùng đem quân đánh Thăng-long. Mạc mậ-Hợp địch không nổi, chạy qua đóng quân ở làng Thổ-khối.

Thua như vậy mà Mạc mậ-Hợp vẫn không sửa sang võ bị, cứ say mê tửu sắc. Hồi này tướng nhà Mạc là Bùi văn-Khuê có người vợ tên Nguyễn tự-Niên, tài sắc hơn người. Mạc mậ-Hợp muốn giết Văn-Khuê để lấy vợ. Văn-Khuê biết ý, bỏ Mạc-mậ-Hợp vào theo Trịnh phò Lê.

Được Bùi văn-Khuê về hàng, Trịnh Tùng rất mừng, cho Văn-Khuê đi tiền đội, kéo quân đánh Mạc.

Quân Mạc thua ở sông Thiên-phái (thuộc huyện Ý-yên và Phong-doanh, Nam-định) mất 70 chiếc thuyền. Lại thua ở sông Hát-giang, mất hàng nghìn thuyền.

Mạc mậ-Hợp được tin quân mình thua to, bỏ thành Thăng-long về Kim-thành (Hải-dương). Trịnh Tùng sai tướng sĩ vây Mạc mậ-Hợp ở Kim-thành lấy được của cải rất nhiều và bắt được mẹ Mạc mậ-Hợp đem về. Mạc mậ-Hợp giao quyền trị cho con là Mạc Toàn, tự mình cầm quân đánh Trịnh. Bấy giờ tướng nhà Mạc là bọn Đỗ Uông, Ngô Tạo, cả thảy 17 người về hàng nhà Lê.

Trịnh Tùng sai Phạm văn-Khoái đem quân đánh Mạc mậ-Hợp ở huyện Yên-dũng và Vũ-ninh. Mạc mậ-Hợp thua, vào ẩn trong một ngôi

chùa ở huyện Phượng-nhân, Văn-Khoái bắt được đem về Thăng-long, chém, bêu đầu trong Thanh-hoá.

Con Mạc kính-Điển là Mạc kính-Chỉ ở Đông-triều được tin Mạc mậ-Hợp bị bắt, bèn tự lập làm vua, chiêu mộ quân sĩ, con cháu họ Mạc, cả Mạc-Toàn cũng về theo Kính-Chỉ. Thanh-thế Kính-Chỉ khá to, nhưng rồi chẳng bao lâu cũng bị Trịnh Tùng đánh thua ở Cẩm-giàng, Thanh-lâm, và bị bắt.

Thăng Mạc rồi, Trịnh Tùng rước vua Lê giờ ra Đông-đô.

Năm sau, tướng nhà Mạc là Mạc ngọc-Liễn lập con Mạc kính-Điển là Mạc kính-Cung lên làm vua, chiếm giữ châu Yên-bắc ở đất Lạng-sơn. Trịnh Tùng cho quân lên đánh, bọn này phải chạy sang Long-châu (Tàu). Ít lâu Ngọc-Liễn chết có để thư lại dặn Kính-Cung rằng : « Nay họ Lê lại dấy lên được, ấy là số trời đã định ; còn dân ta có tội gì mà ta nỡ để khổ sở mãi về việc chiến tranh. Vậy ta nên đành phận lánh mình ở nước ngoài, chứ đừng đem lòng cạnh tranh mà lại mời người Tàu sang làm hại dân nước mình ».

Mạc đầu lời nói rất nhân hậu của Ngọc-Liễn, dòng dõi họ Mạc còn dang dai, nhờ thế lực Tàu, mà chiếm đất Cao-băng mãi đến năm 1657 mới mất hẳn.²⁴

Kể từ Mạc đặng-Dung làm vua năm 1527 đến Mạc mậ-Hợp mất ngôi năm 1592 (không kể thời gian đã mất ngôi vua, con cháu còn chiếm giữ Cao-băng với sự giúp đỡ của Tàu), nhà Mạc chỉ đứng được 65 năm.

BÀI 11 : HẬU-LÊ GIAO THIỆP VỚI NHÀ MINH

Khi Trịnh Tùng đã đánh tan quân Mạc, thu phục được thành Thăng-long, rước vua Lê ra ở, người nhà Mạc sang kêu với vua nhà Minh rằng họ Trịnh nổi lên cướp ngôi, chứ không phải con cháu nhà Lê.

Vua nhà Minh sai quan đến Nam-quan xét xem việc thực hư thế nào. Vua Thế-tông (Duy Đàm) sai quan Hộ-bộ thượng-thư là Đỗ-Uông và quan Đô-ngự-sử là Nguyễn văn-Giai lên Nam-quan tiếp quan Tàu. Sau lại sai 2 hoàng-thân Lê Cảnh, Lê Lự cùng với quan Công-bộ tả-thị-lang là Phùng

khắc-Khoan đem 10 người kỳ-mục 100 cân vàng, 1.000 cân bạc, cái ấn An-nam đô-thống-sứ của nhà Mạc và cái ấn *An-nam quốc vương* của nhà Lê ngày trước, sang cho quan nhà Minh khám. Nhưng quan nhà Minh bắt vua Lê Thế-tông phải thân hành sang hội ở Nam-quan.

Trịnh Tùng cắt bọn Hoàng đình-Ái, Nguyễn hữu-Liêu đem một vạn quân đi hộ giá, đưa vua sang phó hội. Nhưng lúc Thế-tông đến Nam-quan, thì quan nhà Minh lại không đến hội, đòi phải nộp người vàng và ấn vàng như tích cũ. Thế-tông chờ lâu không xong việc, phải trở về.

Đến tháng tư năm sau, sứ nhà Minh lại mời vua Thế-tông sang hội ở Nam-quan. Triều-đình sai quan thái-úy Hoàng đình-Ái đem 5 vạn quân hộ giá Thế-tông sang Nam-quan.

Đến khi Thế-tông giở về, triều-đình cử Công-bộ tả-thị-lang Phùng khắc-Khoan làm chánh-sứ, thái-thường tự-khanh Nguyễn nhân-Thiệm làm phó sứ, đem lễ cống vua nhà Minh và xin phong.

Vua nhà Minh phong cho Thế-tông làm An-nam đô-thống-sứ. Sứ-thần Phùng khắc-Khoan dâng sớ tâu rằng : « Đô-thống-sứ là chức của họ Mạc, chứ vua Thế-tông là dòng dõi nhà Lê, mà phong cho chức ấy thì không xứng đáng ». Vua nhà Minh nói giả lờ : vẫn biết họ Lê không ví như họ Mạc, nhưng lúc đầu mới phong, hãy tạm cho chức ấy, rồi về sau sẽ phong vương.

Vua nhà Minh không chịu phong vương cho Thế-tông, nguyên vì khi Mạc cướp ngôi, nhà Lê đã có người qua nói cho nhà Minh biết. Kế năm 1535, Nguyễn Kim sau khi lập Trang-tông lên ngôi, đã cho người sang dâng biểu lên vua nhà Minh biết dòng dõi họ Lê vẫn còn. Nhưng phải đi bộ lâu ngày, rồi xuống thuyền vòng qua Quảng-đông, sứ của Nguyễn Kim phải mất hai năm mới đến kinh-đô nhà Minh (1537). Chính lúc này là lúc nhà Minh muốn cất quân sang đánh Đại-việt, song đánh thì lại sợ gặp tai hại như khi muốn diệt Hồ cướp nước gặp phải Lê Lợi tiểu trừ. Đương khi lưỡng lự, thì được họ Mạc đút lót vàng bạc. Vua nhà Minh mới không tính việc đánh Đại-việt nữa, mà muốn chia nước Đại-việt ra làm hai : cho cả Mạc lẫn Lê cai trị. Đây cũng là một cách làm cho Đại-việt phải chia lực lượng ra làm hai, để

tiện nhịp qua đánh, thì không khó lắm. Theo chính-sách ấy, vua nhà Minh, năm 1540, mới phong cho Mạc đấng-Dung làm Đô-thống-sứ (hàm quan nhị phẩm nhà Minh). Giờ cũng lại phong cho Thế-tông chức ấy, trong lúc con cháu họ Mạc vẫn chưa dứt hẳn ở Cao-bằng.²⁵

BÀI 12 : NHÀ MẠC Ở CAO-BẰNG

Sau khi Mạc mậu-Hợp và Mạc kính-Chỉ bị Trịnh Tùng bắt được (như đã nói trên Bài 10) con cháu họ Mạc lên trốn các nơi, tìm đường khôi phục lại cơ đồ.

Mạc kính-Chương xưng làm Tráng-Vương, chiếm đất từ huyện Đông-triều đến Yên-quảng, năm 1596. Trịnh-Tùng sai quan trấn-thủ Hải-dương là Phan Ngạn dẫn quân đánh, bắt được Kính-Chương. Mạc kính-Dụng con Mạc kính-Chỉ, xưng làm Uy-Vương chiếm giữ Yên-bắc (Lạng-sơn) nhưng chẳng bao lâu, quân Trịnh cũng bắt được. Con Mạc kính-Cung trước đã chạy sang Long-châu, sau lại giở về đánh phá Cao-bằng, Lạng-sơn. Trịnh-Tùng sai quan lên đánh đuổi. Mạc kính-Cung chạy giở qua Tàu cầu cứu với nhà Minh. Nhà Minh cho đưa thư sang bắt nhà Lê phải để đất Cao-bằng cho con cháu họ Mạc. Nhà Lê thuận cho ; tuy vậy, dòng họ Mạc vẫn chưa cho là vừa ý.

Năm 1600, bọn Phan Ngạn, Ngô đình-Hàm và Bùi văn-Khuê dấy quân ở cửa Đại-an, Trịnh-Tùng bỏ Thăng-long rước vua vào Thanh-hoá. Đàng họ Mạc bèn rước bà thứ mẫu của Mậu-Hợp là Bùi-thị về Thăng-long, tôn lên làm Quốc-mẫu, và cho người đón Mạc kính-Cung ở Cao-bằng xuống. Nhưng Trịnh Tùng ra đánh, lấy lại ngay được Thăng-long, bắt giết Bùi-thị. Kính-Cung phải chạy ra Kim-thành, rồi giở lên Cao-bằng.

Năm 1623, Trịnh Tùng chết, con trưởng là Trịnh-Tráng nối nghiệp Chúa.

Em Trịnh Tráng là Trịnh Xuân ganh quyền với anh, nổi loạn phá kinh-thành. Trịnh Tráng phải rước vua vào Thanh-hoá. Mạc kính-Khoan là cháu Mạc kính-Cung, nhận thấy sự tương tranh giữa anh em họ Trịnh, xưng làm

Khánh-Vương ở đất Thái-nguyên. Trước kia Kính-Khoan đã bị quân Trịnh đánh, phải trốn lên ẩn trên Cao-băng, nay lại kéo quân về, đóng ở Thổ-khối.

Được tin, Trịnh Tráng từ Thanh-hoá ra đánh, Kính-Khoan thua, lại chạy lên Cao-băng.

Khi đã giệp yên Đông-đô, Trịnh Tráng rước vua giở ra. Rồi sai con là Trịnh Kiều, năm 1625, lên đánh Cao-băng, bắt được Mạc kính-Cung, đem về giết bỏ. Mạc kính-Khoan thì chạy sang Tàu, rồi dâng biểu xin hàng. Triều-đình phong cho Kính-Khoan làm thái-úy-thống-quốc-công, và cho giữ đất Cao-băng, theo lệ cống tiến.

Năm 1638, Mạc kính-Khoan mất, con là Mạc-kính-Vụ không nhận chức của triều-đình, tự xưng làm vua, tức Thuận-Đức. Thịnh-thoảng đem quân về cướp phá mạn Thái-nguyên. Quan quân lên đánh đuổi mãi vẫn không trừ hẳn được. Năm 1667, Trịnh Tạc phải kéo đại-quân lên đánh. Mạc-kính-Vụ mới chịu thua, chạy trốn qua Tàu. Nhưng rồi Mạc-kính-Vụ lại lần mò cầu cứu với nhà Thanh, (vì hồi này, bên Tàu nhà Minh đã mất nước cho nhà Thanh từ lúc Trịnh Tráng lên làm Chúa). Sau khi thương nghị với sứ nhà Thanh, Trịnh Tạc chỉ giả cho họ Mạc 4 châu : Thạch-lâm, Quảng-uyên, Thượng-lang, và Hạ-lang.

Về sau Ngô tam-Quế phản nhà Thanh ở Vân-nam và Quảng tây. Mạc kính-Vụ cũng về đảng với Ngô tam-Quế. Nhân cơ hội, họ Trịnh, một mặt sai sứ sang kể tội họ Mạc với nhà Thanh, một mặt sai quân lên đánh Mạc kính-Vụ. Mạc kính-Vụ cùng họ hàng chạy qua Long-châu, bị nhà Thanh bắt giải về giao giả triều đình Đại-việt. Họ Mạc đến đây mất hẳn.

CHƯƠNG V : TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

BÀI 13 : HỌ TRỊNH CHUYÊN QUYỀN

Trịnh Kiểm, từ lúc bố vợ là Nguyễn Kim chết, thu nhận tất cả binh quyền để tiếp tục việc giúp Lê diệt Mạc.

Năm 1548, vua Lê Trang-tông mất, Trịnh Kiểm lập thái tử Duy-Huyền lên làm vua tức Lê Trung-tông. Làm vua được 8 năm thì mất, Trung-tông không có con. Trịnh Kiểm lúc này thế lực đã khá, rất hống-hách, muốn tự xưng làm vua, nhưng e dân còn ái mộ dòng Lê mà không theo. Ngần-ngừ chưa biết tính sao ? Sau cho người lên ra hỏi ông Nguyễn-bình-Khiêm tức trạng Trình ngoài Hải-dương²⁶ xem nên làm thế nào.

Ông Nguyễn bình-Khiêm không nói gì, chỉ ngoảnh lại bảo đầy-tớ : « Năm nay mất mùa, thóc giống không tốt, chúng mày nên tìm giống cũ mà gieo mạ ». Nói rồi lại sai đầy-tớ ra bảo tiểu quét dọn chùa và đốt hương để ông ra chơi. Đoạn bảo tiểu : « Giữ chùa thờ phật thì ăn oản ».

Sứ-giả về thuật lại cho Trịnh Kiểm nghe. Trịnh Kiểm hiểu ý, mới cho người đi tìm con cháu họ Lê. Sau tìm được huyền-tôn ông Lê Trừ là anh vua Thái-tổ, tên là Duy-bang ở làng Bỗ-vệ, huyện Đông-sơn, rước về, lập lên làm vua, tức Anh-tông.

Năm 1570, Trịnh Kiểm mất, giao quyền lại cho con trưởng là Trịnh Cối. Trịnh Cối say mê tửu sắc, tướng sĩ không phục. Em là Trịnh Tùng bèn cùng bọn Lê cập-Đệ, Trịnh Bách rước vua về đồn Vạn-lại, rồi chia quân đánh Trịnh Cối.

Nhân thấy anh em Trịnh Cối đánh nhau, Mạc kính-Điển đem quân vào đánh Thanh-hóa. Trịnh Cối địch không nổi, hàng Mạc. Thừa thắng, Mạc kính-Điển tiến đánh An-trường là chỗ vua Lê đóng. Vua Lê dời về Đông-sơn, phong cho Trịnh Tùng làm Tả-thừa-tướng tiết-chế cho quân chống giữ với quân Mạc. Mạc kính-Điển đánh mãi không thắng nổi Trịnh Tùng, lại rút quân về Bắc.

Anh-tông phong cho Trịnh Tùng lên chức Thái-úy-trưởng-quốc-công. Từ đấy, việc gì cũng do Trịnh Tùng quyết đoán. Anh-tông chỉ làm vua cho có tên. Lê cập-Đệ thấy Trịnh Tùng lộng quyền quá nổi, mưu với Anh-tông trừ họ Trịnh. Trịnh Tùng biết ý, giết ngay Lê cập-Đệ, Anh-tông lo sợ, cùng 4 hoàng-tử chạy vào Nghệ-an.

Trịnh Tùng lập hoàng-tử thứ 5 là Duy-Đàm lên làm vua, tức Lê Thế-tông. Rồi sai Nguyễn hữu-Liêu đem binh đuổi theo Anh-tông. Anh-tông bị bắt, đưa về huyện Lôi-dương và bị giết (năm 1573).

Sau khi diệt được họ Mạc, vua Thế-tông mất, truyền ngôi cho con là Duy-tân, tức Kính-tông (1600-1619). Kính-tông thấy Trịnh Tùng càng ngày càng kiêu-hãnh, mưu giết Trịnh Tùng. Sự cũng không thành, Kính-tông bị Trịnh Tùng bắt buộc phải thắt cổ tự tử.

Trịnh Tùng lập con vua Kính-tông là Duy-Kỳ lên ngôi tức Thần-tông (1619-1643), và tự xưng Bình-an-Vương, dựng nên nghiệp Chúa.

BÀI 14 : HỌ TRỊNH XUNG CHÚA Ở BẮC VÀ HỌ NGUYỄN XUNG CHÚA Ở NAM

A) TRỊNH Ở BẮC

Trong nước, ngôi nhà Mạc tuy đã dứt được, dòng họ Mạc còn qua cầu cứu với nhà Minh, nói là họ Trịnh nổi lên cướp ngôi chứ không phải là con cháu nhà Lê đã trung hưng. Trịnh Tùng phải thu xếp để vua Lê Thế-tông lên Nam-quan, đến 2 lần, hội với quan nhà Minh. Nhà Minh mới chịu phong cho Thế-tông làm « *An-nam đô-thống-sứ* » và nhường đất Cao-bằng cho họ Mạc.

Mọi việc khi đã giàn xếp được êm-thắm với nước Tàu, họ-Trịnh chiếm giữ quyền chính-trị, mỗi ngày thêm kiêu-hãnh, lấn áp cả vua. Trịnh Tùng tự xưng làm Đô-nguyên-sứy tổng-quốc-chính, thượng-phụ Bình-an-vương. Cấp bổng cho vua được thu thuế 1.000 xã gọi là lộc thượng-tiến, cấp cho vua 5.000 binh làm quân túc-vệ. Những việc đặt quan, thu thuế, bắt lính, trị dân,

đều thuộc quyền họ Trịnh. Vua chỉ cần đến, khi nào thiết triều hay là tiếp sứ Tàu mà thôi.

Họ Trịnh muốn dứt nhà Lê thì rất dễ. Song trên Cao-bằng còn con cháu họ Mạc lăm le báo thù, bên Tàu nhà Minh sẵn sàng kiểm cố « phò Lê » để lôi thôi. Phía trong lại có họ Nguyễn thế lực cũng đã to. Cái cố « phò-Lê thảo Trịnh » rất có thể làm cho mọi nơi nổi dậy nếu họ Trịnh xưng vương ; thế cho nên Trịnh Tùng đã khôn khéo không cần tước vị làm vua mà chỉ cốt có thực quyền nhà vua. Làm vua như Lê không quyền, chẳng khác gì một người thường dân ; họ Trịnh không làm vua, mà việc gì cũng lấy lệnh thiên-tử để sai khiến mọi người thì chẳng khác gì chúa-tể trong nước, cho nên dân chúng gọi *Trịnh* là Chúa vậy.

B) NGUYỄN Ở NAM

Nguyễn Kim là người khởi nghĩa đánh Mạc giúp Lê, như bài 9 « *Lê trung hưng* » đã nói :

Ông có hai người con là Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng cũng đều làm tướng lập được nhiều công. Nguyễn Hoàng là thái-úy Đao-quận-công. Nhưng Trịnh Kiểm sợ họ Nguyễn tranh mất quyền, kiếm chuyện giết Nguyễn Uông. Nguyễn Hoàng sợ cũng sẽ bị ám-hại như anh, cho người ra Hải-dương hỏi ông Nguyễn bình-Khiêm. Ông này bảo : « Hoành-sơn nhất đại vạn đại dung thân » (một giải Hoành-sơn kia có thể dung thân được muôn đời). Nguyễn Hoàng bèn nói với chị là Ngọc Bảo (vợ Trịnh Kiểm) xin với Trịnh Kiểm cho vào trấn phía Nam.

Năm 1558, Trịnh Kiểm tâu vua Anh-tông cho Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận-hóa. Nguyễn Hoàng vào đóng ở xã Ái-tử (sau gọi là Kho cây khế) thuộc huyện Đăng-xương, tỉnh Quảng-trị.

Nguyễn Hoàng rất khôn ngoan, lại có lòng nhân đức, thu dùng hào-kiệt, yên ủi nhân dân, cho nên mọi người, ai cũng mến-phục.

Năm 1569, ông lại được cử trấn cả đất Thuận-hóa lẫn Quảng-nam.

Năm 1593, Nguyễn Hoàng đem quân ra Đông-đô giúp Trịnh Tùng đánh dẹp những dư đảng của họ Mạc, lập được nhiều công. Trịnh Tùng có ý ghen ghét.

Năm 1.600, nhân bọn Phan Ngạn, Ngô đình-Hàm, Bùi văn-Khuê khởi binh chống lại họ Trịnh ở cửa Đại-an (Nam-định) vì họ Trịnh quá kiêu-hãnh, Nguyễn Hoàng mới kéo cả tướng sĩ giả cách đi đánh giặc, rồi theo đường biển vào Thuận-hóa. Một mặt đem con gái là Ngọc-tú gả cho Trịnh Tráng (con trai Trịnh Tùng) làm bộ hòa hiếu cho Trịnh Tùng khỏi để ý nghi ngờ, một mặt cho con trai thứ sáu vào trấn đất Quảng-nam, dựng kho tàng tích trữ lương thực, lập ra nghiệp Chúa ở xứ Nam, lưu truyền đời nọ qua đời kia : Nguyễn Hoàng (1600-1613) ; Nguyễn phúc-Nguyên (1613-1635) ; Nguyễn phúc-Lan (1635-1648) ; Nguyễn phúc-Tần (1648-1687) ; Nguyễn phúc-Trần (1687-1691) ; Nguyễn phúc-Chu (1691-1725) ; Nguyễn phúc-Trú (1725-1738) ; Nguyễn phúc-Khoát (1738-1765).

Nguyễn phúc-Khoát mất, thì Định-vương Nguyễn phúc-Thuần lên thay, để Trương phúc-Loan chuyên quyền hại dân, cho Tây-sơn có cơ-hội khởi nghĩa... (quyển III sau sẽ nói đến).

BÀI 15 : NGUYỄN TRỊNH CHIẾN TRANH

Năm 1613, lúc sắp mất, Nguyễn Hoàng gọi người con thứ 6 là Nguyễn phúc-Nguyên, tức gọi Chúa Sãi, mà dặn rằng : « Đất Thuận-Quảng này phía bắc có núi Hoành-sơn, sông Linh-giang, bên nam có núi Hải-vân và Bí-sơn, thật là nơi trời cổ vũ cho người anh-hùng dựng võ. Vậy ta phải thương yên nhân dân, luyện tập quân sĩ mà gây dựng cơ-nghiệp về muôn đời ».

Vậy là từ khi Nguyễn Hoàng mất, Nguyễn phúc-Nguyên ngấm ngấm chuẩn bị ở phía Nam để gây thế lực, trong khi họ Trịnh lấn quyền vua Lê ở ngoài Bắc. Càng thấy Trịnh hống-hách bao nhiêu, Nguyễn càng căm thù mà chuẩn-bị chiến tranh bấy nhiêu, vì chính tổ tiên Nguyễn (Nguyễn Kim nói trên, bài 9) mới thực là người gây ra nền tảng nhà Lê trung hưng kia mà !

Khi những đồn lũy đã kiên cố, binh lương đã đầy đủ, chúa Sãi mới ra mặt không thần phục họ Trịnh nữa, và sai tướng chiếm lấy nam Bõ-chính (đất phía nam sông Linh-giang) để làm chỗ chống giữ. Từ đó Trịnh Nguyễn đánh nhau tai hại trong 45 năm.

Năm 1627, Trịnh Tráng cho quan vào Thuận-hóa giả tiếng nhà vua sai vào đòi tiền thuế. Chúa Sãi không nộp. Trịnh Tráng lại sai sứ mang sắc vua Lê vào dụ chúa Sãi cho con ra châu và lấy 30 con voi cùng 30 chiếc thuyền để đưa đi cống nhà Minh. Chúa Sãi cũng không chịu. Trịnh Tráng bèn cất quân vào đánh Chúa Nguyễn. Nhưng không thắng nổi Nguyễn, Trịnh lại rút quân về Bắc. Năm 1630, chúa Nguyễn đưa quân ra đánh Trịnh ở phía nam sông Linh-giang, mà Chúa Trịnh thì dẫn binh vào đánh Nguyễn ở cửa Nhật-lệ. Năm 1634 Trịnh vào đánh Nguyễn ở đất nam Bõ-chính giết được tướng Bùi công-Thăng rồi tiến quân đến cửa Nhật-lệ. Năm 1648, lại vào đánh ở nam Bõ-chính và cửa Nhật-lệ. Lần này Trịnh thua to, Nguyễn bắt được mấy tướng và 3.000 quân của Trịnh. Năm 1655, Nguyễn cho quân ra đánh đất bắc Bõ-chính, tướng của Trịnh là Phạm tất-Toàn về hàng. Lần này Nguyễn thu được 7 thuyền ở phía nam sông Linh-giang (tức sông Cả) nhưng rồi vì các tướng nghi-ky lẫn nhau mà Nguyễn lại rút quân về. Năm 1661, quân Trịnh qua sông Linh-giang đến làng Phúc-tự. Năm 1672, quân Trịnh vào phá lũy Trấn-ninh.

Cả thầy Trịnh Nguyễn đánh nhau 7 lần trong 45 năm (từ năm 1627 đến năm 1672) song cứ giằng-co không bên nào thắng bên nào. Rút cuộc đôi bên đóng quân giữ thế thủ lấy sông Gianh làm giới hạn Nam Bắc, cho đến thời kỳ Tây-sơn khởi nghĩa.

Xét qua nguyên-nhân đã làm cho đôi bên không phân thua được, ta nhận thấy, ngoài Bắc, Chúa Trịnh cho phép các quan thu lợi của một số dân làng, để tổ chức và nuôi quân đội. Số lợi thu được to nhỏ, tùy theo công lao tổ chức quân đội nhiều hay ít. Cho nên các quan ai cũng gắng sức ganh đua gây lực lượng. Cả một xứ, như vậy, là cả một tổ-chức vũ-bị lớn lao. Cho nên thế Trịnh rất hùng cường. Chúa Trịnh có tới hơn 10 vạn lính, 500 voi, 500 chiến thuyền, mỗi chiếc có ít nhất 3 khẩu đại-bác.

Đối với Trịnh, Nguyễn yếu hơn nhiều. Cả thủy Nguyễn chỉ có 4 vạn lính chia ra 15.000 giữ biên-thùy mạn bắc, 9.000 để ở trong triều, 6.000 làm túc-vệ cho các ông Hoàng, 1.000 chia giữ các tỉnh.

Tuy nhiên chúa Trịnh đã không diệt nổi Nguyễn là vì mấy lẽ sau đây :

1. Quân họ Trịnh phải đi đánh xa xôi, vận tải khó khăn, còn nhà Nguyễn phần nhiều chỉ giữ thế thủ ở đất mình.

2. Nhà Nguyễn tuy quân ít, nhưng giao-thiếp với người Bồ-đào-Nha cho nên biết cách võ trang và luyện-tập quân đội được chỉnh-tề.²⁷

3. Nhà Nguyễn có tài hiền phù tá, như Nguyễn hữu-Dật, Đào duy-Từ, Nguyễn hữu-Tiến, đánh giặc rất giỏi, lập mưu định kế, xây thành đắp lũy.

Nguyễn hữu-Dật là người làng Gia-miêu, huyện Tống-sơn, tỉnh Thanh-hóa, học rộng tài cao, và lại có tài hùng biện, đánh giặc giỏi, thật là một bậc văn võ kiêm toàn.

Đào duy-Từ, người làng Hòa-trai, huyện Ngọc-sơn, phủ Tĩnh-gia, tỉnh Thanh-hóa. Vì ông là con nhà xướng hát cho nên không được đi thi. Ông phần tức, đi vào phía nam tìm đường lập công. Chưa được người tiến cử, ông vào chẵn trâu cho một phú-gia ở làng Tùng-châu, phủ Hoài-nhân (nay là Bình-định) và làm bài « *Ngọa long cương* » để ví mình với Gia-cát-Lượng. Sau có quan Khâm-ly là Trần-đức-Hòa biết Duy-Từ có tài, đem về nuôi, gả con gái cho, rồi đưa dâng Chúa Sãi. Chúa dùng làm Nội-tán, phong Lộc-kế-hầu. Giúp chúa Nguyễn, Duy-Từ đã lập được nhiều công. Thành Trường-dực đắp dài theo con sông nhánh của sông Nhật-lệ chừng 10 cây số, chân rộng 6 thước, cao chừng 3 thước. Một bức thành to tát hơn nữa là thành Đồng-hới, xây năm 1631, dài từ núi Dân-mân đến cửa Nhật-lệ, cao chừng 6 thước, dài chừng 18 cây số, phía ngoài đóng nhiều cọc lim, phía trong xây 5 bậc cho voi ngựa đi lại, quãng 12, 20 thước lại có nhà để súng đại-bác. Công cuộc xây dựng ấy đều của Duy-Từ.²⁸

Nguyễn hữu-Tiến là người Thanh-hóa, làng Vân-trai, huyện Ngọc-sơn, võ nghệ tinh thông, dụng binh rất có kỷ luật, cũng là một tướng đã ghi được nhiều công to đối với chúa Nguyễn.

BÀI 16 : CÔNG NGHIỆP HỌ TRỊNH Ở BẮC

Buổi đầu, việc gì nhà Trịnh cũng làm theo đòi Hồng-đức (Lê Thánh-tông) vì còn bận rộn đánh giặc họ Mạc. Sau lại phải đối phó với nhà Nguyễn ở phương Nam.

Từ đời Trịnh Tạc trở đi (1657) chiến tranh đã yên, các Chúa mới sửa sang mọi việc :

Bên nhà vua (Lê) gọi là triều-đình, bên phủ Chúa gọi là Phủ-liêu. Phàm việc chính-trị và quân-sự đều do Phủ-liêu quyết định.

Quan chế : Ngoài lục Bộ theo Hồng-đức, năm 1718, đời vua Dụ-tông, Trịnh Cương đặt thêm lục phiên bên phủ Chúa để coi mọi việc chính-trị. Về việc võ bị, trước có ngũ phủ mỗi phủ đặt một Đô-đốc-phủ có quan tả hữu Đô-đốc coi việc quân. Trịnh Tạc đặt thêm chức Chương-phủ-sự và thụ-phủ-sự để coi hết thảy các quân.

Quan lại, cứ 5 năm bị khảo hạch lại một lần, ai không xứng chức, bị giáng xuống.

Các quan về hưu-trí được ăn dân lộc. Nhất phẩm được mỗi năm 400 quan tiền dân-lộc của 4,5 xã ; nhị phẩm được 300 hoặc 250 quan của 2,3 xã ; tứ phẩm được 150 quan của một xã ; ngũ phẩm được 100 quan của một xã.

Các quan viên không được phép lập trại ở chỗ mình làm việc, để tránh sự ỷ quyền thế hà hiếp lấy ruộng đất của dân.

Từ đời Trịnh Giang trở đi, các chúa chơi bời xa xỉ, lại có nhiều giặc giã, mới sinh ra lệ « bán phẩm hàng để lấy tiền » : từ tứ phẩm trở xuống, ai nộp 600 quan được thăng chức một lần. Những người chân trắng, ai nộp 2.800 quan, được bổ tri-phủ ; 1.800 quan, được bổ tri-huyện²⁹. Như vậy chỉ có tiền là làm quan, chứ không cần tài năng, thành ra phẩm giá người làm quan bị kém dần đi.

Binh chế : Chúa Trịnh chia binh làm hai thứ :

1. Ưu binh lấy ở 3 phủ đất Thanh-hóa và 4 phủ đất Nghệ-an, lệ cứ 3 xuất, lấy 1 tên lính. **Ưu binh** đóng ở kinh-thành, làm túc-vệ canh giữ đền

vua, phủ Chúa. Được cấp công-điền, và thêm chức sắc.

2. Nhất-binh lấy ở tứ trấn đất Bắc (Sơn-nam, Kinh-bắc, Hải-dương, Sơn-tây), cứ 5 xuất đình lấy một tên lính. Nhất-binh dùng giữ các trấn và hầu hạ các quan. Nhất-binh chia 3 phần, 1 phần ở lính, thì 2 phần được về làm ruộng. Lần lượt thay phiên.

Hình luật : Cũng như đời tiền Lê, chia làm xuy, trượng, đồ, lưu, và tử. Trịnh Tạc không cho « chuộc tội » trừ những người được dự vào « *Bát nghị* »³⁰. Trịnh Cương bỏ tội chặt tay, tùy theo nặng nhẹ đổi làm tội Đồ, Lưu.

Chia việc xử kiện làm hai : Mưu sát, đạo, kiếp gọi là « Đại tụng » : Hộ, hôn, ấu dả, gọi là « tiểu tụng ». Những việc xử ở phủ huyện, phải đệ lên thừa-ty. Thừa-ty rồi đến Hiến-ty. Hiến-ty không xong lên Giám-sát xét. Ở Giám-sát và Đề-lĩnh không xong thì đến Ngự-sử-đài xét lại. Làm vậy có thể tránh được sự hiềm thù thiên vị.

Thuế má : Trước lệ 6 năm làm sổ hộ tịch một lần, rồi tùy số dân đình nhiều ít mà đánh thuế gọi là « Quý ». Mỗi xuất đình đóng, hạng thì một quan, hạng thì quan tám mỗi năm, gọi là thuế-thân. Năm 1669, đời Huyền-tông, quan tham-tụng là Phạm công-Trứ xin đặt ra phép « bình lệ » nghĩa là làm sổ đình nhất định một lần, để thêm không kể, chết đi không trừ. Trịnh Cương bắt « đạc điền » để chia tiền thuế cho đều. Những việc tế-tự, việc sửa sang trường thi, việc làm cầu cống, đường sá, giữ đê điều... cứ tùy nghi mà bố cho các xuất đình lấy tiền cung ứng.

Năm 1723, quan tham-tụng Nguyễn công-Hãng theo phép « tô » (đánh thuế điền thổ) « *Dung* » (thuế thân) « *Điều* » (sửu dịch) của nhà Đường mà sửa lại như sau :

- *Tô* : mỗi mẫu công điền phải nộp 8 tiền. Ruộng nào cấy hai mùa thì chia ba, quan lấy một phần thóc. Đất bãi mỗi mẫu nộp thuế một quan 2 tiền. Chỗ nào giồng dâu, thì nộp một nửa bằng tơ, chỗ nào không giồng dâu, nộp cả bằng tiền ; tư điền trước không đánh thuế, giờ ruộng hai mùa, mỗi mẫu 3 tiền, một mùa, hai tiền.

- *Dung* : mỗi xuất đình đồng niên đóng 1 quan 2 tiền. Sinh-đồ.lão hạng (50 đến 60 tuổi) hoàng-đình (17 đến 19 tuổi) đóng 1 nửa.

- *Điều* : mỗi xuất đình, mùa hạ đóng 6 tiền, mùa đông đóng 6 tiền. Quan dùng tiền ấy làm các việc, không phiền đến dân nữa.

Lập 23 sở tuần-ti để thu thuế các hàng hóa lưu hành trong các sông : tre gỗ cứ 10 phần đánh thuế 1 phần, tạp-hóa thu 1/40.

Trịnh Cương đặt quan Giám-đương để thu thuế muối, 10 phần thu 2. Trịnh Giang bỏ thuế muối năm 1732. Năm 1746, Trịnh Doanh lại đánh thuế muối, nhưng chia ra 50 mẫu ruộng làm 1 bấp, mỗi bấp nộp 40 hộc muối, đánh giá 3 tiền. Năm 1724 Trịnh Cương định lệ đánh thuế các thổ sản. Năm 1731, Trịnh Giang đặt các quan cùng Hộ-phiên làm sổ biên rõ đồng niên thu được bao nhiêu và chi ra bao nhiêu để liệu sự chi dùng cho vừa.

BÀI 17 : CÔNG NGHIỆP HỌ TRỊNH Ở BẮC (NỐI THEO)

Việc khai mỏ : Các mỏ trong nước đều do người Tàu khai. Phu Tàu lại hay những nhiều dân cư. Trịnh Cương định lệ những người Tàu sang khai mỏ, chỗ đông lắm chỉ được đến 300 người, chỗ đông vừa 200 người, chỗ ít 100 người mà thôi.

Đúc tiền : Nhà Lê trung hưng vẫn dùng tiền Hồng-đức và Trần nào cũng có sở đúc tiền. Trịnh Doanh bãi bỏ các sở đúc tiền ở ngoài, tránh sự những lạm, chỉ để hai sở ở gần Kinh-sư. Năm 1776, họ Trịnh lấy được đất Thuận-hóa mới mở lò đúc tiền ở Phú-xuân và đúc ra 3 vạn quan tiền Cảnh-hưng. Thời này có đúc bạc lạng, mỗi lạng 10 đồng (mỗi đồng giá 2 tiền) : có thể chặt lạng ra tiêu.

Đong lường : Năm 1664, ông Phạm công-Trứ định lại, lấy một cái ống gọi là Hoàng-chung-quản làm chùng. Cái ống ấy đựng được 1.200 hộc thóc đen gọi là một thước, rồi 10 thước làm một hạp, 10 hạp làm một thăng (trước kia 6 hạp là 1 thăng), 10 thăng làm một đấu, 10 đấu 1 hộc.

Việc in sách : Người ta học chữ nho bấy lâu vẫn dùng sách in của Tầu. Trịnh-Giang năm 1734 bắt khắc bản in, in sách ra phát cho mọi người, và cấm không được mua sách in của Tầu, để khuyến khích nghề in, đồng thời làm lợi cho nền tài chính quốc-gia.

Học : Vẫn giữ lệ thi hội, thi hương như trước. Nhưng thi hương hồi này rất hồ đồ, không nghiêm như đời Hồng-đức. Đời Dụ-tông, ai đi thi phải nộp tiền minh-kinh để làm nhà trường và cung đốn quan trường. Đời Cảnh-hưng lại thu tiền thông kinh, hễ ai nộp 3 quan là được đi thi không phải khảo hạch cho nên ai cũng đi thi, đi đông đến nỗi thí-sinh giày séo lên nhau, có người chết.

Trịnh Cương mở trường học võ : 3 năm thi một lần ; thi bắn cung, múa giáo, múa gươm, phi ngựa bắn cung, chạy bộ bắn cung ; hỏi nghĩa sách để xét học lực, hỏi phương lược để xét tài năng.

Năm 1740, Trịnh Doanh lập võ-miếu, chính vị thì thờ Vũ Thành-vương ; và lập miếu riêng thờ Quan Công. Xuân thu hai kỳ tế lễ.

Quốc sử : Trịnh Tạc sai quan tham-tụng Phạm công-Trứ soạn sách Việt-sử toàn thư, kể từ vua Trang-tông nhà Hậu Lê cho đến vua Thần-tông, chia làm 23 quyển. Sau ông Lê Hi và Nguyễn quý-Đức chép nối từ Huyền-tông đến Gia-tông thêm vào 13 quyển, gọi là Quốc-sử-thực-lục. Đến năm 1775 đời Cảnh-hưng, Trịnh Sâm sai Nguyễn Hoàn, Lê quý-Đôn, Ngô thời-Sĩ, Nguyễn Du soạn thêm từ Hi-tông đến Ý-tông, gọi là *QUỐC-SỬ-TỰC-BIÊN* cả thảy 6 quyển.

Đánh dẹp các nơi : Từ khi Trịnh Giang lên nối nghiệp Chúa, giết vua Lê, hại cả các quan đại-thần như Nguyễn công-Hãng. Lê anh-Tuấn, làm nhiều điều tàn ác, lại hay tiêu dùng xa xỉ, dân tình khổ sở, cho nên giặc già nổi lên các nơi.

Trong triều thì những tôn-thất như Lê-duy-Mật, Lê-duy-Quy, Lê duy-Chúc, cùng với mấy triều-thần Phạm công-Thế, Võ Thước, định đốt kinh-thành trừ họ Trịnh. Nhưng sự vỡ lở, phải bỏ chạy lên thượng-du phía tây nam. Bên ngoài thì Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ nổi lên ở làng Ninh-xá

(huyện Chí-linh), Võ trác-Oánh ở làng Mộ-trạch (huyện Dương-an), Hoàng công-Chất, Võ đình-Dung ở Sơn-nam, Nguyễn danh-Phương, Nguyễn Diên, Tê, Bông, ở Sơn-tây, Nguyễn hữu-Cầu ở mặt Đông-nam.

Giặc giã như vậy mà Trịnh Giang cứ dâm dục vô độ, lại đào hầm ở dưới đất cho khỏi sợ sấm. Các quan Phủ-liêu là bọn Nguyễn quý-Cảnh, Nguyễn công-Thái, Võ công-Tế bèn truất bỏ Trịnh Giang mà lập em là Trịnh Doanh lên làm Chúa. Rồi nhờ có Hoàng nghĩa-Bá, Hoàng ngũ-Phúc, Phạm đình-Trọng, Nguyễn-Phan, Bùi thế-Đạt, đánh giặc giỏi, dần dần tình thế mới yên.

Trong các tướng giặc hồi này, Nguyễn hữu-Cầu tức quận He là kịch-liệt nhất. Một mình một ngựa, phá vây như bôn ; thường thường cướp thóc gạo của các thuyền buôn, đem phân phát cho dân nghèo. Bởi thế đi đến đâu, người theo đến đó, thanh-thế lừng lẫy ; triều-đình phải dẹp đến 10 năm mới tan. Biện luận giỏi mà gan dạ thì có Phạm công-Thế, trong đảng Lê duy-Mật. Lúc Trịnh bắt được hỏi : ông là người khoa-giáp, sao lại theo nghịch ? Công-Thế cười mà nói : « Đã lâu nay danh phận không rõ, lấy gì mà phán thuận nghịch ». Nói rồi giương cổ ra chịu hình.

BÀI 18 : CÔNG NGHIỆP HỌ NGUYỄN Ở NAM

Sau khi giữ vững được đất phương nam, từ sông Gianh giở vào, Chúa Nguyễn tự sửa sang xếp đặt lấy mọi việc như là một nước tự chủ vậy.

Quan chế : Chúa Sãi đặt tam ty coi việc chính-trị : Sá-sai-ty, Tướng-thần-lại-ty, Lịnh-sử-ty, Sá-sai-ty giữ việc từ-tụng, có quan Đô-trị, Ký-lục làm đầu. Tướng-thần-lại-ty giữ việc thu thuế và chi tiêu, có quan Cai-bạ làm đầu. Lịnh-sử-ty giữ việc tế-tự và cấp lương cho quân đội ở Chính-dinh, có quan Nha-úy làm đầu.

Ngoài các dinh, tùy theo nơi quan trọng mà đặt 1, 2 ty làm việc kiêm cả. Ở phủ, huyện đặt tri-phủ, tri-huyện thuộc-hạ có đề-lại, thông-lại.

Đến đời Chúa thượng Nguyễn phúc-Lan lại đặt thêm chức nội-tả, ngoại-tả, nội-hữu, ngoại-hữu gọi là tứ-trụ để giúp Chúa trị dân. Bên võ thì

đặt chức chương-dinh, chương-cơ, cai-cơ, cai-đội coi việc binh.

Thi cử : Năm 1647, Chúa Nguyễn mở khoa thi Chính-đồ và thi hoa-văn. Chính-đồ thì đệ nhất thi tứ-lục, đệ nhị thi thơ phú, kỳ đệ tam thi văn sách. Những quyển đậu chia ra ba hạng : hạng thứ nhất gọi là Giám-sinh được bổ tri-phủ, tri-huyện ; hạng nhì gọi là Sinh-đồ được bổ huân-đạo ; hạng thứ ba cũng gọi là Sinh-đồ được bổ Lễ-sinh hoặc nhiều-học. Còn thi hoa-văn cũng thi ba ngày : mỗi ngày chỉ phải làm 1 bài thơ. Ai đậu, được bổ làm việc ở tam-ty.

Năm 1695, Chúa Nguyễn phúc-Chu mở khoa thi ở trong phủ Chúa gọi là thi Văn-chức và thi tam ty. Văn-chức thì thi tứ-lục, thơ phú và văn-sách ; tam ty thi về Sá-sai-ty hỏi việc binh lính, tiền-lương, từ-tụng ; về Tướng-thần-lại-ty và Lịnh-sử ty chỉ thi một bài thơ.

Năm 1740, Vũ-vương Nguyễn phúc-Khoát định lại phép thi : đậu kỳ đệ-nhất gọi là nhiều-học, được miễn sai 5 năm ; đậu kỳ đệ-nhị và kỳ đệ-tam được miễn sai chung thân, đậu kỳ đệ-tứ gọi là hương cống được bổ tri-phủ, tri-huyện.

Việc vũ-bị : Chia quân làm 5 cơ : trung, tả, hữu, tiền, hậu cơ. Số quân độ non ba vạn người. Năm 1631, Chúa Sãi lập ra sở đúc súng đại-bác và mở trường bắn, tập voi, tập ngựa.

Việc thuế khoá : Điền thổ chia ra làm 3 hạng để đánh thuế. Hạng ruộng đất xấu gọi là thu-điền, khô-thổ, chịu thuế nhẹ hơn hạng đất thường. Công điền thì đem cấp cho dân cày cấy để nộp thuế. Đất hoang ai khai khẩn thành ruộng, cho là tư-điền.

Đánh thuế các mỏ : mỏ vàng ở Quảng-nam, Thuận-hoá, mỏ bạc ở Quảng-nghĩa, mỏ sắt ở Bõ-chính.

Các tàu ở Thượng-hải, Quảng-tây đến phải nộp 3.000 quan, lúc đi phải nộp 300 quan ; tàu ở Ma-cao, Nhật-bản lại phải nộp 4.000 quan, lúc đi nộp 400 quan ; tàu ở tiêm-la (Siam), ở Lã tổng lại, phải nộp 2.000 quan, lúc đi nộp 200 quan ; tàu ở các nước phương tây lại, phải nộp 8.000 quan, lúc về

nộp 800 quan ; thuế này, 6/10 nộp vào kho, còn 4/10 nộp cho quan-lại đã coi việc thu thuế.

Chi thu tiền : Năm 1753, Chúa Nguyễn sai quan Chưởng thái giám Mai văn Hoan tính số vàng bạc và tiền thu vào, phát ra mỗi năm bao nhiêu ; từ đấy mỗi năm làm sổ thu tiêu một lần ; tiền thì dùng tiền đồng và tiền kẽm, khắc hai chữ « *Thái Bình* ».

BÀI 19 : CUỘC NAM TIẾN

Trong những công nghiệp của nhà Nguyễn, việc bành trướng lực lượng vào phương nam, mở rộng thêm bờ cõi, là việc đã thu dặt được những trang sử đẹp đẽ nhất.

Lúc đầu Trịnh Kiểm chỉ cho Nguyễn-Hoàng vào trấn thủ Thuận-hoá thôi. Đến năm 1570, Nguyễn-Hoàng mới được kiêm lĩnh cả đất Quảng nam.

Năm 1611, Nguyễn Hoàng vào đánh Chiêm-thành lập ra phủ Phú-yên. Năm 1653, vua Chiêm-thành là Bà-Thấm sang quấy nhiễu Phú-yên, Chúa Hiền là Nguyễn phúc Tần sai quan Cai cơ là Hùng Lộc vào đánh Chiêm-thành. Bà-Thấm thua, dâng thư xin hàng. Chúa Nguyễn lấy đất từ Phan-rang trở ra làm Thái-ninh-phủ, sau đổi là Diên-khánh (Khánh hoà). Năm 1693, vua Chiêm-thành là Bà-Tranh bỏ không cống tiến, Chúa Nguyễn là Nguyễn-phúc-Chu sai quan tổng-binh là Nguyễn-hữu-Kính (con Nguyễn-hữu-Dật) đem binh đánh bắt được Bà-Tranh. Chúa Nguyễn đổi đất Chiêm-thành làm Thuận-phủ, cho thần-tử vua Chiêm là Tả-trà-viên, Kế-bà-tử làm chức Khâm-ly và 3 người con của Bà-Ân làm Đô-đốc giữ Thuận-phủ. Lại bắt bọn ấy đổi y phục theo người Đại-việt để phủ-dụ dân Chiêm-thành. Năm sau, đổi Thuận-phủ làm Thuận-thành-trấn. Năm 1697, chúa Nguyễn đặt ra phủ Bình-thuận, lấy đất Phan-Rang và Phan-Rí làm huyện Yên-phúc và Hoà-đa. Chiêm-thành bị Đại-việt hoàn toàn thôn tính từ đấy.

Sau khi lấy hết đất Chiêm-thành rồi, Chúa Nguyễn đã không để lỡ mất cơ hội nào là cơ hội có thể xâm nhập nước Chân-lạp.

Nước Chân-lạp ở vào quãng dưới sông Cửu-long, ruộng đất nhiều, mà dân Đại-việt lại bị đói khổ luôn, cho nên nhiều người vào khẩn đất làm ăn ở Mỏ-xoài (Ba-Rịa) và Đồng-nai (Biên-hoà).

Năm 1658, vua Chân-lạp mất, chú cháu tranh nhau quyền vị, sang cầu cứu với chúa Nguyễn. Chúa Hiền cho 3.000 quân sang đánh Mỗi-xuy (thuộc Biên-hoà), bắt được vua nước ấy là Nặc-ôn-Chân đem về. Sau tha Nặc-ôn-Chân, nhưng bắt phải triều cống và bênh vực người Đại-việt sang làm ăn bên ấy.

Năm 1674, người Chân-lạp là Nặc-ôn-Đài đi cầu viện nước Tiêm-la để đánh Nặc-ôn-Nôn. Nặc-ôn-Nôn chạy sang cầu cứu với dinh Thái-khang (Khánh-hoà), Chúa Hiền sai quân qua đánh phá được đồn Sài-côn³¹, rồi tiến quân vây thành Nam vang. Nặc-ôn-Đài chạy, chết trong rừng, Nặc-ôn-Thu được lập làm Chánh-quốc-vương đóng ở Long-Úc ; Nặc-ôn-Nôn làm Đệ-nhi-quốc-vương, đóng ở Sài-côn, hàng năm triều cống Đại-việt.

Năm 1679 có bọn quân nhà Minh ở Quảng-tây không chịu hàng nhà Thanh, đem 3.000 quân sang xin làm dân Đại-việt. Chúa Hiền nhân muốn khai khẩn đất Chân-lạp, cho vào ở đất Đông-phố (tức Gia-định) đất Lộc-da (Đồng-nai thuộc Biên-hoà), ở Mỹ-tho (thuộc Định-tường), ở Ba-lan (thuộc Biên-hoà) cấy ruộng làm nhà lập ra phường phố buôn bán vui vẻ.

Năm 1698, chúa Nguyễn là Nguyễn phúc-Chu sai ông Nguyễn hữu-Kinh làm kinh-lược đất Chân-lạp, chia đất Đông-phố ra làm dinh, làm huyện, lấy xứ Đồng-nai làm huyện Phúc-long và xứ Sài-côn làm huyện Tân-bình, đặt Trấn-biên-dinh (tức Biên-hoà) và Phiên-trấn-dinh (tức Gia-định), sai quan vào cai trị. Chiêu mộ những kẻ lưu dân từ Quảng-bình trở vào, để lập ra thôn xã, khai khẩn ruộng đất. Còn những người Tàu ở đất Trấn-biên, thì lập làm xã Thanh-hà, những người ở đất Phiên-trấn lập ra xã Minh-hương.

Lại có người khách Quảng-đông tên là Mạc Cửu, cũng không phục nhà Thanh, bỏ sang Chân-lạp, chiêu mộ lưu dân lập ra 7 xã gọi là Hà-tiên. Năm 1708, Mạc Cửu xin thuộc về Chúa Nguyễn, được phong làm chức tổng-binh

giữ đất Hà-tiên. Đến khi Mạc Cửu mất, Chúa Nguyễn phong cho con Mạc Cửu là Mạc thiên-Tứ làm chức đô-đốc trấn ở Hà-tiên.

Về sau, trong nước Chân-lạp có chiến-tranh nhiều, từ năm 1699 trở đi, nhất là con cháu dòng Nặc-ôn tranh nhau ngôi vua, kẻ sang cầu cứu với vua Tiêm-la³², người qua cầu cứu với chúa Nguyễn. Rốt cuộc, mỗi khi có chiến-tranh thì quân cứu-viện của chúa Nguyễn cũng chiếm phần thắng lợi, và nước Chân-lạp chịu dưới quyền bảo-hộ của Chúa Nguyễn. Năm 1755 vua Chân-lạp là Nặc-Nguyên dâng Chúa Nguyễn hai phủ Tâm-bôn và Lôi-lạp. Năm 1759, sau khi Nặc Nguyên mất, Nặc-Tôn nhờ Chúa Nguyễn che chở mà được làm vua, dâng chúa Nguyễn đất Tâm-phòng-long (hiện là đất Vĩnh-long, Sadek, Châu-đốc) để cảm ơn. Nặc-Tôn dâng riêng Mạc-thiên-Tứ, người đã trực tiếp cầm quân giúp Nặc-Tôn, 5 phủ Hương-úc, Cần-bột, Trực-sâm, Sài-mạt, và Linh-quỳnh. Mạc thiên Tứ dâng lại Chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn cho những phủ ấy sáp nhập cả vào Hà-tiên.

Thế là tất cả những đất Chân-lạp thuộc 6 tỉnh Nam-phần bây giờ do chúa Nguyễn khai hoá, đem sáp nhập vào nước Đại-việt, từ giữa thế-kỷ thứ 18 vậy.



Bản-đồ nước ĐẠI-VIỆT tiến vào Nam từ năm 1069 đến 1759

CHƯƠNG VI : NGƯỜI TÂY PHƯƠNG VÀ CÁC GIÁO-SĨ ĐẠO GIA-TÔ ĐẾN ĐẠI-VIỆT

BÀI 20 : NGƯỜI TÂY PHƯƠNG ĐẾN ĐẠI-VIỆT

Từ thế-kỷ thứ 13, người Itali (Ý-đại-lì) tên là Marco-Polo làm quan ở triều Nguyên (đời vua Thế-tổ Hốt-tất-liệt) 17 năm, sau khi trở về nước, viết ra quyển sách « *Les merveilles du monde* » (thế-giới kỳ-quan) nói cho người Âu-châu biết trạng thái cường-thịnh của Trung-quốc, khiến châu Âu để ý đến Đông phương.

Kể từ thế-kỷ thứ 15, thuật hàng-hải đã tiến bộ, các nhà thám-hiểm châu Âu mới tìm đường giao-thông với các nước bên ngoài.

Christophe Colomo (Kha-luân-bố) vượt Đại-tây-dương tìm ra châu Mỹ. Vasco de Gama, người Portugal (Bồ-đào-nha) năm 1497, đi vòng quanh Cap de Bonne Espérance (Hảo-vọng-giác) sang Ấn-độ. Năm 1521, lại có người Espagne (Tây-ban-Nha) tên là Magellan đi qua Ấn-độ-dương sang Thái-bình-dương vào Philippines (Phi-luật-tân).

Đông phương từ đây đã được người châu Âu biết đến nhiều, và lui tới, hoặc mở cuộc thông thương, hoặc chiếm cứ làm thuộc địa.

Năm 1563, người Portugal (Bồ-đào-nha) thuê đất Macao (Áo-môn) của Tàu làm cửa biển thương-mại. Sau chiếm đứt một phần làm đất riêng, đặt quan cai-trị.

Người Espagne (Tây-ban-nha), theo bước Portugal sang Đông-phương, lấy đất Phi-luật-tân (Philippines) làm thuộc-địa năm 1568.

Năm 1596, người Hollande (Hoà-lan) sang lấy Nam-dương quần-đảo (Indes Néerlandaises).

Về sau, dần dần, người Portugal, Pháp, Anh (Angleterre) đến ở đất Ấn-độ.

Thế rồi, từ các hải-cảng Hirada (Nhật-bản) Ma-cao (Tàu) Batavia, Batam (Java) Madras Surate (Ấn-độ), các nhà buôn phương tây lui tới nước Đại-việt.

Trước hết người Portugal đến mở cửa hàng ở phố Hội-an (Faifo) ở đây đã có các người Tàu, người Nhật và người Hollande (Hoà-lan) đến buôn bán rất nhiều. Theo Maybon và Russier thì năm 1614, người Portugal (Bồ-đào-nha) tên là Jean de la Croix đến lập lò đúc súng ở Thuận-hoá.

Ngoài Bắc, trước đã có tàu của người Portugal (Bồ-đào-nha) đi lại buôn bán. Nhưng mãi đến năm 1637, đời vua Lê Thần-tông, Thành-đô-vương Trịnh Tráng, mới cho người Hollande (Hoà-lan) đến mở cửa hàng ở Phố-hiến (gần tỉnh Hưng-yên). Người Nhật-bản, người Tàu, người Xiêm-la, đến buôn bán ở Phố-hiến kể có 2.000 nóc nhà, vui-vẻ lắm cho nên có câu tục truyền « thứ nhất Kinh-kỳ, thứ nhì Phố-hiến ».

Năm 1672, người Anh (Angleterre) đem chiếc tàu *Zant* vào xin mở cửa hàng buôn bán. Chúa Trịnh cũng cho xuống ở Phố-hiến. Nhưng vì sự buôn bán không được thịnh lợi, người Anh chỉ ở đến năm 1697 thì thôi.

Còn người Pháp, năm 1680, có tàu vào Phố hiến. Năm 1682, lại cho chiếc tàu Saint Joseph ở Xiêm-la sang, đem phẩm vật dâng chúa-Trịnh. Năm 1686, người Pháp tên là Ver-ret đến mở cửa hàng ở Cù-lao Poulo-Condore (Côn-lôn). Năm 1749, người Pháp tên là P. Poivre đi chiếc tàu Marchault vào cửa Hội-an xin yết-kiến chúa Nguyễn dâng quốc-thư và phẩm vật, tỏ tình giao hiếu xin thông thương. Nhưng chẳng bao lâu công-ty Pháp ở Ấn-độ bãi đi, cho nên sự thông thương với Đại-việt cũng thôi.

Trong thời kỳ này, chúa Nguyễn ở phương nam muốn nhờ người Portugal (Bồ-đào-nha) bên ngoài thì chúa Trịnh muốn nhờ người Hollande (Hoà-lan), giúp khí giới và quân lính để chống nhau. Vì lợi quyền buôn bán, họ không ra mặt giúp hăn, thành ra các Chúa không hậu đãi họ nữa. Cho nên sự buôn bán của người Âu-châu ở trong nước băng đi từ đầu thế kỷ 18.

BÀI 21 : CÁC GIÁO-SĨ VỚI SỰ TRUYỀN GIÁO

Các giáo-sĩ đạo Gia-tô bắt đầu lập giáo đoàn để truyền đạo trên đất Đại-việt từ năm 1615. Có chừng 180 giáo-sĩ đi giảng đạo cả ngoài Bắc lẫn trong Nam. Hai giáo-sĩ đầu tiên là Francisco Bussoni (người Pháp) đến Đà-nẵng, Phú-xuân và được phép mở giáo đường ở đấy, rồi vào Hội-an.

Năm 1618, Cristoforo Borri được giáo đoàn cử vào phía Nam (Mission de la Cochinchine). Cristoforo Borri nghiên cứu về phong tục, khí hậu, tài sản, chính trị, cách ăn mặc cho đến thuốc thang của bản xứ. Lúc trở về Âu châu Cristoforo Borri (người Milanais) đã viết nhiều sách bằng tiếng Ý-đại-lợi, Pháp, La tinh, Hoà lan, Anh và Phổ lỗ sĩ.

Năm 1625, Cố Giuliano Boldinotti vào Bắc Kỳ. Rồi trở về Macao viết bản tường trình về cuộc du hành ấy. Một giáo đoàn nữa được lập riêng cho xứ Bắc (Mission du Tonkin) do Cố Alexandre de Rhodes dẫn đầu.

Alexandre de Rhodes ở Nam ra Bắc, vào yết kiến Chúa Trịnh và đem dâng một chiếc đồng hồ quả lắc. Chúa Trịnh cho Alexandre de Rhodes được giảng đạo tại Kinh đô. Từ đấy các giáo-sĩ đến nhiều và người ta theo đạo cũng đông.

Nhưng vì nước ta vốn theo đạo Nho, lấy sự thờ cúng tổ tiên làm trọng, lấy sự cúng tế thành thần làm phải. Đột nhiên những người theo đạo Thiên-Chúa bỏ cả các thói cũ. Bởi thế Vua Chúa cho đạo ấy là tà đạo làm huỷ hoại phong hoá nước nhà, bèn xuống chỉ cấm không cho dân theo đạo ấy nữa.

Năm 1631, chúa Trịnh Tạc, bắt đuổi hết các giáo-sĩ ở ngoài Bắc.

Năm 1664, chúa Nguyễn Hiên ở trong Nam bắt giết những người đi giảng đạo tại Đà-nẵng.

Năm 1696, đời vua Lê Hi-tông, Trịnh Cán bắt đốt phá hết cả những sách đạo, nhà đạo, và đuổi những người giảng đạo ra ngoài nước.

Năm 1712, Trịnh Cương bắt những người theo đạo Gia-tô phải cạo trán và khắc vào mặt bốn chữ « Học Hoà-lan đạo ».³³

Năm 1754, Trịnh Doanh lại nghiêm cấm ngặt hơn, bắt giết tất cả các đạo-trưởng và đạo-đồ.³⁴

Tuy Vua Chúa cấm dân theo đạo một ngày một nghiêm, nhưng người đi giảng đạo vẫn hết sức dụ cho được nhiều người theo đạo, gây ra Lương Giáo hai phe, ghen ghét lẫn nhau như cừu địch, đến nỗi bao người vô tội bị giết hại, mất cả sự hoà hiếu với các nước tây-phương.

Gọi là đạo Gia-tô, bởi đạo ấy của Đức Gia-tô (Jésus Christ) lập ra. Cũng gọi là đạo Thiên-Chúa, vì đạo này thờ một đức Chúa Trời, hoặc Cơ-đốc, do chữ Christ là bậc cứu-thế.

Nguyên thừa xưa, toàn xứ Âu-la-ba không nhất định theo một tôn-giáo nào. Mỗi dân tộc thờ một vài vị thần do sự tưởng-tượng mà có, như Grèce (Hy-lạp) và Rome (La-mã) thờ thần Jupiter, thần Apollon... Dân Juifs (Do-thái) ở đất Tiểu-á-tế-á (nay là Palestine) thì thờ Jéhovah ở thành Jérusalem (Gia-lô-tan-linh). Dân Juifs tin rằng thần Jéhovah sinh hoá vạn vật và người, cho nên người chỉ nên thờ một vị thần ấy mà thôi. Đến khi dân La-mã kiên tinh được cả đất Tiểu-á-tế-á, đất bắc-Aphiligia và đất tây nam Âu-la-ba, dân Juifs cũng thuộc về La-mã. Lúc này đức Gia-tô ra đời, nhân đạo Juifs mà lập ra đạo mới.

Đạo Gia-tô dạy người ta lấy sự yêu mến và tôn kính Thiên-Chúa làm gốc, lấy bụng từ-bi nhân thứ coi mọi người như anh em ruột thịt. Ông Saint Pierre sáng lập giáo-đường ở kinh-thành La-mã ; ông Saint Paul thì đi truyền đạo ở các xứ trong nước. Lúc đầu sự truyền đạo Thiên-Chúa gặp rất nhiều trở ngại. Vua La-mã dùng cực hình mà giết hại các giáo-sĩ và những người theo đạo.

Mãi đến đệ tứ thế-kỷ, vua La-mã là Constantin mới cho giảng đạo Thiên-chúa tự do. Từ bấy giờ trở đi, đạo Thiên-Chúa một ngày một thịnh, lập giáo-đường để thống nhất việc giáo, đặt giám-mục để coi việc giáo các nơi, sai giáo-sĩ đi truyền đạo khắp trong thiên-hạ. Chỗ nào có người là có các giáo-sĩ đến truyền đạo.

BÀI 22 : NGƯỜI TÂY PHƯƠNG VỚI VĂN-HOÁ ĐẠI-VIỆT

Vào thế kỷ thứ XVII, các giáo-sĩ người Âu, khi đến nước ta truyền giáo, thấy nước Đại-việt chỉ có chữ nôm, phỏng theo chữ Hán (của Tàu), một thứ chữ không có phương pháp viết nhất định, mà học lại tốn nhiều công phu, các giáo-sĩ bèn mượn các chữ cái La-mã mà đặt ra thứ chữ « quốc ngữ » bây giờ, để tiện việc dịch sách, soạn sách cho những người theo đạo học.

Quyển Tự-điển nhan-đề « *Dictionnarium Annamiticum, lusitanum et latinum* » (nghĩa là Tự-điển An-nam Bồ-đào-nha và Latinh) và quyển sách dạy đạo nhan-đề « *Phép giảng tám ngày cho kẻ muốn (muốn) chịu phép rửa tội (tội) mà vào (vào) đạo Thánh đức Chúa Bời (Trời)* », là 2 quyển sách đầu tiên in bằng chữ quốc-ngữ, do Cố Alexandre de Rhodes soạn và được nhà in của giáo-hội La-mã do Giáo-hoàng Urbain thứ VIII lập ra từ năm 1627 (2 quyển sách nói trên in ra năm 1651).

Rồi đến lúc đức cha Bá-đa-lộc (*Evêque d'Adran. Pigneau de Béhaine*) qua giúp Nguyễn-vương sửa đổi cách phiên âm mà thành cách viết nhất định như ngày nay.

Bá-đa-lộc soạn ra quyển Tự-điển Annam-Latinh. Quyển này sau được Cố Taberd kế tiếp soạn ra cuốn Nam-Việt Dương-hiệp tự-vượng (*Dictionnarium Annamitico-Latinum*) in năm 1838.

Từ đấy, sách viết bằng quốc-ngữ càng ngày càng nhiều. Sự in sách quốc-ngữ cũng từ đấy càng ngày càng mở mang. Năm 1838, cuốn Tự-điển của Cố Taberd không phải đem về in ở La-mã nữa, mà ở thành Sérapur (thuộc tỉnh Bengale Ấn-độ) cũng đã có nhà in đúc chữ quốc-ngữ rồi. Kế đấy, ngay cạnh nước Đại-việt, ở Bang-kok (kinh-đô Tiêm-la) nhà Chung cũng lập ra một nhà in in chữ quốc-ngữ. Những sách về đạo như Tân-ước, Cựu-ước v.v... được xuất bản rất nhiều bằng quốc-ngữ. Do đó, số người biết đọc, biết viết chữ quốc-ngữ càng ngày càng nhiều.

Chữ quốc-ngữ học đã mau biết, viết đã nhanh, lại diễn tả tư-tưởng một cách rất rõ-ràng. Nếu chữ Hán là gốc rễ của nền văn-hoá Đại-việt, thì chính chữ quốc-ngữ đã làm cho cây văn-hoá kia mau sinh hoa kết quả vậy.

Các giáo-sĩ Gia-tô, bởi vậy, đối với cơ-nghiệp văn-hoá Đại-việt, có công rất to.

Chỉ tiếc, lúc giám-mục Bá-đa-lộc và các người Pháp giúp việc vua Gia-long là lúc ta có dịp tốt được tiếp xúc với văn-minh châu Âu mà không biết lợi dụng thời cơ để thâm nhập lấy những ưu-điểm của văn-minh ấy trên đường ngoại-giao. Trái lại, số đông « hủ nho » giữ lập trường « bế quan toả cảng » làm cho chữ quốc-ngữ là cái động cơ dẫn Đại-việt tiến trên đường phú-cường theo Âu-châu bị tê-liệt đến nỗi phải đưa giang-sơn vào vòng nô-lệ người phương Tây trong bao lâu nay.

Thật vậy, nếu biết bắt lấy cơ-hội, gây thiện-cảm với người Tây phương, rồi, với chữ quốc-ngữ mới có, mở đường cho văn-minh Tây-phương lọt vào trong nước bằng cách phiên-dịch sách ngoại-quốc, tuyên truyền tư-tưởng mới, mở mang sự học cho phổ cập khắp các tầng lớp dân chúng, thì chả bao lâu mà nước được phú cường.

Tóm lại, chữ quốc-ngữ, do các giáo-sĩ đặt ra cho ta, rất có thể – nếu ta biết dùng – là tên lính hùng dũng chiếm đoạt lấy sức mạnh văn-minh bên ngoài đưa vào trong nước tiêu-diệt hủ-tục, cải hoá đời sinh-hoạt trên đường tiến-bộ cho quốc dân.

BÀI ĐỌC THÊM : TIỂU SỬ CỐ ALEXANDRE DE RHODES VÀ PIGNEAU DE BÉHAINE

A) ALEXANDRE DE RHODES

Alexandre de Rhodes sinh ở Avignon năm 1591. Sang Ma-cao năm 1619 và đến Nam-kỳ năm 1624.

Đến Nam-kỳ, ông chăm chú học tiếng Đại-việt. 6 tháng sau, ông đã nói sõi và giảng đạo được bằng tiếng bản xứ. Đồng thời, ông nghiên-cứu rất kỹ-lưỡng về phong-tục tình-hình người Đại-việt và viết ra nhiều sách cho người Đại-việt xem.

Được cử lập giáo-đoàn phía Bắc, ông đến Đông-kinh (Hà-nội) vào tháng 3 năm 1627, và ở đấy 3 năm, thỉnh-thoảng lại lui tới miền nam của Chúa Nguyễn.

Năm 1645, nhiều giáo-sĩ bị giết ở Bắc. Ông thì bị cấm không được giở lại trong xứ nữa.

B) PIGNEAU DE BÉHAINE

Giám-mục Pigneau de Béhaine, tục gọi là Bá-đa-lộc, sinh ở Origny en Thiérache năm 1741. Sau khi tốt nghiệp ở trường Thày Dòng của Hội ngoại quốc truyền giáo (Société des Missions étrangères) ông được phái sang Viễn-đông, sung vào giáo-đoàn đang trong (Mission de la Cochinchine) năm 1765.

Đến Hà-tiên năm 1767, ông được cử làm giám-đốc trường Thày dòng Hòn-đất (gần Hà-tiên). Năm 1768, ông bị giam vì đã chứa một ông Hoàng-tử Tiêm-la trốn qua. Năm 1769, nhà trường bị đốt phá, ông trốn sang Pondichéry (Ấn-độ).

Năm 1770, ông được phong làm Giám-mục (Evêque d'Adran).

Năm 1775, ông giở lại Nam-kỳ, được Mạc thiên-Tứ hậu đãi ở Hà-tiên. Năm 1777, ông gặp đức Nguyễn Ánh (đang trốn tránh Tây-sơn) và giúp Ngài lánh nạn ở Cù-lao Poulo Panjang (vịnh Tiêm-la). Đến tháng 11 năm ấy, Nguyễn-vương lấy lại được thành Gia-định, ông đến ở Tân-triều gần Biên-hoà. Nhưng đến tháng 3 năm 1783, thành Gia-định lại mất về Tây-sơn. Nguyễn-vương lại chạy ra vịnh Tiêm-la. Ông cũng phải chạy. Hai vị lại gặp nhau ở Poulo Panjang.

Sau khi bàn tính với Nguyễn-vương, ông đã đem hoàng-tử Cảnh sang Pháp cầu viện năm 1787 và thay Nguyễn-vương ký tờ hiệp-ước Versailles với Pháp-đình (Xem bài 23).

Giở về Đại-việt, ông theo giúp Nguyễn-vương đánh Tây-sơn. Rồi mất tại Thi-Nại hôm 9-10-1799 trong khi Nguyễn-vương đang vây thành Qui-Nhân.

CHƯƠNG VII : CHÚA NGUYỄN SUY VONG

BÀI 23 : TRƯỞNG PHÚC-LOAN CHUYÊN QUYỀN

Lúc đầu Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận-hoá, đóng dinh ở làng Ái-tử (thuộc huyện Đăng-xương, gần tỉnh-lỵ Quảng-trị). 13 năm sau (năm 1570) Nguyễn Hoàng dời vào làng Trà-bạt ở huyện ấy, tức là Cát-dinh. Đến năm 1626, Chúa Sãi là Nguyễn phúc-Nguyên sắp sửa chống nhau với Trịnh, dời dinh vào làng Phúc-an (thuộc huyện Quảng-diên, tỉnh Thừa-thiên) và đổi gọi Dinh là Phủ. Năm 1636, Chúa thượng là Nguyễn phúc-Lan lại dời phủ vào làng Kim-long (thuộc huyện Hương-trà, Thừa-Thiên). Năm 1687, Chúa Nguyễn là Nguyễn phúc-Trần đem phủ về làng Phú-xuân tức đất Kinh-thành Huế bây giờ, gọi là Chính Dinh. Chỗ phủ cũ để làm thái-tôn-miếu thờ Chúa Hiến.

Năm 1744, Vũ-vương là Nguyễn phúc-Khoát mới xưng *Vương* hiệu, đổi Phủ ra làm Điện, sửa sang phép tắc, định triều-phục, chia nước ra làm 12 Dinh, như sau đây :

1. Chính-dinh (Phú-xuân)
2. Cựu-dinh (Ái-tử)
3. Quảng-bình-dinh
4. Vũ-xá-dinh
5. Bõ-chính-dinh
6. Quảng-nam-dinh
7. Phú-yên-dinh (Đất Chiêm-thành)
8. Bình-khang-dinh (Đất Chiêm-thành)
9. Bình-thuận-dinh (Đất Chiêm-thành)
10. Trấn-biên-dinh (Đất Chân-lạp)
11. Phiên-trấn-dinh (Đất Chân-lạp)
12. Long-hồ-dinh (Đất Chân-lạp)

Mỗi Dinh đặt quan trấn-thủ, quan cai-bạ, quan ký-lục coi việc cai-trị. Phủ Quảng-nghĩa và phủ Qui-nhân, thuộc về tỉnh Quảng-nam, đặt quan

tuần-phủ và quan khâm-ly. Đất Hà-tiên thì gọi là trấn, có quan đô-đốc cai trị.

Làm vua được ít lâu, Vũ-vương trở nên dâm-dục quá độ, không được chính-đính. Các quan trong triều mới lấn quyền mà hà-hiếp dân chúng : trong đám quan liêu có thế-lực nhất lúc bấy giờ là dòng Trương-Phúc đã theo Chúa Nguyễn Hoàng vào trong này từ khởi thủy. Từ Trương phúc-Phấn, viên tướng cố-tri ở lũy Trường-dục năm 1648, đến con Phấn là Trương phúc-Phan, chức thâu Nội-hữu Chưởng-cơ đã thu phục đảo Côn-lôn năm 1702³⁵, rồi đến đời con Phan là Trương phúc-Loan làm quan đầu triều « Quốc-phó Chưởng Hộ-bộ sự, quản tượng-cơ » thì thế lực của nhà Trương-Phúc đã vững chắc lắm rồi. Loan cầm đầu phe quan lại mạnh nhất trong triều Vũ-vương.

Năm 1776, Vũ-vương mất. Bấy giờ thế-tử là Nguyễn phúc-Hiệu, con thứ 6 cũng mất rồi. Con thế-tử là Nguyễn phúc-Dương hãy còn nhỏ. Con trưởng của Vũ-vương cũng đã mất. Tờ di-chiếu để lại định lấy con thứ hai là Chương-Võ lên kế vị. Nhưng Trương phúc-Loan không muốn lập một ông Chúa đã trưởng thành, e hại đến uy-quyền của mình, bèn cầm tù Chương-Võ, đổi tờ di-chiếu mà lập người con thứ 16 của Vũ-vương gọi là Định-vương, mới có 12 tuổi. Quyền-hành trong nước từ đấy vào tay Trương phúc-Loan cả. Hai con Trương phúc-Loan là Trương phúc-Thừa, Trương phúc-Nhạc đều làm rể Chúa, giữ binh quyền, thủ-túc của Loan là Thái-Sinh làm Bộ hộ giữ tài-chính.

Trương phúc-Loan là người tham lam tàn ác, trong nước ai cũng oán giận ; trong đám quan liêu quý tộc, có ai tỏ ý kình-địch thì Loan tìm cách hãm hại ; thế cho nên đã bỏ tù Nguyễn phúc-Dực, giết Nguyễn phúc-Văn là những người dòng họ nhà Chúa.

Khi trong ngoài đều khiếp sợ oai quyền của Loan, Loan tha hồ vợ vét. Loan tự ý thu làm của tư một phần lớn thuế của chính-phủ. Loan còn ăn hối-lộ trong việc xử-kiện và bổ quan. Loan giàu đến nỗi, gặp nước lụt, đem dương hòm ra phơi, vàng chiếu sáng loè đầy sân.

Trong dân gian, từ trên xuống dưới, không ai không ghét Loan ; thế cho nên ở phía nam, nhà Tây-Sơn đã có dịp đánh phá lấy Qui-nhân, ở phía Bắc họ Trịnh vào lấy đất Phú-xuân.

BÀI 24 : NGUỒN GỐC TÂY-SƠN

Tổ bốn đời anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ dòng dõi họ Hồ, ở huyện Nghi-xuân, tỉnh Nghệ-an.³⁶

Năm 1655, chúa Nguyễn (chúa Hiền) sai hai tướng Nguyễn hữu-Tiến và Nguyễn hữu-Dật dẫn quân ra đánh Trịnh. Trịnh thua, Nguyễn chiếm được 7 huyện ở phía nam sông Lam-giang, tức sông Cả (huyện Kỳ-hoà, Thạch-hà, Thiên-lộc, Nghi-xuân, La-sơn, Hương-sơn, Thanh-chương). Chúa Nguyễn bắt một số dân của mấy huyện này di cư vào miền nam, để khai khẩn ruộng nương. Thoạt tiên cho số dân ấy định cư ở Tây-sơn-nhật, thuộc huyện Quy-ninh (nay là thôn An-khê, huyện Hoài-nhân, Qui-nhân). Tổ của anh em Nguyễn Nhạc cũng ở trong đám dân di cư này. Vì theo Chúa Nguyễn, lại lấy vợ họ Nguyễn, vả cũng muốn tránh sự nghi kỵ cho dễ hành động, mà 3 anh em Nhạc, Lữ, Huệ đổi họ Hồ ra họ Nguyễn. Còn tên Tây-sơn mà có, là do anh em Nhạc khởi nghĩa ở đất Tây-sơn.³⁷

Nguyễn Nhạc trước hết buôn súc vật với Mọi, sau được làm biện-lại (chức thu thuế) ở Vân-đồn cho nên dân thường gọi là Biện Nhạc. Năm 1771 (Tân mao) Biện Nhạc tiêu hết số tiền thuế thu được, vì cờ bạc. Bị truy tố, Nhạc trốn lên vùng Thượng-đảo (vùng Mán, sơn cước Qui-nhân).

Củ hợp những tên vong mạng, kẻ bất mãn, Nguyễn Nhạc lập đồn dựng trại ; chẳng bao lâu, Nguyễn Nhạc trở thành tướng lục-lâm, xưng hùng với rừng thẳm non cao. Rồi thường thường, Nguyễn Nhạc kéo bộ hạ đi lấy của nhà giàu – những nhà giàu có tiếng bất nhân cay nghiệt – đem phân phát cho kẻ nghèo. Hành động của Nguyễn Nhạc có tính cách nghĩa-hiệp, cho nên dân chúng theo phò mỗi ngày mỗi đông.

Nhân gặp cơ hội Trương phúc-Loan lộng quyền, dân gian oán giận, Nguyễn Nhạc khởi nghĩa, hô hào quần chúng ủng hộ trừ tên gian thần họ

Trương, để lập hoàng-tông Nguyễn phúc-Dương là dòng chính thống ; hoàng-tông Dương là con thế-thử Hiệu.³⁸

Nhiều nhà-giàu có trong hạt Qui-nhân – Nguyễn Khuê là một – đáp theo tiếng gọi của Nguyễn Nhạc, sốt sắng xuất tiền sắm khí giới. Thổ-hào thì có Nguyễn Thung giúp việc mộ binh.

Vậy là thời-thế đã tạo nên quân Tây-Sơn làm đại biểu phái nông dân bị đè nén dưới cường quyền của Trương phúc-Loan.

Giang-sơn chúa Nguyễn bởi thế bị chia làm 2 phe : một phe lấy danh-nghĩa chúa Định-vương mà đàn áp Tây-sơn, gọi là phe Quốc-phó, một phe hô hào lập hoàng-tông Dương là phe Tây-Sơn.³⁹

Phe Quốc-phó bị dân chúng oán ghét, mỗi ngày mỗi suy nhược ; trái lại, phe Tây-sơn được dân chúng ủng hộ, tiến đến đâu, mạnh mẽ hăng hái đến đấy. Nguyễn Nhạc đứng làm chúa trại nhất, cai quản hai huyện Phù-ly và Bồng-sơn ; cắt Nguyễn Thung làm chúa trại nhì, cai quản huyện Tuy-viễn ; còn Nguyễn Khuê ở trại ba, giữ trách nhiệm cung cấp lương thực.

BÀI 25 : TÂY-SƠN LẤY QUI-NHÂN, QUẢNG-NGHĨA, BÌNH-THUẬN VÀ QUẢNG-NAM

Khi đã xây dựng vững vàng địa-vị quanh vùng Tây-sơn, Nguyễn Nhạc mưu sự bành trướng thế lực xuống Qui-nhân.

Sau một cuộc mật bàn cử sự, cùng các tướng tá, và cắt đặt mọi việc, Nguyễn-Nhạc tự ngồi trong cũi cho thủ-hạ khiêng đi, đồng thời loan báo « bắt sống được biện Nhạc rồi, khiêng nộp quan Tuần để lĩnh thưởng ».

Thế là Nguyễn Nhạc đã lọt vào trong thành, ngồi co ro trong cũi. Tuần phủ Nguyễn khắc-Tuyên rất mừng, vì bấy lâu vẫn hằng mong bắt Nhạc.

Nhưng ngay đêm hôm ấy, giữa lúc canh khuya tĩnh mịch, thành Qui-nhân bỗng vì Nhạc mà trải qua một cảnh tình rùng rợn khủng-khiếp !

Phá cũi, Nguyễn Nhạc nhảy ra, mở cửa thành, đốt pháo hiệu. Lập tức toán quân Nguyễn Thung đột nhập một cách hùng cường, đốt dinh trại, giết

tướng sĩ, làm cho quân trong thành thất đảm, chạy tán ; tuần-phủ Nguyễn khắc-Tuyên lẫn trốn, không kịp đóng ngựa.

Lấy được thành Qui-nhân rồi, Nguyễn Nhạc hô quân đánh dốc lên Càn-dương và Đạm-thủy. Cờ Tây-sơn khởi nghĩa phát phối trên không-trung ngay khắp địa-hạt Qui-nhân, vào giáp tận Quảng-nam. Năm ấy 1773.

Nguyễn Nhạc, trong dịp này, khéo thu dụng được 2 bọn quân Tàu của Tập Đình và Lý Tài. Quân Tập Đình gọi là Trung nghĩa-quân ; quân Lý Tài gọi là Hoả nghĩa-quân. Hai tướng Tập Đình và Lý Tài mộ những người Nam to lớn nhập lẫn người Tàu, lập đội cảm-tử, khi giáp trận, uống rượu sau, cởi trần, cổ đeo vàng bạc, đánh hăng vô cùng.

Được tin Qui-nhân mất, chúa Nguyễn sai hai chưởng-cơ là Nguyễn cửu-Sách và Nguyễn cửu-Thống, tổng-nhung là Tống Sùng và tán-lý là Văn-Hoàng kéo quân vào Bản-tàn (giáp danh huyện Bính-sơn, thuộc Quảng-nghĩa và huyện Hà-đông thuộc Quảng-nam, để dẹp quân Tây-sơn.

Nguyễn-Nhạc cho quân kháng cự quân chúa Nguyễn cầm chừng rồi lui chạy. Quân Nguyễn thừa thắng, đuổi theo, chợt đến Thạch-lân bị phục binh Tây-sơn đổ ra đánh úp quá hăng, hai tướng Sùng và Hoàng đều tử trận, bọn Nguyễn cửu-Thống vỡ chạy tán loạn.

Tướng Tàu Tập Đình và Lý Tài thì tập kính ở núi Bích-kê (thuộc huyện Phù-mỹ, Bình-định) giết được viên tiết-chế quân Nguyễn là Tôn thất-Hương, vào cuối năm 1773.

Luôn đà thắng trận, quân Tây-sơn tiến vào nam. Sau một trận giao chiến với cai-cơ bên Nguyễn là Tôn thất-Bân, Tây-sơn chiếm được Quảng-nghĩa, rồi thu luôn được cả hai phủ Diên-khánh và Bình-khang. Vậy là Tây-sơn chiếm được suốt đất Quảng-nghĩa, Bình-thuận và Quảng-nam. Đi đến đâu thắng lợi đến đấy, trừ một trận giáp chiến với cai-đội Nguyễn chu-Dật, Tây-sơn phải lui quân giữ thế thủ ở Thiên-lộc (phía nam chợ củi).

Qua hè năm 1774, bên chúa Nguyễn có quân Ứng-nghĩa do Tống phúc-Hiệp và Nguyễn khoa-Thuyên cầm đầu, hiệp lực với tướng sĩ năm Dinh, lấy lại được 3 phủ Bình-thuận, Diên-khánh và Bình-khang, rồi Phú-yên ; tuy

nhiên đại-doanh của Tây-sơn đóng ở Quảng-nam vẫn vững, không núng ; và thế lực toàn diện còn lừng lẫy.

Mặt Nam, Tây sơn đánh mạnh như vậy, mà Trương phúc-Loan vẫn coi thường, chỉ mơ màng núp bên nhà Thanh để chống Trịnh ở mặt Bắc. Phúc-Loan sai sứ đi đường tắt qua Tàu hiến cống phẩm nhà Thanh và dâng biểu xin làm « thần tử ». Một mặt Loan đặt triều-nghi đối phục sắc, thay pháp độ, lập thành một nước trong khuôn mẫu riêng, không chịu lép vế chúa Trịnh (năm 1774).

Trương phúc-Loan có ngờ đâu Trịnh thấy Nguyễn bị Tây-sơn uy hiếp ở miền nam, cũng đem quân vào đánh ép từ Bắc vào.

BÀI 26 : HỌ TRỊNH LẤY PHÚ-XUÂN

Trần-thủ Nghệ-an là Bùi thế-Đạt được tin Tây-sơn nổi đánh nhà Nguyễn ở miền nam, liền viết thư cho ngựa trạm chạy về Thăng-long báo Tĩnh-đô-vương Trịnh Sâm (1767-1783) và muốn nhân cơ hội, đề nghị cất quân đánh Thuận-hoá.

Trịnh, Nguyễn vốn là thù nghịch, như trên đã nói, bấy lâu ở yên chẳng qua đôi bên đều muốn đợi thời.

Nay được tin rối loạn trong đất Nguyễn, Trịnh vui mừng lập tức cử Quận việp Hoàng ngũ-Phúc (do hoạn quan xuất thân) cầm ấn thượng-tướng cùng bọn Hoàng phùng-Cơ, Hoàng đình-Thế, Hoàng đình-Bảo, kéo ba vạn quân thẳng chảy vào nam.

Theo mật lệnh của Trịnh Sâm, Hoàng ngũ-Phúc tuyên bố kéo quân vào nam giúp chúa Nguyễn trừ tên gian thần Trương phúc-Loan, và để phòng quân Tây-sơn, chứ không có ý xâm chiếm giang-sơn của chúa Nguyễn.⁴⁰

Hồi này dân miền nam nheo nhóc đói khổ, Hoàng ngũ-Phúc phải đặt 3 chỗ lương-trưởng để vận chuyển lương thực : một ở Mỹ-lộc (Sơn-nam), một ở Hà-trung (Nghệ-an), một ở Đông-hải (Quảng-bình)⁴¹. Lương-trưởng ở đâu đóng thóc của các nhà giàu trong hạt, làm gạo bỏ vào kho. Rồi từ Sơn-nam

tải vào Hà-trung, Hà-trung tải vào Đông-hải. Lương-trưởng Đông-hải phụ trách đem gạo ấy phân phát nuôi quân.

Năm 1774 (tháng chín Giáp-ngọ) Hoàng ngũ-Phúc kéo quân vào châu Bồ-chính. Một tháng sau Phúc vượt qua sông Gianh chiếm Luỹ-thầy, đóng quân ở Quảng-bình.

Triều-đình Nguyễn thấy quân Trịnh ngang nhiên tiến mãi, dâm lo, bèn bắt trói Trương phúc-Loan nộp Hoàng ngũ-Phúc và xin thôi việc tiến quân.⁴²

Tuy đã trừ được Trương phúc-Loan, Hoàng ngũ-Phúc vẫn hăng hái tiến quân vào huyện Đăng-xương, lại đưa thư cho triều-đình Nguyễn nói đem binh vào hội ở Phú-xuân (Huế) để giúp Nguyễn dẹp Tây-sơn.

Bấy giờ triều-đình Nguyễn mới hiểu là Trịnh dụng tâm xâm chiếm giang-sơn, chứ không phải có thiện ý giúp trừ Trương phúc-Loan và Tây-sơn. Chúa Nguyễn đành phải động binh để đối phó : Tôn-thất Nghiêm, nội-hữu-chưởng-doanh, đang cầm quân ở Quảng-nam đương đầu với Tây-sơn phải triệu về để chống Trịnh. Các tướng Tống hữu-Trường. Nguyễn-phúc-Tiếp, cùng chưởng-cơ Nguyễn văn-Chính, đem thủy bộ binh ra án ngữ ở sông Bài-đáp (Phú-lệ, huyện Quảng-điền), nhưng quân Nguyễn không cản nổi quân Hoàng ngũ-Phúc.

Thuận-hoá bị Trịnh chiếm mất năm 1774.

Mất Thuận-hoá, chúa Duệ-tông (Định-vương) phải chạy vào Quảng-nam. Rồi vì thấy Tây-sơn, lúc bắt đầu khởi nghĩa, hô hào lập hoàng-tông Dương lên ngôi, Duệ-tông liền phong cho hoàng-tông Dương làm thế-tử gọi là Đông-cung đóng quân ở Câu-đế (thuộc huyện Hoà-vinh) năm 1775.

Nhưng trước chiêu Trịnh, bắt Trương phúc-Loan nộp Trịnh cũng không yên với Trịnh. Bấy giờ muốn theo ý Tây-sơn, lập tông-Dương làm Đông-cung cũng chẳng hài lòng được Tây-sơn.

Thấy Nguyễn bị Trịnh đánh bại, Tây-sơn tấn công Nguyễn rất kịch liệt. Duệ-tông phải bỏ Quảng-nam chạy vào Gia-định. Tây-sơn bắt được hoàng-tông Dương ở Câu-đế, gả con gái là Thọ-Hương (con Nguyễn Nhạc) cho tông-Dương và tôn lên ngôi để đối lập với Duệ-tông.

Trong lúc Tây-sơn còn đang tính cách diệt Nguyễn chưa xong, thì mặt Bắc, gặp ngay sức bành trướng của quân Trịnh.

BÀI 27 : TÂY-SƠN GẶP TRỊNH, TÂY-SƠN HOÀ VỚI TRỊNH ĐỂ DIỆT NGUYỄN

Thấy chúa Nguyễn đã chạy vào Quảng-nam (1775), Quận-việp Hoàng ngũ-Phúc kéo quân qua Hải-vân-quan, tiến vào đánh Quảng-nam, là đất Tây-sơn đang tranh hùng với chúa Nguyễn.

Vậy là Tây-sơn vừa đánh đuổi được chúa Nguyễn vào Gia-định, thì gặp ngay quân Trịnh tràn vào.

Nguyễn Nhạc cắt Tập Đình làm tiên phong, Lý Tài làm trung quân, còn tự mình làm hậu đội, đón đánh quân Trịnh ở Cầm-sa (thuộc huyện Hoà-vinh). Toán quân Tập Đình xông đánh rất hăng, giết được một viên nha-hiệu bên Trịnh. Tuy nhiên quân Trịnh với sự tận lực của hai đạo-sĩ (cử-nhân võ) Hoàng đình-Thế và Hoàng phùng-Cơ đánh bại được quân Tây-sơn. Nguyễn Nhạc kéo bọn Lý Tài lui giữ Bản-tân, rồi đem Đông-cung Dương về thành Qui-nhân.

Hoàng ngũ-Phúc (bên Trịnh) thắng trận, dẫn quân đóng Quảng-nam. Nhưng chỉ được vài tháng, không hợp thủy thổ lại có bệnh dịch tả hoành hành, Hoàng ngũ-Phúc bỏ Quảng-nam rút quân về Thuận-hoá.

Trong lúc này chúa Nguyễn đã chạy vào Gia-định. Song tướng của Nguyễn là Tống phúc-Hợp đã lấy lại vùng Bình-thuận, Diên-khánh và Bình-khang, rồi uy hiếp Phú-yên. Quân Nguyễn lại có vẻ quật cường lên được.

Thấy vậy, Nguyễn Nhạc bèn sai Phan văn-Tuế dứt lốt tiền cho Hoàng ngũ-Phúc và các tướng bên Trịnh, đồng thời dâng thư xin nộp đất Quảng-nghĩa, Qui-nhân, Phú-yên ; lại tình nguyện theo Trịnh đánh Nguyễn trong Gia-định.

Muốn dùng sức Tây-sơn để diệt Nguyễn, Hoàng ngũ-Phúc làm biểu xin chúa Trịnh phong cho Nguyễn Nhạc làm trấn-thủ Quảng-nam, tuyên-úy đại-

sứ cung-quận-công. Sai Nguyễn hữu-Chinh đem cờ, ấn, kiếm vào cho Nguyễn Nhạc. Hoàng ngũ-Phúc lại phong cho Nguyễn Huệ, có công mới đánh được quân Nguyễn mà chiếm lại Phú-yên, làm Tây-sơn tiên-phong tướng quân.

Cất nhắc cho Tây-sơn xong rồi, Hoàng ngũ-Phúc chia quân đóng giữ các phiên trấn từ Hải-vân-sơn đến Thuận-hoá. Cho sửa đồn lũy, khai hào trì, đặt quan lại, chia định sưu thuế, đổi lại phong tục cho miền trung đồng hoá với miền bắc của Trịnh.

Chưa được bao lâu, Trịnh Tĩnh-đô-vương triệu Hoàng ngũ-Phúc về Bắc, vì ngoài ấy không được yên bởi *Ưu-binh* những nhiều.

Còn Tây-sơn thu xếp êm thắm mọi việc với Trịnh về mặt bắc rồi ; năm 1776, Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Lữ vào đánh chúa Nguyễn ở Gia-định. Chúa Nguyễn phải về Trấn-biên (Biên-hoà). Bấy giờ có Đỗ thanh-Nhân mộ binh lập Đạo Đông-sơn chống lại quân Tây-sơn. Nguyễn Lữ đánh không lại quân Đông-sơn, lấy thóc gạo rồi rút về Qui-nhân, trong khi Nguyễn Nhạc, tự cho sức mình đã mạnh, tổ chức triều-đình, xưng **TÂY-SƠN VƯƠNG**, đúc ấn vàng (tháng 2 năm Bính-thân : 1776). Dem Đông-cung Dương ra ở chùa Thập-tháp. Đông-cung Dương liền trốn xuống thuyền vào Gia-định với Định-vương.

Năm 1777, Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ kéo đại binh vào đánh Gia-định một lần nữa. Chúa Nguyễn chạy về bến Trà (thuộc Định-tường) rồi lại chạy về Ba-việt (thuộc Vĩnh-long) ; Đông-cung Dương thì chạy về Long-xuyên ; nhưng cả hai đều bị Tây-sơn bắt được và giết đi.

Lấy xong Gia-định, Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ giở ra Qui-nhân, để tổng-đốc Chu ở lại trấn thủ. Qua năm sau, 1778, Nguyễn Nhạc lên ngôi Hoàng-đế, đặt niên-hiệu là Thái-Đức, gọi thành Đồ-bàn là Hoàng-đế-thành, phong cho Nguyễn Lữ làm tiết-chế, Nguyễn Huệ làm Long-nhương tướng quân.

BÀI 28 : NGUYỄN ÁNH ĐÁNH TÂY-SƠN

Khi Định-vương và Đông-cung bị hại ở Long-xuyên (năm 1777), con Chương-võ là Nguyễn Ánh thoát nạn, nhờ có vị giám-mục đạo Gia-tô tên là Bá-đa-Lộc (Pigneau Béhaine, Evêque d'Adran) đem trốn vào rừng và có ông cố ta tên là Paul Nghị tiếp tế lương thực. Lúc anh em Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ giở ra Qui-nhân thì giám-mục Bá-đa-lộc giúp phương tiện cho Nguyễn Ánh lánh ra đảo Thổ-châu (Panjang). Rồi Nguyễn Ánh giở vào Long-xuyên tụ tập tơi tở cũ, cùng chương-dinh Đỗ thanh-Nhân, cai đội Lê văn-Cầu và các tướng Tống phúc-Khuông, Tống phúc-Lương, Nguyễn văn-Hoàng lên đánh tổng-đốc Chu lấy lại thành Gia-định, vào tháng 11 năm 1777. Các tướng tôn Nguyễn Ánh lên làm Đại nguyên-súy quyền coi việc nước.

Được ít lâu, vua Tây-sơn lại sai tổng-đốc Chu tư-Khấu Uy và quan hộ-giá Phạm Ngạn đem quân vào đánh Trấn-biên và Phiên-trấn cùng các xứ ở mặt bể. Đỗ thanh-Nhân đem quân đánh lại, chém được Tư-khấu Uy, đuổi quân Tây-sơn giở ra. Nguyễn Ánh lại sai Lê văn-Quân ra đánh lấy lại thành Bình-thuận và thành Diêm-khánh. Đồng thời sai Đỗ thanh-Nhân, Hồ văn-Lân đem binh đánh Chân-lạp, lập con Nặc-tôn là Nặc-In lên làm vua, để Hồ văn-Lân ở lại bảo hộ Chân-lạp.

Năm 1780, Nguyễn Ánh xưng Vương, dùng ấn khắc chữ « *Đại Việt quốc Nguyễn Chúa Vĩnh Trấn chi bảo* ». Nguyễn-Vương tổ chức lại Gia-định, chia thành 3 Dinh : Trấn-biên (Biên-hòa), Phiên-trấn (Gia-định, Định-tường) và Long-hồ (Vĩnh-long, An-giang) ; đóng chiến thuyền, đắp lũy và đặt đồn điền, mưu kế lâu dài. Nguyễn Vương (Nguyễn Ánh) thăng thưởng cho các tướng sĩ. Đỗ thanh-Nhân, người có công nhất, được phong « Phụ chính, thượng-tướng công ». Nhưng chả được bao lâu, Đỗ thanh-Nhân cậy công lộng quyền, bị Nguyễn Ánh xử-tử.

Vì Đỗ thanh-Nhân bị giết, quân Đông-sơn bất bình làm phản. Nhân sự nội biến này, năm 1782, Nguyễn Nhạc sai Nguyễn Huệ đem 100 chiếc thuyền vào đánh Gia-định. Nguyễn-vương thua to ở Thất-kỳ-giang, phải chạy ra đảo Phú-quốc.

Thăng Nguyễn-vương rồi, Nguyễn Huệ lại giở ra Qui-nhân, để bọn hàng tướng là Đỗ nhân-Trấp ở lại giữ thành Sài-côn (Sài-gòn).

Sau nhờ có tướng Chu văn-Tiếp mà chả bao lâu Gia-định lại giở về tay Nguyễn-vương.

Chu văn-Tiếp là người Qui-nhân, nhân lúc thời thế loạn ly, tụ họp bè đảng, giữ núi Trà-lang (thuộc Phú-yên). Khi chúa Nguyễn (Định-vương) bỏ Phú-xuân chạy vào Gia-định, Chu văn-Tiếp đem binh ra giúp. Chẳng may chúa Nguyễn bị hại, Nguyễn-vương (Nguyễn Ánh lên nối nghiệp, Chu văn-Tiếp theo giúp Nguyễn-vương được phong chức Chưởng-cơ. Thua Tây-sơn bấy lâu, Chu văn-Tiếp lại về giữ Trà-lang. Nay được tin Gia-định lại thất thủ mà Nguyễn Huệ đã giở ra Qui-nhân, Chu văn-Tiếp đem binh họp cùng quân các Đạo, đánh đuổi bọn Đỗ nhân-Trấp, lấy lại thành Sài-côn.

Thu hồi Sài-côn rồi, Chu văn-Tiếp cho người ra Phú-quốc đón Nguyễn-vương về.

Nhưng qua năm 1783, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ kéo quân vào đánh Gia-định nữa. Quân Nguyễn tan vỡ, Nguyễn-vương lại phải chạy ra đảo Phú-quốc. Bị Tây-sơn lùng bắt, Nguyễn-vương vất vả vô cùng trong quãng thời gian này, thời gian đưa Nguyễn-vương đến chỗ cầu cứu với ngoại quốc.

BÀI 29 : NGUYỄN VƯƠNG CẦU CỨU VỚI PHÁP

Vào tháng 3 năm 1783, quân Tây-sơn vào đánh Gia-định. Quân Nguyễn kháng cự không nổi mà tan rã, Nguyễn-vương phải chạy ra đảo Phú-quốc. Bị Tây-sơn lùng bắt, Nguyễn-vương chạy hết đảo nọ sang đảo kia, trốn tránh ; từ đảo Phú-quốc, Nguyễn-vương trốn sang đảo Koh-Rong (đảo Cổ-lộng)⁴³. Rồi từ Koh-rong sang Koh-Kut (đảo Cổ-cốt). Ở Koh-Kut, Nguyễn-vương giở lại Phú-quốc, tạt qua Panjang (đảo Thổ-châu). Trong khi trốn tránh quân Tây-sơn như thế, vào tháng hai năm 1784, Nguyễn-vương lại được gặp giám-mục Bá-đa-lộc (Pigneau de Béhaine, Evêque d'Adran) ở một đảo trong vịnh Kempeng-Sem thuộc Tiêm-la. Vào cuối năm ấy, Nguyễn-vương lại gặp giám-mục Bá-đa-lộc một lần nữa ở đảo Thổ-châu.

Giám-mục Bá-đa-lộc, được sung vào giáo-đoàn đàng trong (Misson de la Cochinchine) năm 1765 (xem tiểu-sử ở bài 22) sang làm giám-đốc trường

Thày dòng Hòn-đất gần Hà-tiên, đất của người khách Mạc-cửu khai khẩn ra đem phụ thuộc vào đất Gia-định của chúa Nguyễn. Khi Mạc cửu chết, sự cai quản vùng Hà-tiên giao lại cho con là Mạc thiên-Tứ được chúa Nguyễn phong cho chức Đô-đốc trấn Hà-tiên. Giám-mục Bá-đa-lộc giao thiệp thân mật với họ Mạc là tay chân của chúa Nguyễn, cho nên đã quen Nguyễn-vương mà giúp Nguyễn-vương trong khi chạy Tây-sơn.

Lần này gặp giám-mục Bá-đa-lộc, Nguyễn-vương được giám-mục bàn nên sang cầu cứu nước Pháp, nhưng phải cho hoàng-tử đi làm tin mới được.

Nghe lời giám-mục Bá-đa-lộc, Nguyễn-vương giao Hoàng-tử Cảnh và một tờ quốc-thư cho giám-mục Bá-đa-lộc sang xin viện binh với nước Pháp ; tờ quốc-thư có 14 khoản cả thảy, đại khái nói : « Nguyễn-vương giao toàn quyền cho giám-mục Bá-đa-lộc sang nhờ nước Pháp giúp cho Nguyễn-vương 1.500 quân, vũ trang đầy đủ (khoản 6) ; Nguyễn-vương xin nhường cho nước Pháp cửa Hội-an (Faifo) (khoản 8) và quần đảo Côn-lôn (khoản 10) ; cửa bể Đà-nẵng sẽ là đất chung cho cả Đại-việt lẫn Pháp, người Pháp được tự do xây dựng trên cửa bể ấy, mỗi khi cần (khoản 4). Ngoài những dân-tộc khác của phương tây, người Pháp riêng được đặc quyền buôn bán trên đất nước của Nguyễn-vương (khoản 11) ; nếu nước Pháp có chiến tranh với một nước nào, bất luận ở Âu-châu hay Viễn-đông, Nguyễn-vương chịu giúp nước Pháp quân đội, tàu bè và lương thực (khoản 8) ». Nguyễn-vương còn cẩn thận nói trong khoản 4 và 5 của quốc-thư : « để nước Pháp tin lòng thành-thực của Nguyễn-vương trong sự « cầu viện », Nguyễn-vương phải cho người « con một » và là « Đông-cung » tức hoàng-tử Cảnh đi theo giám-mục Bá-đa-lộc với cả quốc-ấn nữa. Hoàng-tử Cảnh đi, sẽ có hai quan Cai-cơ là Nguyễn văn-Liêm, và quan phó-vệ-úy Phạm văn-Nhân theo hộ vệ ».

Mọi việc sắp đặt xong rồi, nhưng trái mùa gió, cho nên giám-mục Bá-đa-lộc và hoàng-tử Cảnh chưa khởi hành sang Pháp. Trong lúc này Nguyễn-vương lại nảy tư muốn nhờ nước Tiêm-la.

BÀI 30 : NGUYỄN HUỆ PHÁ QUÂN TIÊM LA

Khi Nguyễn Lữ và Nguyễn Huệ vào đánh lấy Gia-định năm 1783, mà Nguyễn-vương thua, phải lưu lạc trên các đảo trong vịnh Tiêm-la, thì tướng Chu văn-Tiếp chạy thẳng sang cầu cứu với vua Tiêm-la.

Tháng 2 năm sau (1784), vua Tiêm-la sai tướng Chắt-xi-đa đem thủy quân sang Hà-tiên tìm Nguyễn-vương, và mời về bàn việc ở Vọng-các (Bangkok).

Vua Tiêm-la tiếp đãi Nguyễn-vương rất hậu, và sai hai tướng là Chiêu-tăng, Chiêu-sương đem 2 vạn quân cùng 300 chiếc thuyền theo giúp Nguyễn-vương đánh Tây-sơn.

Quân Tiêm-la sang đánh mấy trận đầu, lấy được Rạch-giá, Ba-thác, Trà-ôn, Mân-thít, Sa-đéc. Chu văn-Tiếp bị thương nặng mà mất trong trận Mân-thít. Từ đấy, quân Tiêm-la ý thế, đi đến đâu quấy nhiễu đến đấy, gây oán hận ngoài dân chúng.

Tướng của Tây-sơn giữ Gia-định hồi này là Trương văn-Đa, thấy quân Tiêm-la sang đánh phá, khí thế hăng hái, bèn sai người về Qui-nhân phi báo. Vua Tây-sơn lập tức cử Nguyễn-Huệ cất binh vào chống giữ.

Vào đến đất Gia-định, Nguyễn Huệ nhử quân Tiêm-la đến gần Rạch-gầm và Xoài-mút ở phía trên Mỹ-tho, rồi cho quân mai phục đổ ra đánh phá quyết liệt, giết địch rất nhiều, chỉ còn sống sót vài nghìn, chạy theo rừng núi trốn về Tiêm-la.

Phá xong quân Tiêm-la, Nguyễn Huệ đem quân đuổi đánh Nguyễn-vương. Nguyễn-vương kiệt lực chống Tây-sơn, cùng mấy người chạy về Trấn-giang, ra đảo Thổ-châu, qua đảo Cỗ-cốt, rồi sang Tiêm-la.

Bình Gia-định rồi, Nguyễn Huệ để đô đốc Đặng văn-Châu ở lại giữ, đem quân về Qui-nhân.

Lúc này, Nguyễn-vương, nhận thấy người Tiêm-la không thể giúp Ngài được để cứu vãn lại cơ-đồ, bèn giục giám-mục Bá-đa-lộc đem hoàng-tử Cảnh sang Pháp cầu viện như đã định. Trong lúc đợi thời, Nguyễn-vương cùng Vương-mẫu, cung quyến, lưu trú tại Tiêm-la.

TÓM TẮT

Năm 1418, Lê Lợi (Bình-định-vương) khởi nghĩa ở Lam-sơn. Sau 10 năm chiến đấu gian-lao mà anh-dũng, Lê Lợi phá tan cuộc đô-hộ tàn khốc của nhà Minh, xây nền tự chủ cho giang-sơn.

Lên ngôi năm 1428, Lê Lợi dựng nghiệp Đế cho nhà Lê. Nhưng từ năm 1505, những vị vua kế nghiệp về sau, đã không làm được việc gì, lại quá bạo tàn, say mê tửu sắc, cho nên ngôi vua mất về nhà Mạc (1527).

Tuy nhiên, nhờ Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm tôn phù, dòng Lê chẳng bao lâu lại trung hưng lên được.

Nhà Lê chiếm lại Nghệ-an năm 1540, lấy lại Thanh-hoá năm 1542, đoạt lại Tây-đô năm 1543, lập ra Nam triều riêng biệt ; nhà Mạc chỉ còn đất từ Sơn-nam giở ra, gọi là Bắc triều.

Nam triều và Bắc triều, sau khi xây dựng cơ đồ đã vững chãi, chiến tranh liên tiếp. Mãi tận năm 1592, nhà Lê mới thu hồi được Thăng-long, nhà Mạc chịu mất ngôi, để rồi, nhờ thế Minh, con cháu còn được giữ Cao-bằng đến năm 1667.

Sau khi Nguyễn Kim mất (1545) binh quyền của nhà Lê về tay con rể là Trịnh-Kiểm. Kế Trịnh Kiểm là Trịnh Tùng.

Đánh bại được họ Mạc, thu toàn đất cả Bắc Nam, dòng Trịnh trở nên hống-hách kiêu-căng. Dòng Nguyễn lánh vào Nam ngầm gây thế lực rồi chống lại. Chẳng bao lâu, Trịnh xưng Chúa ở Bắc, Nguyễn xưng Chúa ở Nam, một lần nữa, mở ra thời đại nam bắc phân tranh.

Sự chiến tranh Nguyễn Trịnh kéo dài từ 1627 đến 1672, không phân thua được. Kết cuộc đôi bên đều thủ thế đợi thời. Trong lúc ấy, Chúa Nguyễn tiến vào Nam, Chiêm-thành, Thủy chân-lạp, cho biên cương thêm mở rộng.

Triệu phú cường như vừa hứa hẹn với giang-sơn của Chúa Nguyễn, thì trong triều, Quốc-phó Trương phúc-Loan chuyên quyền, làm điều trái phép

gây oán thù ngoài dân chúng, để Tây-sơn vin có dấy quân mà đánh phá.

Chẳng mấy chốc, Chúa Nguyễn mất Qui-nhân, mất Quảng-Ngãi, mất Bình-thuận (1773).

Nhân đất Nguyễn bị Tây-sơn quấy rối, Chúa Trịnh sai quân đánh ép từ Bắc vào Nam, đoạt Phú-xuân năm 1774.

Chạy Trịnh vào Quảng-Nam, lại gặp phải Tây-sơn. Chúa Nguyễn vào Gia-định. Năm 1776, rồi 1777, hai lần Gia-định bị Tây-sơn vào phá, và Chúa Nguyễn (Định-vương) cùng Tông-Dương ở Long-xuyên, bị hại. Riêng con Chương-Võ là Nguyễn Ánh trốn thoát, lại mưu đường quật khởi.

Đã bao phen, mất đi lấy lại, rồi lại mất Gia-định cho Tây-sơn, Nguyễn-vương (Nguyễn Ánh) định xin viện binh cùng nước Pháp, có giám-mục Bá-đà-lộc đứng trung gian, can thiệp hộ.

Bá-đà-lộc chưa kịp khởi hành qua Pháp, thì Nguyễn-vương đã nhận được Tiêm-la gửi quân sang giúp (1784). Song quân Tiêm-la bị Tây-sơn đại phá ở Mỹ-tho.

Nhận thấy sức Tiêm-la không đủ giúp chống Tây-sơn, Nguyễn-vương giục Bá-đà-lộc cầu cứu với Tây-phương.

Trong lúc đợi thời, Nguyễn-vương tạm trú ở Tiêm-la.

**COI TIẾP QUYỂN III :
TỪ TÂY-SƠN KHỞI NGHĨA ĐẾN TRIỀU TỰ-ĐỨC**

BẢNG THỐNG KÊ CÁC THỜI ĐẠI TỪ HÙNG VƯƠNG ĐẾN NGUYỄN SUY VONG

THỜI SƠ KHAI

*** NĂM : Cuối thế kỷ thứ IX trước Thiên Chúa giáng sinh (tr. Th. Ch. G.S.) :** giống Việt bị người Sở chinh phục dựng lên đất Dương-việt ở Thiệu-hưng (Bắc Triết giang). Sau Dương Việt đứng độc-lập, gọi là « Sích quý » Giống Việt bị người Sở phá bỏ nước Xích-quỷ di cư xuống hạ-lưu sông Hồng Hà (địa hạt Bắc phần bây giờ)

*** NĂM : Từ năm 333 tr. Th. Ch. G.S. đến năm 256 tr. Th. Ch. G.S.**

- THỜI ĐẠI : 18 đời vua Hùng-Vương
- QUỐC HIỆU : Văn-Lang
- KINH ĐÔ : Phong-Châu
- CHÚ THÍCH : Thuộc Bạch-Hạc tỉnh Vĩnh-Yên

*** NĂM : 256-207 tr. Th. Ch. G.S.**

- THỜI ĐẠI : Thuộc Nhà Thục (An-Dương-Vương), thần phục Nhà Tần
- QUỐC HIỆU : Âu-Lạc
- KINH ĐÔ : Phong-Khê
- CHÚ THÍCH : Thuộc huyện Đông-Anh Phúc-Yên Xây thành Cổ-Loa

*** NĂM : 207-111 tr. Th. Ch. G.S.**

- THỜI ĐẠI : Thuộc Nhà Triệu (Triệu-Đà tức Vũ Vương-Làm Vua 4 đời, 97 năm)
- QUỐC HIỆU : Nam Việt
- KINH ĐÔ : Phiên-Ngưng
- CHÚ THÍCH : Gần thành Quảng-Châu bên Tàu

BẮC THUỘC LẦN THỨ 1

*** NĂM : Từ 111 trước Th. Ch. G.S. đến 40 sau Th. Ch. G.S.**

- THỜI ĐẠI : Thuộc nhà Hán

- QUỐC HIỆU : Vũ-Đế
- KINH ĐÔ : Giao-Chỉ
- CHÚ THÍCH : Chia Giao-chỉ làm 9 Quận. đặt 9 quan thái-thú cai trị.

THỜI KỲ TỰ CHỦ 1

*** NĂM : 40-43**

- THỜI ĐẠI : Trưng Trắc và Trưng Nhị
- QUỐC HIỆU : (không có)
- KINH ĐÔ : Mê-Linh (thuộc Yên lãng Phúc yên)
- CHÚ THÍCH : Hai Bà đánh quân Hán, lên ngôi vua « Trưng-Vương ».

BẮC THUỘC LẦN THỨ 2

*** NĂM : 43-220** Thuộc Đông-Hán Đời Tam Quốc : Bắc Ngụy, Tây Thục, Đông Ngô.

*** NĂM : 220-263**

- THỜI ĐẠI : Thuộc Đông Ngô
- QUỐC HIỆU : Giao Châu
- KINH ĐÔ : Long Biên (Hà Nội)
- CHÚ THÍCH : Triệu Âu chống quân Ngô ở quận Cửu-Châu năm 248.

*** NĂM : 264**

- THỜI ĐẠI : Thuộc Ngụy

*** NĂM : 265-280**

- THỜI ĐẠI : Thuộc Ngô

*** NĂM : 420-544**

- THỜI ĐẠI : Thuộc Nam Triều (Tống, Tề, Lương, Trần)

THỜI KỲ TỰ CHỦ 2

*** NĂM : 544-548**

- THỜI ĐẠI : Nhà Tiền-Lý (Lý-Bôn dấy nghiệp)

- QUỐC HIỆU : Vạn Xuân
- CHÚ THÍCH : Lý-Bôn đánh đuổi Thứ-Sử Tiêu-Tư của Nhà Lương.

*** NĂM : 549-571**

- THỜI ĐẠI : Triệu Quang-Phục lên nối nghiệp Tiền Lý Nam-Đế
- CHÚ THÍCH : Thằng giặc Lương xâm lăng.

*** NĂM : 571-602**

- THỜI ĐẠI : Nhà hậu Lý (Lý Phật-Tử)
- QUỐC HIỆU : Nam Việt
- KINH ĐÔ : Phong Châu
- CHÚ THÍCH : Giết Triệu Quang-Phục để rồi hàng Tùy.

BẮC THUỘC LẦN THỨ 3

*** NĂM : 602-618**

- THỜI ĐẠI : Thuộc Nhà Tùy
- QUỐC HIỆU : Giao Châu

*** NĂM : 621-906**

- THỜI ĐẠI : Thuộc Nhà Đường
- QUỐC HIỆU : Giao Châu

*** NĂM : 907-931**

- THỜI ĐẠI : Thuộc đời Ngũ-Quỷ (Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán, Hậu Chu).
- CHÚ THÍCH : Họ Khúc khởi nghĩa : Khúc-thừa-Dụ 906-907 : Khúc Hạo 907-917 ; Khúc-thừa-Mỹ 917-923. ⁴⁴

THỜI KỲ TỰ CHỦ 3

*** NĂM : 931-937**

- THỜI ĐẠI : Dương Diên-Nghệ
- CHÚ THÍCH : Đuổi quân Hán

*** NĂM : 937**

- THỜI ĐẠI : Kiều Công-Tiện
- CHÚ THÍCH : Giết Dương Diên-Nghệ cướp quyền. Ngô-Quyền dấy quân giết Kiều Công Tiện, phá quân Hán do Kiều Công-Tiện giắt về.

*** NĂM : 939-944**

- THỜI ĐẠI : Nhà Ngô (Ngô-Quyền)
- KINH ĐÔ : Cổ-Loa (Đông-Anh Phúc yên)

*** NĂM : 945-965**

- THỜI ĐẠI : Hậu Ngô Vương (Ngô Xương-Văn Ngô xương-Ngập)
- CHÚ THÍCH : Loạn thổ-hào nổi các nơi từ 945.

*** NĂM : 965-967** đời 12 Sứ-Quân

*** NĂM : 968-979**

- THỜI ĐẠI : Đinh Bộ-Lĩnh Đinh Tiên Hoàng Đế, làm vua 2 đời 14 năm)
- QUỐC HIỆU : Đại-Cồ-Việt
- KINH ĐÔ : Hoa-Lư
- CHÚ THÍCH : Giệp 12 sứ-quân, thống nhất Sơn-Hà.

*** NĂM : 980-1009**

- THỜI ĐẠI : Nhà Tiền Lê (Đại Hành) thay Đinh Tuệ lên ngôi mới có sáu tuổi.
- CHÚ THÍCH : Phá quân Tống qua xâm lăng.

*** NĂM : 1009-1225**

- THỜI ĐẠI : Nhà Lý (Lý Công Uẩn, lên ngôi thay Lê Long-Đĩnh : Ngoại Triều, ưa giết người. (Nhà Lý làm vua 9 đời, 216 năm)
- QUỐC HIỆU : Năm 1164 Nhà Tống đổi Giao chỉ quận làm Annam quốc và phong cho Lý anh Tông là An-nam quốc vương.
- KINH ĐÔ : Thăng Long (tức Hà-Nội bây giờ)
- CHÚ THÍCH : Năm 1069 lấy đất Địa-lý, Ma-linh, Bồ-Chính của Chiêm-Thành ; năm 1076 Lý Thường-Kiệt phạt Tống bình Chiêm.

*** NĂM : 1225-1400**

- THỜI ĐẠI : Nhà Trần (Trần Cảnh do thủ-đoạn của Trần Thủ-Độ lấy ngôi nhà Lý tức Thái-Tông). Nhà Trần làm Vua 12 đời, 175 năm.

- CHÚ THÍCH : Năm 1257, Trần Thái-tông giẹp quân Tàu qua phá Thăng Long. Năm 1282, Trần Nhân-Tông đuổi quân Tàu ra ngoài Nam-quan cùng bọn phản quốc Trần Di-Ái Năm 1283 và 1287 Trần Hưng Đạo-Đại-vương đại phá quân Nguyên.

*** NĂM: 1400-1407**

- THỜI ĐẠI : Nhà Hồ, Hồ Quý-Ly đoạt ngôi của Trần Thiếu-Đế mới 3 tuổi.

- QUỐC HIỆU : Đại-Ngu

- KINH ĐÔ : Đồi Thăng Long gọi là Đông đô

- CHÚ THÍCH : Xây thành Tây-Đô (Thanh-Hóa) từ 1396, khi làm Phụ Chính nhà Trần.

BẮC THUỘC LẦN THỨ 4

*** NĂM : 1407-1413**

- THỜI ĐẠI : Thuộc Nhà Minh (do Trần Thiểm Bình cầu cứu diệt Hồ)

- CHÚ THÍCH : Trong thời gian này có Giản-Định-đế và Trần Quý Khoách kháng Minh, tức Hậu Trần. Nhưng thất bại.

THỜI KỲ TỰ CHỦ 4

*** NĂM : 1414-1427**

- THỜI ĐẠI : Lê Lợi khởi nghĩa.

*** NĂM : 1428-1527**

- THỜI ĐẠI : Nhà Hậu Lê (do Lê Lợi sáng nghiệp Làm vua 10 đời, 100 năm)

- QUỐC HIỆU : Đại-Việt

- KINH ĐÔ : Đông kinh (Trước là Đông-dô, Hà-Nội bây giờ)

*** NĂM : 1527-1592**

- THỜI ĐẠI : Nhà Mạc (Mạc-đăng-Dung tiếm ngôi Lê)

*** NĂM : 1592-1599**

- THỜI ĐẠI : Nhà Lê trung hưng (do Nguyễn Kim và Trịnh Kiểm khởi nghĩa) Họ Trịnh chuyên quyền, xưng Chúa ở Bắc, để rồi mất nghiệp vì quân Tây-Sơn năm 1786.

*** NĂM : 1599-1777**

- THỜI ĐẠI : Họ Nguyễn được Trịnh cho vào Nam năm 1558, lập nghiệp Chúa từ năm 1600, mở rộng thêm bờ cõi vào Nam, và suy vong vì Tây-sơn năm 1777.

PHỤ TRƯỞNG

(Để góp thêm tài liệu vào đoạn sử thuộc đời Lê)

I. BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO (MỘT ÁNG VĂN KIỆT-TÁC CỦA NGUYỄN TRÃI)

Bài « Bình Ngô Đại Cáo » là một bài do Lê Thái-tổ, sau khi đã đánh đuổi người Minh, lên ngôi vua, truyền Nguyễn Trãi soạn ra để bá cáo công mười năm bình định cho thiên-hạ biết. Nguyên văn bài này bằng chữ Hán, ông Bùi Kỳ đã dịch ra như sau (trích trong Quốc-văn cụ-thể) :

Tượng mạng : Việc nhân-nghĩa cốt ở yên-dân ; quân điều-phạt chỉ vì khử bạo. Như nước Việt ta từ trước ; vốn xưng văn-hiến đã lâu. Sơn-hà cương-vực đã chia ; phong-tục bắc nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nền độc-lập ; cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng cứ một phương. Dẫu cường nhược có lúc khác nhau ; song hào-kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên : Lưu Cung sợ uy mất vía ; Triệu Oa nghe tiếng giật mình. Cửa Hàm-tử giết tươi Toa-Đô ; sông Bạch-đăng bắt sống Ô Mã. Xét xem cổ tích ; đã có minh-trưng.⁴⁵

Vừa rồi : vì họ Hồ chính-sự phiến-hà, để trong nước nhân dân oán hận. Quân cường Minh đã thừa cơ tứ-ngược⁴⁶ ; bọn gian-tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung-tàn ; vùi con đỏ xuống dưới hầm tai-vạ. Chước dối đủ muôn nghìn khoé ; ác chứa ngót hai mươi năm. Bại nhân nghĩa, nát cả càn khôn ; nặng khoa-liếm⁴⁷ vết không sơn trạch. Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu ; nào hố bẫy hươu đen, nào lưới dò chim chẻ. Tàn hại cả côn trùng thảo mộc ; neho-nhóc thay ! quan quả điên liên⁴⁸. Kẻ há miệng đưa nhe răng, máu mỡ bấy ; no-nê chưa chán ; nay xây nhà mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa. Nặng-nề về những nỗi phu-phen ; bắt bỏ mất cả nghề canh-cửi. Độc ác thay ! trúc rừng không ghi hết tội ; dơ bẩn thay ! nước bể khôn rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho ; ai bảo thần nhân nhịn được.

Ta đây : Núi Lam-sơn dấy nghĩa ; chốn hoang-dã nương mình. Ngắm non sông cam nổi thế-thù, thề sống chết cùng quân nghịch tặc. Đau lòng rức óc, chốc là mười mấy nắng mưa ; nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược thao suy-xét đã tinh ; ngẫm trước đến nay, lẽ hưng phế dẫn-đo càng kỹ. Những trăn-trọc trong cơn mộng-mị ; chỉ băn-khoăn một nỗi đồ-hồi. Vừa khi cờ nghĩa dấy lên ; chính lúc quân thù đang thịnh. Lại ngặt vì : Tuấn Kiệt như sao buổi sớm ; nhân tài như lá mùa thu. Việc bôn-tẩu thiếu kẻ đỡ đần ; nơi duy-ác hiểm người bàn-bạc. Đòi phen vùng-vẫy, vẫn đăm-đăm con mắt dục đông ⁴⁹ ; mấy thừa đợi chờ, luống đấng-đấng cỗ xe hư tả ⁵⁰. Thế mà trông người người càng vắng ngắt, vẫn mịt-mù như kẻ vọng dương ⁵¹. Thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vội vã như khi chững nịch ⁵². Phần thì giận hung đồ ngang dọc ; phần thì lo quốc-bộ khó khăn. Khi Linh-sơn lương hết mấy tuần ; khi Khôi-huyện quân không một đội. Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiến thiên ma ; cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử. Múa đầu gậy ngọn cờ pháp-phối, ngóng vân-nghê bốn cõi đan hồ ; mở tiệc quân chén rượu ngọt ngào, khắp tướng sĩ một lòng phụ tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi ; quân giặc nhiều, ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay : Đem đại-nghĩa để thẳng hung tàn ; lấy chí-nhân mà thay cường-bạo. Trận Bồ-đăng sấm vang sét dậy ; miền Trà-lân trúc phá tro bay. Sĩ khí đã hăng ; quân thanh càng mạnh. Trần Trí, Sơn Thọ mất vía chạy tan ; Phương Chính, Lý An tìm đường trốn tránh. Đánh Tây-kinh phá tan thế giặc ; lấy Đông-đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh-kiều máu chảy thành sông ; bên Tuy-động xác đầy ngoài nội. Trần Hiệp đã thiệt mạng ; Lý Lương lại phơi thây. Vương Thông hết cấp lo lường ; Mã Anh không đường cứu đỡ. Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao ; ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất. Tưởng nó đã thay lòng đổi dạ, biết lẽ tới lui ; ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội nghiệt. Cậy mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người ; tham công một thời, chẳng bỏ bày-trò dơ nhuốc. Đến nỗi đưa trẻ-con như Tuyên Đức ⁵³, nhàm võ không thôi ; lại sai đồ dút dát Thạnh, Thăng, đem đầu chữa cháy. Năm Đinh-mùi tháng chín,

Liễu Thăng từ Khâu-ôn tiến sang ; lại năm nay tháng mười, Mộc Thạnh từ Vân-nam kéo đến. Ta đã điều binh thủ-hiểm, để ngăn lối Bắc-quân ; ta lại sai tướng chẹn ngang, để tuyệt đường lương đạo. Mười tám, Liễu Thăng thua ở Chi-lãng, hai mươi chết ở Mã-yên. Hai mươi năm, Lương Minh trận vong : hai mươi tám, Lý Khánh tự vận. Lưỡi dao ta đương sắc, ngọn giáo giặc phải lụi. Lại thêm quân bốn mặt vây thành ; hẹn đến rằm tháng mười diệt tặc. Sĩ tốt ra oai tì-hổ ; thần-thứ đủ mặt trào-nha. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn ; voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kình ngạc ; đánh hai trận tan-tác chim muông. Cơn gió to trút sạch lá khô ; tổ kiến hồng sụt toang đê cũ. Thôi Tụ phải quỳ mà xin lỗi ; Hoàng Phúc tự trói để ra hàng. Lạng-giang, Lạng-sơn, thầy chết đầy đồng ; Xương-giang Bình-than, máu trôi đỏ nước. Ghê gớm thay ! Sắc phong-vân phải đổi ; thảm-đạm thay ! sáng nhật nguyệt phải mờ. Binh Vân-nam nghẽn ở Lê-hoa, sợ mà mất mật ; quân Mộc-Thạnh tan chưng cần-trạm, chạy để thoát thân. Suối máu Lãn-câu, nước sông rền-rĩ ; thành xương Đan-xá, cỏ nội đầm-đìa. Hai mặt cứu binh, cam đầu trốn chạy ; các thành cùng khấu, cởi giáp xuống đầu. Bắt tướng giặc mang về, nó đã vẫy đuôi phục tội ; thể lòng trời bất sát, ta cũng mở đường hiếu sinh. Mã Kỳ, Phương Chính, cấp cho dăm trăm chiếc thuyền, ra đến bể chưa thôi trống ngực ; Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đổ mồ-hôi. Nó đã sợ chết cầu hoà, mở lòng thú-phục, ta muốn toàn quân là cốt, cả nước nghỉ ngơi. Thế mới là mưu kế thật khôn ; và lại suốt xưa nay chưa có. Giang-san từ đây mở mặt ; Xã-tắc từ đây vững bền. Nhật Nguyệt hối mà lại minh ; kiên khôn bỉ mà lại thái. Nếu vạn thế xây nên chẵn-chẵn ; then nghìn thu rửa sạch lâu lâu. Thế là nhờ rời đất tổ-tông khôn-thiên giúp đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi ! Vẫy-vùng một mảnh hung-y, nên công đại-định ; phẳng-lặng bốn bề thái-vũ, mở hội vĩnh-thanh. Bá cáo xa gần ; ngỏ cùng nghe biết.

II. 24 ĐIỀU RĂN DÂN CỦA LÊ THÁNH-TÔNG

Như bài trên đã nói, Lê Thánh-tông đặt ra 24 Điều sức cho dân xã thường thường giảng đọc để giữ lấy thói tốt. 24 điều như sau :

1. Cha mẹ dạy con phải có phép-tắc, trai gái đều có nghề-nghiệp, không được rượu-chè cờ-bạc, tập nghề hát-xướng để hại phong-tục.

2. Người gia-trưởng tự mình phải giữ lễ-phép để cho cả nhà bắt-chước ; nếu con em làm càn, thì bắt tội người gia-trưởng.

3. Vợ chồng cần-kiệm làm ăn, ân-nghĩa trọn- vẹn, duy chỉ có khi nào người vợ phạm tội thất-xuất⁵⁴ thì mới được bỏ, chứ không được khiên ái, cầu dung, làm hại đến phong hoá.

4. Làm kẻ tử-đệ nên yêu-mến anh em, hoà-thuận với hương-đảng, phải lấy lễ-nghĩa mà cư-xử ; nếu trái phép thì người tôn trưởng đánh-đập dạy-dỗ, có tội to thì phải đem nộp quan để trừng-trị.

5. Ở chốn hương-đảng tông-tộc, có việc hoạn-nạn thì phải giúp-đỡ lẫn nhau ; nếu ai có tiếng là người hạnh-nghĩa tốt, các quan phủ huyện sở tại phải bẩm lên toà Thừa. toà Hiến, để tâu vua mà tinh biểu cho.

6. Đàn-bà có tội mà cha mẹ và chồng đã trừng-trị thì nên phải sửa mình đổi lỗi, không được tự tiện trốn đi, làm hư mất nết đàn-bà.

7. Đàn-bà goá không được chứa những trai trẻ ở trong nhà, nói dối là con nuôi để âm hành những việc gian-dâm.

8. Đàn-bà goá, đối với các con vợ cả, hoặc vợ lẽ, nàng hầu, nên có lòng thương-xót, không được mưu-mô để chiếm-đoạt gia-tài làm của riêng mình.

9. Đàn-bà goá, chưa có con cái, phải ở nhà chồng để giữ tang lễ, không được chuyển-vận của-cải mang về nhà mình.

10. Làm đàn-bà phải theo chồng, không được cậy cha mẹ mình phú-quí mà khinh nhà chồng, nếu không như thế thì bắt tội đến cha mẹ.

11. Sĩ-phu nên quý phẩm-hạnh và giữ phép quan, nếu xu-nịnh những kẻ quyền-quý để cậy thế làm càn thì phải cách bỏ đi không kể đến nữa.

12. Điển-lại chỉ việc giữ sổ-sách giấy-má để làm việc quan, nếu làm những sự điên-đảo án-tử, thì quan trên sẽ xét ra mà trừng-trị.

13. Quan dân đều phải hiếu-đễ, và chăm-chỉ làm ruộng, cùng giúp đỡ lẫn nhau ; đi làm việc quan, không được trễ-biếng, trốn-tránh. Nếu ai có tiếng là lương thiện, các quan phủ huyện phải trình toà Thừa, toà Hiến để tâu vua mà tinh biểu cho.

14. Thương-mại phải tùy thời giá mà buôn bán với nhau, không được thay đổi thương đấu, và tụ tập đồ đảng để trộm cướp ; nếu phạm điều ấy thì trị tội rất nặng.

15. Việc hôn-giá tế-tự phải giữ lễ-phép, không được làm càn.

16. Chỗ dân-gian có mở trường du-hí hoặc cúng tế, thì con trai con gái đến xem, không được đứng lẫn lộn, để khỏi thói dâm.

17. Các hàng quán bên đường, có phụ-nữ đi xa đến trọ, phải phòng giữ. Nếu để hà-hiếp ô-nhục người ta, việc phát-giác ra, thì người phạm với chủ nhà đều phải trị tội.

18. Phủ huyện phải lập bia ở các nơi sở-tại để cấm con trai con gái không được cùng tắm một bến, để cho có phân biệt.

19. Các xã thôn phải chọn một vài người già cả, đạo đức làm trưởng, những ngày thông-thả đem dân ra đình tuyên giảng những lời cáo dụ, khiến dân bắt-chước làm điều thiện, thành ra mỹ-tục.

20. Trong hạt phủ huyện có kẻ cường-hào xâm chiếm điền thổ, ức hiếp cô độc và xui giục người ta kiện-tụng, thì cho xã thôn cáo-giác lên để quan xử trị ; nếu mà tuần-ẩn thì phải biếm-bãi.

21. Các nhà Vương, Công, đại thần dung-túng những tiểu-nhân, đưa người khấn lễ, và để cho người nhà đi ức-hiếp dân-gian mà mua rẻ các đồ-vật, thì cho dân được đầu cáo để trọng-trị.

22. Những người làm quan phủ, huyện mà biết khuyên bảo dân-gian làm điều lễ-nghĩa khiêm-nhượng, có quan Thừa-Chính, Hiến-sát xét thực, thì được cho vào hạng tốt ; nếu ai không chăm dạy-bảo dân thì cho là người không xứng chức.

23. Các huynh-trưởng ở chốn xã thôn và phường, biết dạy-bảo con em trong làng nên được phong-tục tốt, thì quan phủ huyện phải bẩm toà Thừa, toà Hiến để tâu Vua ban khen cho.

24. Dân mừng mán ở ngoài bờ-cõi, nếu giữ lời di-huấn, không được trái đạo luân-thường như cha, anh, chú, bác đã chết thì con em không được chiếm lấy những thê thiếp nếu mà trái phép, thì sẽ trị tội rất nặng.

Ngoài 24 điều trên đây, Thánh-tông thêm một điều nữa, vào khoảng năm 1472 : « Vợ có thai trong khi tang chế không phải là có tội ». Nguyên xưa, như thế là không được. Nhận thấy ông Nguyễn Kim-An đỗ Bảng-nhãn, làm quan Hàn-lâm-viện-thi-thư, vì có tang thân-sinh, giữ đúng phép nước, không gần nữ-sắc ; chẳng may đến khi Kim-An vừa hết tang thì chết, không có con trai. Thánh-tông không chấp nệ theo cổ-tục, liền xuống chiếu cho dân biết rằng cái luật « cấm vợ có thai trong khi tang chế » là có hại cho quốc dân, cần phải bãi bỏ. Vậy từ nay, dân gian, ai có tang chế, mà vợ có mang, sinh con, không có tội gì nữa. ⁵⁵

III. ĐỆ NHẤT KHAI-QUỐC CÔNG-THẦN CỦA NHÀ TIỀN LÊ

A) KHAI QUỐC CÔNG THẦN

Trong hàng khai-quốc công-thần của nhà Lê, ta nên đặt Lê-Lai và Nguyễn Trãi lên đầu.

Lê-Lai : chính tên là Nguyễn Thân. Ông người làng Dung-tụ (thuộc Lam-sơn Thanh-hoá). Vì theo Lê Lợi nên đổi họ là Lê. Năm 1419, khi Bình-định-vương đóng quân ở Chí-Linh bị đại binh của giặc Minh đến vây, tình thế quá nguy ngập, Lê Lai đổi áo thay làm *Bình-định-vương* ra trận. Thấy Lê Lai, giặc lầm là Bình-định-vương, xô nhau lại giết. Nhờ thế, Bình-định-vương thoát nạn trốn về Lữ-sơn, để gây nghiệp lớn sau này.

Bình-định-vương rất cảm động trước cử-chỉ anh-hùng nghĩa khí của Lê Lai, lạy trời mà khẩn rằng : « Lê Lai có công thay đổi áo. Sau này trăm cùng con cháu và các tướng tá, con cháu các công thần, nếu không thương đến

công ấy thì xin đèn đài hoá ra rừng núi, ẩn vàng hoá ra đồng sắt, gươm thần hoá ra đao binh ».

Và đến khi thành công, lên ngôi Hoàng-đế Bình-định-vương không những chỉ truy tặng cho Lê Lai chức Thái-úy, tấn phong Đại vương, còn định rằng, sau này, khi kỵ ngài, phải cúng Lê Lai trước. Do đó, trong vùng Nghệ-an Hà-tĩnh có câu ca dao : « Hăm một Lê Lai, hăm hai Lê Lợi ».

Nguyễn Trãi : hiệu Úc-trai, con ông Ứng Long, hiệu Phi-Khanh đậu bảng-nhãn đời nhà Trần, nguyên ở làng Chi-ngại, huyện Phượng-sơn (Chí-linh, Hải-dương) dời đến ở làng Nhị-kê, huyện Thường-phúc (nay là Thường-tín, Hà-đông).

Lúc Minh thắng nhà Hồ, nghi Phi-Khanh (bấy giờ làm Trung-thư-thị-lang, kiêm Quốc-tử-giám-tư-nghiệp) có lòng phản Minh, bắt ông đưa về Kim-lăng (tức Nankinh bây giờ).

Nguyễn Trãi đỗ tiến-sĩ đời Hồ, thấy cha bị bắt, lẻo đẻo theo khóc. Đến ải Nam-quan, Phi-Khanh ngoảnh lại bảo Nguyễn Trãi : « Con hãy giở về tìm phương giả thù cho cha, rửa hờn cho nước. Đi theo khóc có ích gì đâu ». Nguyễn Trãi bèn quay gót và từ đấy ngày đêm mưu sự báo thù giặc Minh.

Năm 1420, Bình-định-vương đóng quân ở Lỗi-giang (một khúc sông Mã-giang, phía trên huyện Cẩm-thủy) Nguyễn Trãi vào yết kiến Bình-định-vương, dâng kế « *Bình Ngô* ». Bình-định-vương khen hay, dùng Nguyễn Trãi làm tham-mưu.

Nguyễn Trãi giúp Bình-định-vương tổ chức mọi việc, về quân-sự cũng như về chính-trị, thảo các văn thư giao thiệp với Minh, và Hịch truyền ngoài dân chúng.

Bình-định-vương, khi đã thành công, lên ngôi Hoàng-đế cho ông đổi họ mà gọi là Lê Trãi, phong tước Hầu và cho giữ chức Nhập-nội-hành-khiển (thủ-tướng).

Được 60 tuổi (năm 1439), ông về trí-sĩ ở Côn-sơn (Hải-dương).

Năm 1442, vua Lê Thái-tông (nổi ngôi Thái-tổ) đi duyệt binh ở huyện Chí-linh, có ghé thăm Nguyễn Trãi ở Côn-sơn ; thấy tỳ-thiếp Nguyễn Trãi là Nguyễn thị-Lộ, sắc đẹp lộng lẫy, văn-chương gồm tài, liền triệu làm Lễ-nghi học-sĩ, ngày đêm hầu hạ.

Và đã gây nên cái án « giết Nguyễn Trãi cùng cả họ ».⁵⁶

22 năm sau, Lê Thánh-tông hiểu là Nguyễn Trãi bị giết oan, xuống chiếu truy tặng và cho tìm con cháu Nguyễn Trãi về, cấp ruộng 100 mẫu để phụng sự tổ tiên.⁵⁷

Trong tập « Quỳnh Uyển Cửu Ca » Lê Thánh-tông đã viết « Ưc-Trai tâm thượng quang khuê tảo » (lòng Ưc-trai sáng như sao).

Nguyễn Trãi không những chỉ giúp Bình-Định-vương diệt Minh khôi phục nền tự chủ cho giang sơn, còn trước-tác nhiều văn phẩm có giá trị, lưu truyền mãi : Ưc-trai tập, Ưc-trai thi tập, Văn loại, Quân trung từ mệnh tập, Dư địa chí, Gia-huấn ca... Có tiếng nhất là bài « BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO » đã nói ở trên (A).

B) MÃI QUỐC CẦU VINH

Khi Bình-định-vương mới phát cờ khởi nghĩa (1418), tên Ái, một trong bày tôi, người làng Nguyệt-ấn, và tên Đỗ Phú, ngầm dẫn quân Minh vào xứ Phật-hoàng đào lấy hài cốt tổ tiên Bình-định-vương, hẹn Bình-định-vương có ra hàng mới giả⁵⁸. Hai tên này lại chỉ đường cho giặc đánh Bình-định-vương ở Lạc-thủy, khiến Bình-định-vương phải chạy lên Chí-linh, bỏ lại vợ con người nhà bị bắt.

Năm 1420, tên Cầm Lạm chỉ lối cho tướng Minh là Lý Bân, Phương Chính vào Thôi-Mang đánh nghĩa-quân. Năm 1421, tên Lộ bá-Luật lập kế phản gián, sang du thuyết bên nước Lào, để Lào hiềm khích với Bình-định-vương, đem quân giúp Minh. Hai tên Cầm Bành, Cầm Lạn đã ham danh lợi làm quan theo giặc, đánh lại Bình-định-vương, giữ thành Trà-long. Tên Trần an-Vinh, Trần Phong, Lương nhữ-Hốt tham chức của giặc cho, sợ khi giặc

rút đi thì bị giết, xui xiểm giặc làm tan rã cuộc hoà hảo năm 1426, để chiến tranh kéo dài thêm, xiết bao tai vạ !

Những phần tử « mãi quốc cầu vinh » trên đây, sau khi chiến tranh đã chấm dứt, quan nhà Minh lập danh-sách, gọi là « NGUY QUAN » giao giả Bình-định-Vương. Đời sau gọi chúng là lũ « trụy dân ».⁵⁹

IV. LÒNG HY SINH CAO CẢ CỦA NGUYỄN TRÃI

Bài « *Đệ nhất khai quốc công thần* » trên đây đã nói đến công lao của Nguyễn Trãi trong khi giúp Lê Lợi diệt Minh, khôi phục đất nước.

Nhưng sau khi Lê Lợi đã băng hà, Nguyễn Trãi còn tỏ lòng hy sinh vì nước đến bậc nào ?

Lê Thái-tông lên nối nghiệp Lê Thái-tổ, lúc còn ít tuổi, công việc trị dân giao cho Lê Sát định đoạt.

Lê Sát tuy lập được nhiều công khi dẹp giặc, song ít học, được giữ chức Phụ-chính, làm nhiều điều kiêu-hãnh, triều thần ai không tòng phục là tìm cách hãm hại. Thấy thế, Nguyễn Trãi lấy làm chán nản, xin về trí-sĩ ở Côn-sơn, vui cùng cây cỏ gió giăng.

Một hôm, Thái-tông ghé vào Côn-sơn thăm Nguyễn Trãi, nhân dịp đi duyệt võ ở Chí-linh, thấy người thiếp Nguyễn Trãi là Nguyễn thị-Lộ có nhan-sắc và văn tài, triệu cho làm Lễ-nghi học-sĩ.

Không phục thái-độ đê hèn dâm-dục của Thái-tông, thị-Lộ toan liều mình tự tử. Nguyễn Trãi bèn nói cùng thị-Lộ : « Tính theo lẽ huyền bí, nhà Lê lại sẽ hưng thịnh để làm rạng rỡ công lao của Thái-tổ, bởi một vị Anh Quân ra đời sau đây. Vị Anh-Quân ấy hiện đang mắc nạn, mà bốn phận ta phải cứu, trước vì nhà Lê, sau vì tương lai của tổ quốc. Vậy vị Anh-Quân ấy là ai, hiện ở đâu ? Trong Cung, bà Tiệp Dư Ngô thị-Đào đã có mang với vua Thái-tông, đang bị Hoàng-thái-hậu ghen tuông, hành hạ mà chịu lao-đao vất vả. Ấy chính người con còn nằm trong bụng Tiệp-Dư sau này ra đời, sẽ là vị Anh-Quân kia vậy. Như thế thì nàng hãy hy-sinh lòng trinh-tiết trong phạm-

vi chật-hẹp, vì hoàn cảnh mà vượt theo nghĩa cả ra ngoài thường tình của thế gian ».

Nghe lời Nguyễn Trãi, thị-Lộ theo hầu Thái-tông. Và trước lòng tin yêu của Thái-tông, thị-Lộ đã cứu được Tiệp-Dư trốn ra lánh nạn ở An-bang (Quảng-yên bây giờ) đợi ngày mãn nguyệt khai hoa.

Ngày qua tháng lại... Tiệp-Dư đã sinh hạ được một giai, ấy là Lê Thánh-tông, một vị Vua thông minh đã làm cho nước giàu dân mạnh, mà bài 6 đã nói ở trên.

Có ngờ đâu khi Thánh tông ra đời làm cho nước được thịnh cường, thì Nguyễn Trãi và thị Lộ có còn đâu trên trần thế !

Nguyên Thái-tông, sau khi đã được thị-Lộ đem ngày hầu hạ bên mình, đi duyệt binh Chí-linh giờ về đến vườn Lệ-chi (cây vải) xã Đại-lai, huyện Gia-định (Bắc-ninh) thì mắc bệnh sốt mà chết bất thành linh, làm cho Nguyễn Trãi và thị-Lộ bị tống giam nghị tội.

Lúc Hình quan hỏi thị-Lộ có phải Nguyễn-Trãi mưu sự thí nghịch ? thị-Lộ, bị tra tấn, buộc mình đã nhận có.

Lúc bấy giờ trong triều tuyền tiểu-nhân hống-hách, ghen ghét lẫn nhau vì hư danh tư lợi, Nguyễn Trãi biết không sao tránh khỏi tội « chém ». Nhưng nếu bị chém một mình với thị-Lộ ắt chả bao lâu con cái sẽ nổi loạn chống lại triều-đình mà rửa hận. Cái hoạ « nội chiến » ấy tất lại gây mầm xâm-lãng cho giặc Tàu. Ấu là hy-sinh toàn gia cho việc nước được êm, để một ngày kia mình quân xuất thế cứu vãn lấy thời cơ ; thế là Nguyễn Trãi mạnh bạo xin với Hình quan xử cho cái tội « giết cả toàn gia » mới hả lòng.

Người đời đã đặt ra rất nhiều truyện phong thuỷ và nghiệp báo về cái án « Nguyễn Trãi với thị Lộ » ⁶⁰. Nhưng câu chuyện truyền khẩu trên đây là đáng tin hơn cả, về phương diện tâm lý.

Xét trong lịch-sử, biết bao công thần bị nghi « phản nghịch » mà phải tội ; mấy ai đã phải « giết cả toàn gia » ? huống chi Nguyễn Trãi là một Khai-quốc-công-thần vào bậc nhất, mà cái tội « thí nghịch » do thị-Lộ khai không tang chứng, sau một phen bị tra tấn cực hình ?

Rất có thể, một nhà bác học như Nguyễn Trãi, khi lâm nạn đã liên tưởng đến một việc xảy ra về đời Chiến-quốc : Sở Bình-vương muốn giết Ngũ-Xa và 2 con là Ngũ-Thượng cùng Ngũ-Viên đều là 3 đại-tướng của Sở. Giữ lòng trung với Vua, Ngũ-Xa gọi ngay cả hai con về triều chịu tội. Ngũ-Thượng nghĩ chịu chết theo ý bố là hiếu mà về. Nhưng Ngũ-Viên nói sống để giết kẻ bất nhân giả thù cho bố, lại là Hiếu hơn, nhất định không về ; thế là Ngũ-Viên hàng Ngô, đem Ngô về đánh Sở. Sở chịu mất nước cho Ngô, nhưng Ngũ Viên đã hả lòng được quật mả Sở Bình-vương lên, đánh vào thi hài để báo hiếu.

Đã chịu mất vợ cho Thái-tông, lại vui lòng huỷ cả thân danh vì lữ tiếu-nhân, còn hy-sinh tính mệnh của toàn gia để tránh cho Đại-việt cái số phận của Sở, Nguyễn Trãi đã có một tấm lòng hy-sinh cao cả không lường xiết !

NHỮNG SÁCH GIÁO-KHOA ĐÃ XUẤT BẢN

- CỔ HỌC TINH HOA của Nguyễn-văn-Ngọc và Trần lê-Nhân (quyển I) 18\$
- CỔ HỌC TINH HOA của Nguyễn-văn-Ngọc và Trần lê-Nhân (quyển II) hết
- THƠ NGỤ NGÔN LA FONTAINE của Nguyễn-văn-Vĩnh dịch. 12\$
- NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI Của Vũ-ngọc-Phan (toàn bộ 5 cuốn)164\$
- VĂN THIÊN TƯỜNG (chính khí ca) (có phụ lục bài Hà-Thành Chính-Khí ca của Ba Giai và tiểu sử cụ Hoàng-Diệu) 5\$
- KINH-KHA và LẠN TƯỞNG NHƯ (Hai nhân vật đời Chiến Quốc) 5\$
- TẬP ĐỒ (Vở viết tô và tập theo mẫu) từ số 1 đến số 6 mỗi quyển giá 2\$

Vĩnh-Thịnh

63 LÒ SÚ HÀ-NỘI

K. D. số 390 ngày 12-2-52 tại Hà-nội.

Giá Bắc-Việt 16\$

Ngoài B.V. 18\$

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ

Notes

[\[←1\]](#)

Tục truyền có lần Bình-Định-vương cho người viết mật vào lá. Sau khi kiến theo vết mật ngọt nhấm là để « lộ ra bốn chữ » : « *LÊ LỢI VI VƯƠNG, NGUYỄN TRÃI VI THẦN* » (Lê Lợi làm vua, Nguyễn Trãi làm tôi) để dân chúng yên trí là sự khởi nghĩa của Ngài do mệnh trời đã định. Ta nhận thấy thời này, mọi sự dân chúng đều tin ở Thần quyền. Thật là một cách tuyên truyền có nghệ thuật, dựa theo trình độ tiến hoá của nhân loại, không khác Lý Thường-Kiệt đã đặt thơ ra mà bảo của Thần cho, khi đánh Tống trên sông Như-nguyệt (xem bài 19 quyển I).

[\[←2\]](#)

Xem ở phụ trường : bài *C* và *D* cuối quyển.

[\[← 3\]](#)

Xem ở phụ trường : bài *C* và *D* cuối quyển.

[\[← 4\]](#)

Lam-sơn : Thúc Lục chép Hồ Ông là con đũa ăn mào, đổi tên là Cầm Quy, nhận hão là cháu 8 đời vua Nghệ-tông. Nói như thế vị tất đã đúng, bởi nếu lấy bất cứ ai cũng được, thì thiếu gì người lại phải lấy con ăn mào. Chép như thế, có lẽ muốn làm nhẹ bớt sự tàn nhẫn của triều đình đã bắt Trần Cao thắt cổ tự tử.

[\[← 5\]](#)

Ô-Mã-Nhi : một đại-tướng Nguyên qua đánh An-nam, bị Trần Hưng-Đạo-đại-vương bắt sống trên sông Bạch-đăng năm 1287. Khi Nguyên thua, hai nước lại giao hiếu, vua Trần Nhân-tông giả Ô-Mã-Nhi về cho Nguyên, song theo kế Trần Hưng-Đạo, sai người đưa đi đến giữa bể, đánh đắm thuyền cho Ô-Mã-Nhi chết đuối (xem bài 22 Quyển I).

[\[← 6\]](#)

Theo « Histoire de la Chine » của Georges Souillé de Morant : Minh sang đánh Lê Lợi, về bắt được cách làm súng Thần-sang của An-nam. Như vậy là người An-nam đã biết làm súng Thần-sang từ lâu, mà Sử ta không thấy chép.

[← 7](#)

Lý-thường-Kiệt đòi lại được 3 châu của Chiêm-thành đã dâng cho *Lý* thánh tông năm 1069 sau lại thu về (xem bài 19 quyển 1)

[← 8](#)

Từ đây, xin dùng danh-từ Đại-Việt, không dùng An-nam nữa.

[\[← 9\]](#)

Sử chép vì Bình-Định-vương giết mất hai tướng nhà Minh là Liễu Thăng và Lương Minh cho nên phải cống 2 người vàng thể mạng. Lệ cống người vàng này, mãi đến đời vua Quang-Trung, Nguyễn Huệ (Tây-Sơn) mới bãi bỏ đi được (Xem quyển III tiếp theo sẽ nói đến)

[\[← 10\]](#)

- Tội *xuy* có 5 bậc, phạt đánh từ 10 đến 50 trượng.
- Tội *trượng* có 5 bậc, phạt đánh từ 60 đến 100 trượng.
- Tội *đồ* có ba bậc : *đồ* làm dịch đình, *đồ* làm lính chuông voi, *đồ* làm lính đồn-điền.
- Tội *lưu* có ba bậc : *lưu* đi cận Châu (vào Nghệ-an), *lưu* đi viễn Châu (vào BỐ-Chính), *lưu* đi ngoại Châu (vào Tân-bình)
- Tội *tử* có ba bậc : thắt cổ và chém ; chém bêu đầu và lăng-trì.

Theo nhà Chu, bát nghị là :

- *Nghị thân* : những người thuộc họ hàng thân thích với nhà vua.
- *Nghị cố* : những người thuộc hàng cố cụ.
- *Nghị hiền* : những người hiền đức.
- *Nghị năng* : những người có tài năng.
- *Nghị công* : những người có công lao.
- *Nghị qui* : những người thuộc quý tộc, dòng dõi công thần.
- *Nghị cần* : những người chịu cần lao làm việc.
- *Nghị tân* : những người không thuộc về hạng dân thường, nhưng được coi như khách, dòng dõi các triều vua trước chẳng hạn.

[\[← 12\]](#)

Bắt đầu Bình-Định-Vương chia Đông-đô làm 4 Đạo :

- *Tây đạo* gồm những trấn Tam-Giang, Tuyên-quang, Hưng-hoá, Gia-hưng.
 - *Đông đạo* gồm những trấn Thượng-hồng, Hạ-hồng, Thượng-sách, Hạ-sách và Lộ An-bang.
 - *Bắc đạo* gồm những trấn Bắc-giang, Thái-nguyên.
 - *Nam đạo* gồm những Lộ Khoái-châu, Lý-nhân, Tân-hưng, Kiến-xương, Thiên-trường
- (theo Lịch Triều Hiến Chương Loại chí của Phan Huy-Chú).

[← 13]

Quân điền : thừa xưa bên Tàu các vua lấy ruộng đất chia cho dân chúng theo hình chữ Tinh gọi là Tinh Điền, cứ 8 phần chung quanh chia cho 8 dân đình, phần ở giữa là của công. Về sau nhà Tần bãi bỏ lệ ấy, thu tất cả mà chia công đồng cho dân, Nay Lê Thái-tổ cũng bắt chước nhà Tần lấy tất cả tư điền quân phân cho dân, gọi là phép « Quân Điền », để tránh sự giàu nghèo quá chênh lệch giữa các lớp dân. Duy những công-điền, thì lấy riêng để chia cho những người già yếu cô quả.

[\[← 14\]](#)

Xem ở Phụ trương (Bài C và Bài D cuối quyển).

[\[← 15\]](#)

Xem Bài 7 ở dưới : « *Nước Chiêm-thành suy vong* ».

[← 16](#)

Xứ Bồn-Man, đông giáp Nghệ-an, Quảng-bình, tây bắc giáp Hưng-hoá và Thanh-hoá.

Mạc Đăng-Dung, người làng Đông-cao, huyện Bình-hà (Hải-dương) dời sang ở làng Cổ-trai (thuộc huyện Nghi-dương, Kiến-an ngày nay). Dung là một người nghèo, sống về nghề đánh cá, có sức mạnh. Nhân vua Uy-mục muốn kén người có sức mạnh vào làm túc-vệ để thoả tính hung-hãn. Đăng-Dung được kén làm chức Đô-chỉ-huy-sứ. Dần dần, quyền của Dung càng thêm to tát. Triều vua *Tương-Dực* được phong là Vũ-Xuyên bá, vua Chiêu-tông lại phong là Vũ-Xuyên hầu. Lúc Chiêu-tông cần Đăng-Dung để trừ bỏ phản nghịch, là lúc Chiêu-tông mở đường cho Đăng-Dung tiến đến chỗ « đoạt ngôi vua của nhà Lê » vậy. (Mạc Đăng-Dung là cháu 7 đời Mạc đĩnh-Chi).

Khi bà Tiệp-Dư (mẹ Thánh-tông) bị bà mẹ hoàng-tử Băng-cơ là Nguyễn-thị-Anh ghen ghét, vu oan mà phải lao-đao vất-vả, nhờ Nguyễn-thị-Lộ và Nguyễn-Trãi che chở mới được lánh ra ở miền An-bang. Sau khi Nhân-tông lên ngôi, mẹ con mới được quay về, phục hồi chức cũ. Khi Nghi-Dân bị triều-đình trừ khử, con bà Tiệp-Dư là hoàng-tử Tư-Thành sau là Gia-vương được mời lên ngôi, tức Thánh-tông vậy. Đối với mẹ, Thánh-tông sớm viếng tối thăm ; tôn mẹ là Quang-thục Hoàng thái-hậu. Khi mất, Thánh-tông dựng điện Huy-Văn ở chùa Hoa-văn huyện Thọ-xương Hà-nội (ở sau hàng Bộ bây giờ) là chỗ bà bị giam khi có mang ngài, để thờ bà, và đặt quan coi giữ, hương khói.

[\[← 19\]](#)

Bên nhà Minh, thời này, đặt Đô-sát-viện.

[\[← 20\]](#)

Xem bài 7 ở dưới : « *NƯỚC CHIÊM THÀNH SUY VONG* ».

[\[← 21\]](#)

Xem ở phụ trương, bài B.

[← 22](#)

Những tác-phẩm của hội Tao-đàn : *Minh lương cấm tú, Quỳnh uyển cừ ca, Xuân vân thi tập, Thiên nam dư hạ tập...*

[\[← 23\]](#)

Xem bài 7 « Chiêm-thành suy vong ».

[\[← 24\]](#)

Xem Bài 12 (đọc thêm) « *Họ Mạc ở Cao-Băng* ».

[\[← 25\]](#)

Khi bên Tàu nhà Thanh thắng nhà Minh, năm 1677, nhà Lê mới được vua Thanh phong vương.

[\[← 26\]](#)

Nguyễn Bình-Khiêm (1491-1585) tự là Hanh-Phủ, hiệu là Bạch-vân cư-sĩ, người làng Trung-am, huyện Vĩnh-lại (nay là Vĩnh-bảo, Hải-dương) đỗ trạng-nguyên năm 1535 đời Mạc-đăng-Doanh, làm quan đến Lại-bộ tả-thị-lang, sau được thăng Lại-bộ-thượng-thư và phong tước Trình-quốc-công, nên thường gọi trạng Trình.

[\[← 27\]](#)

Theo Maybon và Russier : người Bồ-đào-nha tên là Jean de la Croix lập lò đúc súng ở đất Thuận-hóa năm 1614 (đời Nguyễn phúc Nguyên).

[\[← 28\]](#)

Theo Cadière.

[\[← 29\]](#)

Đời Trần Dụ-tông cũng có bán, nhưng chỉ được lấy Hàm mà thôi, không được nhận chức làm quan.

[\[← 30\]](#)

Xem chú-thích trên bài 4.

[\[← 31\]](#)

Sài-Côn, chữ Cao-mên là Prei-Kor (rừng bông gạo). Khi người Đại-việt vào ở thì người Cao-mên gọi là Prei-nokor (rừng Kinh-đô), do Sài-Côn mà có tên Saigon. (Theo Madrolle, Indochine du Sud)

[← 32](#)

Tiêm-la, cũng gọi là Xiêm-la, là Siam, là Thái-lan.

[\[← 33\]](#)

Thấy người Hoà-lan đến buôn bán nhiều, nên gọi đạo ấy là đạo Hoà-Lan.

Theo « VIỆT SỬ KHẢO LƯỢC » của DƯƠNG-KY (trang 481) : Sở dĩ cấm đạo như thế là vì các Chúa, cũng như người Nhật-bản lúc bấy giờ, không khỏi nghi các Cố đạo Âu, mở đường cho người Âu đến xâm lăng.

Năm 1600, một người Tây-ban-Nha đắm thuyền, thoát chết, lên Osaka, Người Nhật hỏi : « Vua của ông làm thế nào mà lấy được nhiều xứ trong thiên-hạ như thế ? »

Người ấy trả lời : « Bằng tôn-giáo và chiến-tranh. Các vị giáo-sĩ của chúng tôi tuyên truyền cho các dân-tộc để dọn đường rồi đến sau chinh-phục các dân-tộc ấy là một chuyện dễ như chơi ».

Lời tuyên bố đại dột ấy là một trong những nguyên nhân gây ra sự giết đạo rùng rợn lúc bấy giờ ở Nhật. (Xem thêm cước chú (1) ở bài 26 quyển III)

[\[← 35\]](#)

Đảo Côn-lôn bị người Anh chiếm.

[\[← 36\]](#)

Theo bản viết của Viện Bảo-tàng.

[\[← 37\]](#)

Theo Đại-nam Chính-biên liệt truyện thì đời thân sinh ra Nhạc là Hồ Phi-Phúc đã dời sang ở ấp Kiến-thành (nay là thôn Phú-lạc, huyện Tuy-viễn).

[← 38](#)

Theo dã-sử : một đêm khuya, bỗng trên đỉnh núi vùng Tây-sơn, lửa bốc sáng rực, rồi một tiếng nổ vang, tiếp theo tiếng gọi : « Nguyễn Nhạc phải lên núi ngay ». Nhạc lên, lúc xuống, đem theo cờ, kiếm nói Thần giao cho để khởi nghĩa cứu dân. Rất có thể Nguyễn Nhạc cũng biết lợi dụng Thần-quyền để thu hút lấy dân chúng.

[\[← 39\]](#)

Thời bấy giờ có câu truyền khẩu : « Quân Triều quân Quốc-Phó, Quân Ó quân Tây-sơn. Vì Trương phúc-Loan làm Quốc-Phó ; quân Tây-sơn đi đến đâu la ó đến đấy ».

[\[← 40\]](#)

Theo *Khâm-định việt-sử*.

[\[← 41\]](#)

Danh-từ Đông-hới hiện có là do Đông-hải mà ra.

[\[← 42\]](#)

Theo Đại-nam tiền biên liệt truyện : Trương phúc-Loan, lúc bị bắt, sai con đem vô số vàng lót cho Ngũ-Phúc. Song vẫn không được tha. Qua mùa đông năm Bính-thân (1776) Phúc-Loan, trong khi bị giải ra Thăng-long, chết ở giữa đường.

Sử ta chép Nguyễn-vương chạy lại đảo Côn-lôn (Poulo-Condore). Nhưng Côn-lôn ở xa đảo Phú-quốc lắm, chúa Nguyễn chạy theo đường trường như thế, trong lúc quân Tây-sơn theo dõi tìm kiếm, khó mà trốn tránh được. Đảo Koh-Rong ở không xa Phú-quốc mấy. Nguyễn-vương đã tránh mặt Tây-sơn loanh quanh trong mấy đảo gần nhau thì đúng hơn. Vậy có lẽ chữ « Koh-Rong » đã dịch lầm ra là Côn-lôn (theo Maybon).

Vua Cao-Tổ nhà Đường đặt An-Nam Đô-Hộ-Phủ năm 679 :

- Mai Thúc-Loan (Mai-Hắc-Đế) đánh quân Đường ở Hoan-Châu (Nghệ-An) năm 722.
- Trương Bá-Nghi (Kinh-lược-sứ của Nhà Đường) đắp thành Đại-La năm 767 (Hà-nội).
- Phùng-Hưng (Bố-Cái-Đại-Vương) đánh quân Đường chiếm được Phủ-tri năm 791.

[\[← 45\]](#)

Minh-trưng : chứng cứ rõ-ràng.

[← 46](#)

Tứ-ngược : hết sức tàn ngược.

[\[← 47\]](#)

Khoa-liễm : thuế-má.

[← 48](#)

Quan : người goá vợ ; quả : người goá chồng ; diên liên : những kẻ không có nhà ở, không trông cậy vào đâu được.

[← 49](#)

Dục đông : ý nói muốn về lấy Đông-đô.

[\[← 50\]](#)

Hư-tả : cỗ xe không bên trái để đợi người hiền.

[\[← 51\]](#)

Vọng-dương : trông ra biển không thấy gì.

[\[← 52\]](#)

Chứng-nịch : vớt người chết đuối.

[\[← 53\]](#)

Tuyên-đức : vua Tuyên-tông nhà Minh, niên-hiệu Tuyên-đức.

[\[← 54\]](#)

Thất xuất là không con, thất tiết, phạm lỗi với cha mẹ chồng, lăm điều, trộm cắp, ghen tuông, có ác tật.

[\[← 55\]](#)

Theo « *Những trang sử vẻ vang* » của Nguyễn-Lân.

[\[← 56\]](#)

Xem ở dưới « Lòng hy sinh cao cả của Nguyễn Trãi ».

[\[← 57\]](#)

Khi cả nhà Nguyễn Trãi bị nạn, thì người vợ thứ của Nguyễn Trãi là Phạm thị-Mân đương có mang được vài tháng, đi chợ vắng, trốn đi. Thị-Mân sau sinh ra một giai đỗi họ gọi là Phạm Anh-Võ. Đỗ tam trường, được Thánh-tông bổ tri-huyện Tây-chân (Nam-trực Nam-định).

[\[← 58\]](#)

Nhờ Trịnh Khả và Lê Bí đội cỏ lội đến chỗ thuyền treo hài cốt mà lấy lại được.

Vào thế kỷ thứ 10, bên Tàu khi rợ Kim (người Mãn-châu) đánh nhà Tống, có nhiều dân Tống chạy theo Kim làm quan hầu hạ cho được vinh thân phì gia. Đến lúc Kim rút lui, nhà Tống liệt kê lũ phản quốc này vào một sổ riêng gọi là sổ « trụy dân », suốt đời bắt làm ty tiện, con gái không được giao thông với lương dân, con trai không được thi cử. Từ đời Lê giở về sau, người nước ta cũng bắt chước Tống gọi lũ « phản quốc » làm theo giặc là « trụy dân », cũng như ngày nay, Tàu gọi lũ « phản quốc » là Hán-gian, thì ta bắt chước gọi lũ này là Việt-gian.

[\[← 60 \]](#)

Như chuyện « *răn* » hoá thành thị-Lộ để giả thù chẳng hạn. Những chuyện như thế chỉ là chuyện bịa đặt (có lẽ tự nhà Lê) để quy tội cho yêu quái, mà tự mình tránh cái tội quá tàn-nhẫn đối với một vị Đại Khai-quốc-công-thần. Ta nên xét thị-Lộ cũng là một vĩ-nhân chứ không phải yêu quái gì. Có tội chỉ là lũ tiểu-nhân đắc thời trong triều và một vị hôn-quân mà thôi.

Table of Contents

CHƯƠNG I : KỶ PHỤC HƯNG

Bài 1 : LÊ LỢI KHỞI NGHĨA

BÀI 2 : NHỮNG CHIẾN CÔNG ANH DŨNG CỦA LÊ LỢI

A) TỪ LAM-SƠN XUỐNG LẤY NGHỆ-AN,
THANH-HOÁ, TÂN-BÌNH VÀ THUẬN-
HOÁ

B) TỪ TRUNG RA CHIẾM BẮC

BÀI 3 : LỜI BÌNH VỀ LÊ LỢI

CHƯƠNG II : THỜI KỶ THỐNG NHẤT

BÀI 4 : DÒNG LÊ PHỤC HƯNG

A) THỜI KỶ CƯỜNG THỊNH : TỪ LÊ
THÁI-TỔ ĐẾN LÊ HIỂN-TÔNG (1428-
1504)

BÀI 5 : DÒNG LÊ PHỤC HƯNG (NỐI THEO)

B) THỜI KỶ SUY NHƯỢC : TỪ LÊ TÚC-
TÔNG ĐẾN LÊ CUNG-HOÀNG (1505-
1527)

BÀI 6 : LÊ THÁNH TÔNG MỘT ĐỨNG ANH-QUÂN

BÀI 7 : NƯỚC CHIÊM-THÀNH SUY VONG

CHƯƠNG III : NHÀ MẠC

BÀI 8 : NHÀ MẠC CƯỚP NGÔI NHÀ LÊ

BÀI ĐỌC THÊM : GƯƠNG TRUNG NGHĨA

CHƯƠNG IV : LÊ TRUNG HƯNG

BÀI 9 : NAM TRIỀU VÀ BẮC TRIỀU

BÀI 10 : NHÀ MẠC MẤT NGÔI

BÀI 11 : HẬU-LÊ GIAO THIỆP VỚI NHÀ MINH

BÀI 12 : NHÀ MẠC Ở CAO-BẰNG

CHƯƠNG V : TRỊNH NGUYỄN PHÂN TRANH

BÀI 13 : HỌ TRỊNH CHUYÊN QUYỀN

BÀI 14 : HỌ TRỊNH XUNG CHÚA Ở BẮC VÀ HỌ NGUYỄN XUNG CHÚA Ở NAM

A) TRỊNH Ở BẮC

B) NGUYỄN Ở NAM

BÀI 15 : NGUYỄN TRỊNH CHIẾN TRANH

BÀI 16 : CÔNG NGHIỆP HỌ TRỊNH Ở BẮC

BÀI 17 : CÔNG NGHIỆP HỌ TRỊNH Ở BẮC (NỐI THEO)

BÀI 18 : CÔNG NGHIỆP HỌ NGUYỄN Ở NAM

BÀI 19 : CUỘC NAM TIẾN

CHƯƠNG VI : NGƯỜI TÂY PHƯƠNG VÀ CÁC GIÁO-SĨ ĐẠO GIA-TÔ ĐẾN ĐẠI-VIỆT

BÀI 20 : NGƯỜI TÂY PHƯƠNG ĐẾN ĐẠI-VIỆT

BÀI 21 : CÁC GIÁO-SĨ VỚI SỰ TRUYỀN GIÁO

BÀI 22 : NGƯỜI TÂY PHƯƠNG VỚI VĂN-HÓA ĐẠI-VIỆT

BÀI ĐỌC THÊM : TIỂU SỬ CỐ ALEXANDRE DE RHODES VÀ PIGNEAU DE BÉHAINE

a) ALEXANDRE DE RHODES

B) PIGNEAU DE BÉHAINE

CHƯƠNG VII : CHÚA NGUYỄN SUY VONG

BÀI 23 : TRƯƠNG PHÚC-LOAN CHUYÊN QUYỀN

BÀI 24 : NGUỒN GỐC TÂY-SƠN

BÀI 25 : TÂY-SƠN LẤY QUI-NHÂN, QUẢNG-NGHĨA, BÌNH-THUẬN VÀ QUẢNG-NAM

BÀI 26 : HỌ TRỊNH LẤY PHÚ-XUÂN

BÀI 27 : TÂY-SƠN GẶP TRỊNH, TÂY-SƠN HOÀ VỚI TRỊNH ĐỂ DIỆT NGUYỄN

BÀI 28 : NGUYỄN ÁNH ĐÁNH TÂY-SƠN

BÀI 29 : NGUYỄN VƯƠNG CẦU CỨU VỚI PHÁP

BÀI 30 : NGUYỄN HUỆ PHÁ QUÂN TIÊM LA

TÓM TẮT

BẢNG THỐNG KÊ CÁC THỜI ĐẠI TỪ HÙNG VƯƠNG ĐẾN NGUYỄN SUY VONG

THỜI SƠ KHAI

BẮC THUỘC LẦN THỨ 1

THỜI KỲ TỰ CHỦ 1

BẮC THUỘC LẦN THỨ 2

THỜI KỲ TỰ CHỦ 2

BẮC THUỘC LẦN THỨ 3

THỜI KỲ TỰ CHỦ 3

BẮC THUỘC LẦN THỨ 4

THỜI KỲ TỰ CHỦ 4

PHỤ TRƯỞNG

I. BÌNH NGÔ ĐẠI CÁO (MỘT ÁNG VĂN KIỆT-TÁC CỦA NGUYỄN TRÃI)

II. 24 ĐIỀU RĂN DÂN CỦA LÊ THÁNH-TÔNG

III. ĐỆ NHẤT KHAI-QUỐC CÔNG-THẦN CỦA NHÀ TIỀN LÊ

A) KHAI QUỐC CÔNG THẦN

B) MÃI QUỐC CẦU VINH

IV. LÒNG HY SINH CAO CẢ CỦA NGUYỄN TRÃI